

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ  
ĐẠI HỌC KHOA HỌC**  
---- \* ----

**THS HOÀNG NGỌC VĨNH**

**GIÁO TRÌNH  
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**HUẾ - 2008**

## MỤC LỤC

Tên bài	Trang
Lời nói đầu	02
Chương 1: Khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển, đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh	04
Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.	27
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	46
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.	71
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của dân, do dân, vì dân.	99
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhân văn và văn hóa.	120
Chương 7: Một số vấn đề vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay.	149
Chương tham khảo: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau	160

## LỜI NÓI ĐẦU

\*\*\*

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu học tập, nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và ôn thi hết học phần và thi tốt nghiệp môn "Tư tưởng Hồ Chí Minh" của sinh viên không chuyên ngành lý luận Mác-Lênin và sinh viên ngành Giáo dục Chính trị của Trung tâm Đào tạo Đại học Từ xa thuộc Đại học Huế, cùng những bạn đọc xa gần có quan tâm đến môn học này, chúng tôi biên tập và cho ra mắt cuốn "Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh".

Cuốn sách được hoàn thành chủ yếu dựa vào nội dung cuốn "Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh" của Hội đồng lý luận Trung ương biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2003; cuốn "Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh" của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005; đồng thời tham khảo thêm cuốn "Những bài giảng về môn Tư tưởng Hồ Chí Minh" do PGS. Nguyễn Khánh Bật chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Hà Nội ấn hành 1999.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng biên soạn theo Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ("Đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh" do Thứ trưởng Trần Văn Nhung ký), song cuốn sách cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các bạn đồng nghiệp, đọc giả xa gần để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 09 năm 2006

**Th.s Hoàng Ngọc Vĩnh**

## **CHƯƠNG 1: NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

### **I. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.**

#### **1. Khái niệm và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.**

- *Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Lần đầu tiên Đảng ta nêu ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh là tại Đại hội VII năm 1991.

Tại Đại hội VII, nghị quyết của Bộ Chính trị đã khẳng định: “Đảng lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở nền tảng của tư tưởng, kim chỉ nam của mọi hành động”<sup>1</sup>. Đại hội IX tháng 4/2001 một lần nữa Đảng ta lại khẳng định điều đó. Đây là bước tiến lớn về tư tưởng của Đảng ta. Từ đó đến nay, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên rộng rãi khắp cả nước, khắp mọi ngành nghề.

Nghị quyết TW2 khóa VIII, đã chủ trương phải giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh khắp ở các cấp học. Mãi đến năm học 2003-2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới triển khai được một cách đồng loạt việc giảng dạy môn tư tưởng Hồ Chí Minh ở tất cả các lớp thuộc các trường Đại học và Cao đẳng trong cả nước (Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trên thực tế từ Đại hội II (1951), Đảng ta đã nêu ra Đường lối, tư cách đạo đức tác phong của Hồ Chí Minh. Tại Đại hội V (1981), Đảng ta đã nêu ra Hệ thống đạo đức tư cách của Hồ Chí Minh. Năm 1990, UNESCO thừa nhận Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc đồng thời là Nhà văn hóa lớn.

Hiện có nhiều định nghĩa khác nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh: Định nghĩa trong Nghị quyết của Đại hội VII, trong đề tài KX02, trong tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong bài nói của đồng chí Nguyễn Đức Bình đăng ở báo Nhân dân ngày 16/5/2000 v.v.

Trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành TƯ Đảng khóa IX ghi: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội,.. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và Dân tộc ta”<sup>2</sup>.

Có nhiều cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh: Là một lãnh tụ của Đảng, là Chủ tịch nước, là Cha già của dân tộc, là chiến sỹ lỗi lạc của phong trào công nhân và cộng sản quốc tế v.v.

Vấn đề là phải làm rõ: tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm, quan niệm về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành dựa trên nền tảng của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

Theo kết quả bước đầu và từ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đọc trước Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, khái niệm tư tưởng

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII- Nhà xuất bản Sự Thật- Hà Nội 1991- Trang 127.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia- Hà Nội 2001- Trang 83-84.

Hồ Chí Minh được định nghĩa như sau: *Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.*

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân nghĩa và thực tiễn cách mạng Việt Nam với tinh hoa văn hóa nhân loại, được nâng lên tầm cao mới dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

## **2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.**

- *Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau.

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh đã xác định rõ đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là rất rộng.

Tuy nhiên, với tư cách là một môn khoa học lý luận Mác-Lênin, đối tượng nghiên cứu của môn học là (Dĩ nhiên, mỗi luận điểm sau đều phải được làm rõ tính dân tộc, tính quốc tế gắn liền với tính nội dung và phương pháp):

Nghiên cứu nguồn gốc, quá trình hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu toàn bộ nội dung tư tưởng của Người trong quá trình hoạt động cách mạng của Người và của cách mạng Việt Nam.

Nghiên cứu phương pháp cách mạng trong tư tưởng của Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu phong cách Hồ Chí Minh. Phong cách là sản phẩm chủ quan, nhưng ở Hồ Chí Minh nó luôn quan hệ mật thiết với các quy luật khách quan.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta hiện nay. Vai trò nền tảng kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và giá trị tư tưởng của Người trong kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

Bước đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, *Tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một môn khoa học lý luận Mác-Lênin*, mới chỉ nghiên cứu những hệ tư tưởng chủ yếu sau đây:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tư tưởng đạo đức, nhân văn, văn hóa của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

- *Phương pháp nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.*

+ *Về phương pháp luận:*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận của chủ nghĩa Mác-Lênin nên phương pháp xuyên suốt của môn khoa học này là phép biện chứng duy vật.

Khi vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh có phương pháp riêng của mình, vì vậy từ những phương pháp của Người thì phương pháp nghiên cứu của môn khoa học này còn chủ yếu phải là các

phương pháp Lý luận gắn liền với thực tiễn; Toàn diện và hệ thống; Lịch sử cụ thể; Kế thừa và phát triển.

+ *Nguồn tài liệu để nghiên cứu:*

HỒ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000, Trọn bộ 12 tập.

HỒ Chí Minh biên niên sự kiện, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, Trọn bộ 10 tập.

Các văn kiện, tài liệu của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức tiền thân của Đảng về HỒ Chí Minh.

Các hồi ký, bài viết của bạn bè, những công trình nghiên cứu về HỒ Chí Minh ở trong nước và trên thế giới.

- *Đặc điểm nghiên cứu của tư tưởng HỒ Chí Minh.*

Phải đứng vững trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng để nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh: Khi nhìn nhận, đánh giá tư tưởng HỒ Chí Minh phải có cách nhìn toàn diện; HỒ Chí Minh không chỉ là một nhà lý luận, mà ở HỒ Chí Minh nói đi đôi với làm; Phải có cái nhìn lịch sử cụ thể và phát triển khi nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh.

Phải nắm vững tính khoa học khi nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh: Tư tưởng và phương pháp HỒ Chí Minh vốn nó đã có nội dung khoa học; Khi nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh phải thật sự khoa học (Người rất ít khi nói về mình); Người luôn chất lọc và lắng nghe ý kiến của dân, luôn trân trọng những phát hiện mới.

Phải đảm bảo tính Đảng khi nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh: Phải căn cứ vào những đánh giá của Đảng ta và của các đồng chí lãnh đạo về Người; Phải đảm bảo tính giáo dục cao trong nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh, tức vừa nghiên cứu khoa học, vừa thể hiện tình cảm với HỒ Chí Minh; Phải khẳng định cái mới, cái tốt, phê phán những cái sai, cái xấu; Phải nắm vững mối quan hệ giữa tính Đảng với tính khoa học, đây chính là mối quan hệ cá nhân với quần chúng, và khẳng định vai trò của HỒ Chí Minh.

## II. **Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh.**

### 1. **Điều kiện lịch sử-xã hội.**

#### a) *Xã hội Việt Nam thế kỷ XIX đầu XX.*

Đầu thế kỷ XIX cho đến khi Pháp xâm lược, Việt Nam vẫn là một nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, trì trệ.

Nhà Nguyễn thi hành một chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, phản động: tăng cường đàn áp, bóc lột ở bên trong và bế quan tỏa cảng đối với bên ngoài. Vì vậy, đã không phát huy được những thế mạnh của dân tộc và đất nước. Việc dân tộc bị rơi vào tay thực dân Pháp, không phải là một định mệnh lịch sử, mà triều đình Nhà Nguyễn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm vì họ bên trong thì sợ nhân dân, bên ngoài thì bạc nhược trước kẻ thù.

Cuối thế kỷ XIX, đất nước ta rơi vào cảnh nô lệ lầm than dưới ách thống trị thuộc địa của thực dân Pháp. Các phong trào yêu nước dấy lên rầm rộ, khắp trong cả nước: Trương Định, Nguyễn Trung Trực (Nam Bộ), Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng (Trung Bộ), Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích (Bắc Bộ), v.v. nhưng đều lần lượt bị thất bại, do họ chưa có một đường lối kháng chiến rõ ràng và bản thân những người lãnh đạo, họ đều là những văn thân, sỹ phu còn mang

*nặng ý thức hệ phong kiến. Điều đó cho thấy sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ của lịch sử của Việt Nam trong giai đoạn mới.*

*Những năm đầu của thế kỷ XX, với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp, ở Việt Nam đã xuất hiện tầng lớp tiểu tư sản và mầm móng của giai cấp tư sản. Đồng thời Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của vận động cải cách của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu (Trung Quốc), phong trào yêu nước chống Pháp của Việt Nam dần chuyển sang xu hướng dân chủ tư sản. Các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam Quang Phục hội v.v dấy lên và lần lượt bị dập tắt, một phần do họ chưa lôi kéo được sự ủng hộ của nhân dân, một phần người lãnh đạo các phong trào ấy vẫn là các sỹ phu phong kiến.*

*Nguyễn Tất Thành lớn lên và chứng kiến phong trào cách mạng của đất nước vào thời kỳ khó khăn nhất: Trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa (12/1907); Cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế và các tỉnh miền Trung bị đàn áp (4/1908); Vụ Hà Thành đầu độc bị thất bại và tàn sát (6/1908); Nghĩa quân Yên Thế bị thất bại (1/1909); Phong trào Đông Du bị tan rã (Phan Bội Châu và các đồng đội của cụ bị trục xuất khỏi Nhật 2/1909); Các lãnh tụ của phong trào Duy Tân bị lên máy chém và bị đày đi Côn Đảo v.v. Từ đó, Người đã nhận thức rất rõ phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn đi đến thắng lợi phải đi theo một con đường mới.*

*- Quê hương, Gia đình.*

*Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh ra Hồ Chí Minh là một nhà Nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Tấm gương lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt gian khổ để đạt mục tiêu và thương dân của Cụ Nguyễn Sinh Sắc, sau này đã được Nguyễn Ai Quốc nâng lên thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình.*

*Nghệ Tĩnh, quê hương của Người là mảnh đất có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, với bao người con ưu tú như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu v.v. Ngay Kim Liên, quê của Người cũng đã thấm máu bao anh hùng, liệt sỹ chống Pháp: Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyến, chị và anh của Người. Không phải ngẫu nhiên, Nghệ Tĩnh có vinh dự đã sản sinh ra vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hóa kiệt xuất của nước Việt Nam mới.*

*Từ nhỏ, Người đã đau xót chứng kiến cuộc sống nghèo khó, bị đàn áp, bị bóc lột cùng cực của đồng bào mình. Những năm sống ở Huế, Người đã tận mắt nhìn thấy tội ác của bọn thực dân, thái độ uơ hèn bạc nhược của bọn quan lại.*

*Tất cả những điều ấy đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Quê hương, gia đình, truyền thống dân tộc đã chuẩn bị cho Người về nhiều mặt, nhưng Người sẽ không thành công nếu Người không đến được với trào lưu mới của thời đại.*

*b) Thời Đại.*

*Giai đoạn này, thế giới cũng có những thuận lợi: Phương Đông đã thức tỉnh; Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Quốc tế cộng sản được thành lập; Các Đảng cộng sản đã lần lượt ra đời ở một số nước châu Âu và châu Á...*

*Ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã hoạt động trong phong trào công nhân và lao động một số nước trên thế giới, đến với nhân dân cần lao ở các nước thuộc địa học tập, nghiên cứu các trào lưu tư tưởng, các thể chế chính trị, tiếp thu tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản.*

*Nguyễn Ai Quốc bước lên vũ đài chính trị khi chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc đã là một lực lượng quốc tế. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX không còn là sự đấu tranh của một nước này chống sự xâm lược của một nước kia nữa, mà đã là cuộc đấu tranh của chung các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế.*

*Trong điều kiện lịch sử mới, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nếu chỉ tiến hành riêng rẽ ở từng nước thì không thể đi đến thắng lợi. Sự thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam đều thất bại, không phải vì nhân dân ta thiếu anh hùng, các lãnh tụ thiếu nhiệt huyết cách mạng, mà vì các lãnh tụ đã không nhận thấy được đặc điểm của thời đại, nên chỉ tự nổi dậy như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, hoặc đấu tranh không thắng nổi thì đi cầu ngoại viện như Phan Bội Châu.*

*Khi còn trong nước, Nguyễn Tất Thành chưa nhận thức được đặc điểm ấy của thời đại. Nhưng từ thực tế lịch sử, Người thấy rõ con đường của các bậc cha anh là không đem lại kết quả, vì vậy Người phải ra đi tìm con đường mới cứu nước. Người đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân lên khoảng 30 nước, trở thành một trong những nhà hoạt động chính trị đã đi nhiều nhất, có vốn hiểu biết phong phú nhất về các nước thuộc địa và các nước tư bản đế quốc chủ yếu nhất trong nửa đầu thế kỷ XX. Nhờ đó, Người đã hiểu rõ được bản chất chung của chủ nghĩa đế quốc, màu sắc riêng của từng nước đế quốc; đã hiểu được trình độ phát triển của nhiều nước thuộc địa cùng cảnh ngộ v.v..*

*Khoảng cuối 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh đến sống và hoạt động tại Pa ri, một trung tâm văn hóa, khoa học và chính trị của châu Âu. Ở đây, nhờ lẫn lộn trong phong trào lao động Pháp, sát cánh với những người yêu nước Việt Nam và những người cách mạng từ các nước thuộc địa khác của Pháp, mà Nguyễn Tất Thành đã nhanh chóng gia nhập Đảng Xã hội Pháp, chính đảng duy nhất của Pháp bênh vực các dân tộc thuộc địa, rồi trở thành một chiến sỹ xã hội chủ nghĩa.*

*Năm 1919, Nguyễn Ai Quốc nhân danh những người Việt Nam yêu nước, gửi tới Hội nghị Vécxây (Hội nghị Hòa Bình) bản Yêu sách của nhân dân An Nam, đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho Việt Nam. Bản yêu sách không được chấp nhận, Nguyễn Ai Quốc đã rút ra được bài học: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào chính bản thân mình. Nhưng lúc này, Người vẫn chưa ý thức được đầy đủ về con đường giải phóng dân tộc phải gắn liền với hai tác động quyết định là cách mạng Tháng Mười và Quốc tế III, vì sự tác động của hai sự kiện này đã bị bưng bít bởi báo chí tư sản Pháp.*

*Năm 1914, Lênin đã giải tán Quốc tế II và tháng 3/1919 thành lập ra Quốc tế III, đồng thời lãnh đạo Nhà nước Xô viết đánh bại cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất của 14 nước đế quốc và bốn bạch vệ. Từ 1920, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười lan rộng ra khắp thế giới, làm cho sự phân liệt trong nội bộ các Đảng Dân chủ Xã hội (Quốc tế II) thêm sâu sắc và toàn diện khắp các vấn đề cơ bản: Đấu tranh giải phóng, cách mạng xã hội, chuyên chính vô sản, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế, trong đó có vấn đề dân tộc thuộc địa.*

*Là một đảng viên tích cực của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ai Quốc không đứng ngoài cuộc tranh luận ấy. Muốn tham gia đấu tranh phải tìm hiểu lý luận. Trước khi tiếp cận với Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Nguyễn Ai Quốc đã sơ bộ đi đến kết luận: Chủ nghĩa tư bản, đế quốc ở đâu cũng tàn bạo, độc ác, bất công; người lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột, đẩy đọa, “dù màu da có khác nhau,*



trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”.

Từ nhận thức về quan hệ áp bức dân tộc, Người đã đi tới nhận thức về quan hệ áp bức giai cấp, từ quyền của các dân tộc, Người đi đến quyền của con người, trước hết là của những người lao động. Từ xác định rõ kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc, Người đã thấy được bạn đồng minh là nhân dân lao động ở các nước chính quốc và thuộc địa. Chính thế, khi đọc Luận cương của Lênin, Người đã mừng rỡ đến trào nước mắt, đã reo lên như tìm ra được một phát kiến vĩ đại. Chính Luận cương của Lênin đã giúp Người tìm ra con đường chân chính cứu nước, cứu dân.

Đêm kết thúc Đại hội Tua (30/12/1920), đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ai Quốc: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình trong sự nghiệp giải phóng tất cả các dân tộc, đồng thời mở ra bước ngoặt mới cho bao thế hệ của người cách mạng Việt Nam: Từ người yêu nước thành người cộng sản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gặp gỡ giữa trí tuệ lớn của Hồ Chí Minh với trí tuệ của dân tộc và trí tuệ của thời đại. Hồ Chí Minh từ sự vận động và phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi bắt gặp Chủ nghĩa Mác-Lênin đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

## **2. Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh.**

### **a) Giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam.**

Dân tộc Việt Nam có mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những truyền thống tốt đẹp, cao quý.

+ Trước hết, đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bằng giá trị văn hóa tinh thần người Việt. Mọi học thuyết đạo đức, tôn giáo ngoại nhập đều được tiếp nhận khúc xạ qua lăng kính của tư tưởng yêu nước.

+ Thứ hai, đó là tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái. Truyền thống này hình thành cùng sự hình thành dân tộc, từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Đến những năm đầu của thế kỷ XX, xã hội Việt Nam đã có sự phân hóa giai cấp, nhưng truyền thống này vẫn rất bền vững. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy sức mạnh truyền thống này mà nhấn mạnh bốn chữ “đồng” (đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh).

+ Thứ ba, Việt Nam là một dân tộc có truyền thống lạc quan, yêu đời. Tinh thần lạc quan, trong muôn gian nguy vẫn động viên nhau “chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo” có cơ sở từ niềm tin vào sức mạnh của bản thân, tin vào sự tất thắng của chân lý, chính nghĩa. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần lạc quan đó.

+ Thứ tư, Việt Nam là một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu, nên cũng là một dân tộc ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại. Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam đã rất xa lạ với đầu óc hẹp hòi, thủ cựu, bài ngoại cực đoan. Trên cơ sở giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, nhân dân ta đã biết chắt lọc, tiếp thu cái tốt, cái hay, cái đẹp của nhân loại tạo nên những giá trị riêng của mình. Hồ Chí Minh là hình ảnh sinh động và trọn vẹn của truyền thống đó.

### **b) Tinh hoa văn hóa nhân loại.**

Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từ nhỏ Hồ Chí Minh đã hấp thụ một nền Quốc học và Hán học khá vững vàng. Khi ra nước ngoài Người đã không ngừng

làm giàu trí tuệ mình bằng tinh hoa văn hóa nhân loại. Khi đấu tranh, Người viết văn Anh, văn Pháp sắc sảo như một nhà báo phương Tây thực thụ, nhưng khi có nhu cầu “tự bạch” thì Người lại làm thơ bằng chữ Hán. Đó là nét đặc sắc trong sự kết hợp hài hòa văn hóa Đông-Tây ở Hồ Chí Minh.

- *Tư tưởng văn hóa phương Đông:*

Nho giáo chứa đựng nhiều yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như: tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ v.v.. là những điều thường bị Hồ Chí Minh phê phán, bác bỏ. Nhưng Nho giáo cũng có nhiều yếu tố tích cực như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo giúp đời, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đó là ước vọng về một xã hội an ninh, hòa mục, một thế giới đại đồng, triết lý nhân sinh, tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, kế thừa, cải tạo cho phù hợp để phục vụ cách mạng. Người dẫn lời của Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”<sup>3</sup>.

Phật giáo là một tôn giáo, có mặt tiêu cực là duy tâm, tuyệt đối hóa sự vận động của thế giới mà không thấy tính đứng im tương đối của vạn vật, nên chỉ thấy một thế giới huyền, ảo, giả tồn tại. Nhưng Phật giáo cũng có những mặt tích cực đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tư duy, hành động và cách ứng xử của người Việt. Đó là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân; nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện; tinh thần bình đẳng, dân chủ chất phác, chống lại mọi sự phân biệt đẳng cấp; đề cao lao động, chống lười biếng “nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”; Phật giáo Việt Nam - thiền phái Trúc Lâm - chủ trương không xa đời mà sống gắn bó với nhân dân, với đất nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc. Đó là những điều để lại dấu ấn sâu sắc trong gia đình Hồ Chí Minh và bản thân Người.

Ngoài ra, trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh còn chứa đựng tư tưởng của Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử, Tôn Trung Sơn v.v..

Là người mác-xít tỉnh táo và sáng suốt, Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng và văn hóa phương Đông để phục vụ sự nghiệp cách mạng của Việt Nam.

- *Tư tưởng văn hóa phương Tây*

Hồ Chí Minh đã sống chủ yếu ở châu Âu, và ngay tại các trung tâm văn hóa lớn nhất của phương Tây, nên chịu ảnh hưởng rất sâu rộng nền văn hóa dân chủ cách mạng của phương Tây.

Khi còn học ở trường Tiểu học Đông Ba, rồi vào học ở Quốc học, Nguyễn Tất Thành đã làm quen với văn hóa Pháp, đặc biệt rất ham mê tìm hiểu Đại cách mạng Pháp 1789.

Khi ra nước ngoài, những tháng năm sống tại Mỹ, Người đã sống ở New York, làm thuê ở Bruclin và thường đến thăm khu ổ của người da đen tại Haclem, Người đã rất chú ý đến ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, cho quyền sống của con người được ghi trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ 1776.

Năm 1913, khi sang Anh, Người đã gia nhập công đoàn thủy thủ, cùng giai cấp công nhân Anh tham gia các cuộc biểu tình, đình công bên bờ sông Thê-m-dơ.

Cuối năm 1917, Người đến sống và hoạt động tại Pari, trung tâm văn hóa và nghệ thuật của châu Âu. Tại đây, Người đã có thuận lợi để nhanh chóng chiếm lĩnh vốn tri thức của thời đại, đặc biệt là truyền thống văn hóa dân chủ và tiến bộ Pháp.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia- Hà Nội 2000- Tập 6- Trang 46.

Tại Pháp, với nghề làm báo, Người phải nhanh chóng làm chủ được ngôn ngữ và văn hóa Pháp. Người tiếp xúc với các tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng: Vonte (Voltaire), Rutzô (Rousseau), Môngtecxkiơ (Montesquieu),... những lý luận gia của Đại cách mạng Pháp 1789, như “Tinh thần pháp luật” của Môngteckiơ, “Khế ước xã hội” của Rutzô,.. *Tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng Pháp đã có ảnh hưởng tới tư tưởng của Người.*

Ngoài ra, Người còn hấp thụ được tư tưởng dân chủ và hình thành phong cách dân chủ của mình từ trong cuộc sống thực tiễn. Người có thể tự do hội họp, tham gia đảng phái, ra báo, phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm của mình trước dư luận Pháp, phê phán bọn quan lại, vua chúa của nước mình và cả bọn thống sứ, toàn quyền Pháp tại Đông Dương. Người còn học được cách làm việc dân chủ ngay trong cách sinh hoạt khoa học ở Câu lạc bộ Phôbua (Faubourg), trong sinh hoạt chính trị của Đảng Xã hội Pháp, nhất là không khí tranh luận ở Đại hội Tua (tháng 12/1920).

*Tóm lại, được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và được sự cổ vũ, dìu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp như M.Casanh (M.Cachin), P.V.Cutuyariê (Couturier), G.Môngmutxô (G.Monmousseau),... Người đã từng bước trưởng thành. Trên hành trình cứu nước, Người đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa gặt hái, vừa gạn lọc, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.*

c) *Chủ nghĩa Mác-Lênin, cơ sở thế giới quan và phương pháp luận cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

*Thứ nhất, khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh với một vốn tri thức chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo, Người đã nhận ra rằng, các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tựu trung chỉ xoay quanh hai đường lối quân chủ hay dân chủ, hai phương pháp cách mạng hay cải lương. Cả hai đường lối và hai phương pháp ấy đều không thỏa mãn được yêu cầu giải phóng dân tộc trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một lực lượng quốc tế.*

*Trong 10 năm đầu (1911-1920) của quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã hoàn thiện cho mình một vốn văn hóa, chính trị và vốn sống thực tiễn phong phú, tạo thành một bản lĩnh trí tuệ mà không một nhà cách mạng trẻ tuổi Việt Nam nào vào thời ấy có thể so sánh được. Cái bản lĩnh ấy đã giúp Người tiếp thu, vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam một cách trung thành mà không sao chép.*

*Thứ hai, khác với các nhà trí thức tư sản phương Tây, khi đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin là đến với một học thuyết nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động, Nguyễn Ai Quốc đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người tâm sự “Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên.. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình.. Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp là vì các “ông bà” ấy đã đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì thì tôi chưa hiểu. Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III”<sup>4</sup>.*

*Tác phẩm của Lênin, “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” đã chỉ rõ mối quan hệ gắn bó, thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Nhờ nó, Người đã tìm thấy “con đường giải phóng của chúng ta” và từ Lênin, Người đã trở lại nghiên cứu Mác sâu sắc hơn.*

<sup>4</sup> Sdd- Tập 10- Trang 126, 128.

*Thứ ba, khi đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã tiếp thu phương pháp nhận thức mac-xit, đồng thời theo lối “đắc ý, vong ngôn” của phương Đông. Người vận dụng Chủ nghĩa Mác-Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển.*

*Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Chủ nghĩa Mác-Lênin, những phạm trù của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nằm trong những phạm trù cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin; đồng thời tư tưởng Hồ Chí Minh còn là sự vận dụng sáng tạo, phát triển và làm phong phú Chủ nghĩa Mác-Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập, tự do và xây dựng xã hội mới.*

*d) Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Nguyễn Ai Quốc.*

*Trước hết, đó là tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt của Người trong nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng tư sản.*

*Thứ hai, đó là sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của thời đại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để có thể tiếp cận với Chủ nghĩa Mác-Lênin.*

*Cuối cùng, đó là tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sỹ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng những hy sinh cao nhất vì độc lập của Tổ Quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.*

*Chính tất cả những phẩm chất cá nhân đó, đã quyết định việc Nguyễn Ai Quốc tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa, phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.*

*Tóm lại* Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự tổng hoà và phát triển biện chứng tư tưởng văn hoá truyền thống của dân tộc, tinh hoa tư tưởng văn hoá nhân loại với chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng, cùng với thực tiễn của dân tộc và thời đại qua sự tiếp biến và phát triển của Hồ Chí Minh - một con người có tư duy sáng tạo, có phương pháp biện chứng, có nhân cách, phẩm chất cách mạng cao đẹp - tạo nên.

### **3. Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.**

Tư tưởng Hồ Chí Minh không hình thành ngay một lúc, mà nó phải trải qua một quá trình gắn liền với quá trình phát triển, lớn mạnh của Đảng và cách mạng Việt Nam.

*a) 1890-1911: Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng.*

*Đây là giai đoạn Nguyễn Sinh Cung tiếp nhận truyền thống yêu nước, nhân nghĩa của dân tộc, hấp thụ văn hóa phương Đông và bước đầu tiếp xúc với văn hóa phương Tây, muốn đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước để trở về giúp đồng bào thoát khỏi vòng nô lệ. Đây là giai đoạn gia đình, quê hương, đất nước đã chuẩn bị đầy đủ hành trang yêu nước cho Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trong thời kỳ này, ở Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, ham muốn học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.*

*b) 1911-1920: Giai đoạn tìm tòi khảo nghiệm con đường cách mạng của Hồ Chí Minh - Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.*

*Đây là thời kỳ Nguyễn Tất Thành bôn ba khắp các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức. Chính ở quá trình này, Người rút ra được kết luận: Chủ nghĩa tư bản, đế quốc ở đâu cũng tàn bạo, độc ác, bất công; người lao động ở đâu cũng bị áp bức, bóc lột, đày đọa, “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và*

giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”.

Thời kỳ này, HỒ Chí Minh đã khảo sát, tìm hiểu Cách mạng Pháp, Cách mạng Mỹ, tham gia Đảng Xã hội Pháp, tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười, học tập và đã tìm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tham gia Đại hội Tua. Năm 1920, khi tiếp xúc với Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Việt Nam cộng sản đầu tiên. Đây chính là mốc đánh dấu sự chuyển biến về chất trong tư tưởng của Nguyễn Ai Quốc, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước đến người cộng sản.

Đây là một bước chuyển biến cơ bản về tư tưởng cứu nước của HỒ Chí Minh: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>5</sup>.

c) 1921-1930: Giai đoạn hình thành cơ bản về tư tưởng cách mạng Việt Nam của HỒ Chí Minh.

Đây là thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi và phong phú của Người để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Người hoạt động tích cực trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp; Sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, xuất bản Báo Le Paria nhằm truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào các nước thuộc địa. Năm 1923, Người sang Matxcova dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào đoàn chủ tịch Đại hội. Sau đó Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V và Đại hội các đoàn thể quần chúng khác: Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ,...

Cuối 1924, Người về Quảng Châu - Trung Quốc tổ chức ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo Thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ, đưa họ về nước hoạt động. Tháng 2/1930, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và trực tiếp thảo ra các văn kiện Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và điều lệ vắn tắt.

Các văn kiện này cùng với hai tác phẩm của Người trước đó: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) và Đường cách mệnh (1927) đã đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng HỒ Chí Minh về cách mạng Việt Nam (những nội dung cơ bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc).

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng của HỒ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX được truyền bá vào Việt Nam, làm cho phong trào dân tộc và giai cấp nước ta trở thành một phong trào tự giác, dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930.

d) 1930-1945: Giai đoạn vượt thử thách, kiên trì giữ vững quan điểm, nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền dân tộc cơ bản - đã xác định cho cách mạng Việt Nam của HỒ Chí Minh.

Do không nắm được tình hình thực tế các nước thuộc địa ở phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối của khuynh hướng tả khuynh, Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ai Quốc đã vạch ra trong Hội nghị hợp nhất Đảng. Hội nghị TƯ tháng 10/1930 của Đảng ta, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đã ra quyết nghị thủ tiêu Chánh cương và Sách lược vắn tắt, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

<sup>5</sup> HỒ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tập 9, trang 314.

Khi nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới đang đến gần, năm 1936, dưới ánh sáng của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Đảng ta đề ra chính sách mới, phê phán những biểu hiện tả khuynh, cô độc, biệt phái trước đây và chỉ rõ: Đảng ta học tập kinh nghiệm của Quốc tế Cộng sản, kinh nghiệm của các cuộc vận động cộng sản thế giới, chứ “không phải đem kinh nghiệm của xứ này sang xứ khác một cách như máy”<sup>6</sup>.

Trên thực tế Đảng ta đã trở lại với Chánh cương, Sách lược văn tấu của Nguyễn Ai Quốc. Nghị quyết TƯ tháng 11/1939 đã khẳng định: “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”<sup>7</sup>.

Điều ấy phản ánh quy luật của cách mạng Việt Nam, giá trị và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã kiên trì giữ vững quan điểm cách mạng của mình, vượt qua chủ nghĩa tả khuynh đang chi phối Quốc Tế Cộng sản, chi phối BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam, phát triển thành chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, xác lập tư tưởng độc lập, tự do, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đây là mốc lịch sử không chỉ đánh dấu kỷ nguyên tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn là bước phát triển mở rộng tư tưởng dân quyền và nhân quyền của cách mạng tư sản thành quyền tự do và độc lập của các dân tộc trên thế giới.

e) 1945-1969: Giai đoạn phát triển mới của tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến và kiến quốc.

Sau khi giành được chính quyền, Đảng ta và nhân dân phải tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng thời xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: Đường lối chiến tranh nhân dân “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính”; Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là nửa thuộc địa nửa phong kiến; Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua tư bản chủ nghĩa trong điều kiện đất nước có chiến tranh, bị chia cắt; Xây dựng Đảng với tư cách là một Đảng cầm quyền; Xây dựng Nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân; Củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế...

Trong Di chúc thiêng liêng để lại cho muôn đời sau, Người đã tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước và dân tộc sau khi giành thắng lợi.

Vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta nghiêm túc kiểm điểm những sai lầm do chủ quan, duy ý chí gây nên và nhận thức sâu sắc hơn đối với di sản tinh thần vô giá mà Người đã để lại. Từ Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII, Đảng đã khẳng định lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng của tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Qua những biến động chính trị to lớn của thế giới càng kiểm chứng và khẳng định tính khoa học, tính cách mạng sáng tạo, giá trị dân tộc và ý nghĩa quốc tế của tư tưởng Hồ Chí Minh - sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới - là ngọn cờ thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người không chỉ được ghi nhớ vì Người là

<sup>6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đảng toàn tập- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia- Hà Nội 2000- Tập 6- Trang 158.

<sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đảng toàn tập- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia- Hà Nội 2000- Tập 6- Trang 539.

người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn được ghi nhớ vì Người là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này.

### III. Ý nghĩa học tập, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh vào thực tiễn công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Môn tư tưởng HỒ Chí Minh là một môn khoa học lý luận cơ bản của cách mạng Việt Nam. Môn tư tưởng HỒ Chí Minh có hai chức năng quan trọng: Chức năng nhận thức và chức năng hành động. Nó trang bị cho người học: Nhận thức được quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, có khả năng nắm bắt và thẩm định được các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, đoàn kết dân tộc, nâng cao ý chí tự lực tự cường, xây dựng con người Việt Nam mới vì một nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

Tư tưởng HỒ Chí Minh soi đường cho Đảng và Nhân dân Việt Nam trên con đường xây dựng mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong các trường đại học và cao đẳng, không chỉ coi trọng học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, mà còn đặc biệt coi trọng giáo dục tư tưởng HỒ Chí Minh, nhằm thực hiện Di chúc của Người: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”<sup>8</sup>.

#### 1. Tư tưởng HỒ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam.

Tư tưởng HỒ Chí Minh được hình thành trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, thuộc hệ tư tưởng Mác-Lênin. HỒ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Nói cách khác, tư tưởng HỒ Chí Minh là Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam; có năm được tư tưởng HỒ Chí Minh mới hiểu được đường lối của cách mạng Việt Nam. Cách mạng nước ta có được thắng lợi to lớn như ngày nay trước hết là nhờ có Chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng đồng thời cũng là nhờ có tư tưởng HỒ Chí Minh.

Vì vậy, phải nghiên cứu, học tập Chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh. Phải nhấn mạnh cả hai, nếu chỉ chú ý một vế là không đầy đủ, không đúng với Nghị quyết của Đảng ta.

Nghị quyết số 09 - NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII), về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay đã chỉ rõ:

“Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta... Việc Đại hội VII khẳng định Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động là một bước phát triển hết sức quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta... Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan tỏa ra thế giới.

Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo Chủ

<sup>8</sup> HỒ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 12, trang 510.

ngiã Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta”<sup>9</sup>.

Trong tình hình đó, học tập, nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh là để kiên định mục tiêu, nâng cao nhận thức tư tưởng, cải tiến phương pháp và phong cách công tác, góp phần đưa công cuộc đổi mới đi tới những thắng lợi mới.

2. **Nội dung cốt lõi của tư tưởng HỒ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.**

Suốt đời mình, HỒ Chí Minh đã kiên định và nhất quán con đường chủ nghĩa xã hội. Dưới ngọn cờ của tư tưởng HỒ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vững bước tiến lên giành những thắng lợi lịch sử có tầm thời đại.

Thế giới hiện nay đã thay đổi rất nhiều, song cuộc đấu tranh cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội vẫn đang diễn ra gay gắt. Các thế lực thù địch và phản động không từ bỏ âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội đối với nước ta. Trong điều kiện đó, chúng ta phải làm sao để hội nhập mà vẫn giữ vững được độc lập, chủ quyền của dân tộc. Đại hội IX của Đảng ta đã khẳng định: “Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HỒ Chí Minh”<sup>10</sup>.

Chính thế, việc nghiên cứu và học tập tư tưởng HỒ Chí Minh trước hết là nhằm quán triệt tư tưởng của Người: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội”.

3. **Tư tưởng HỒ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo.**

Suốt đời mình, HỒ Chí Minh là con người của độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo. Người luôn xuất phát từ thực tế, hết sức tránh lặp lại những lối cũ, đường mòn, không ngừng đổi mới và sáng tạo. Đó là nét đặc sắc trong tinh thần HỒ Chí Minh, phong cách HỒ Chí Minh.

Hiện nay, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm khác với cách nghĩ, cách làm của chúng ta cách đây mấy chục năm trước. Muốn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công trước hết cũng cần phải học tập và nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh. Học tập và nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh là để thấm nhuần sâu sắc hệ thống quan điểm và phương pháp cách mạng HỒ Chí Minh, nâng cao thêm lòng yêu nước, tinh thần phục vụ nhân dân, đạo đức cách mạng của mỗi người.

Người thường căn dặn: Học tập Chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần cách mạng và khoa học, cái tinh thần biện chứng để giải quyết tốt những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn cách mạng. Phải luôn gắn lý luận với thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn mà bổ sung, làm phong phú thêm lý luận.

## ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Vì sao trong giai đoạn hiện nay, chúng ta không chỉ học tập nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin mà còn phải học tập nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh?

### Câu hỏi ôn tập

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam : Nghị quyết số 09- NQ/TW của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay, 2-3.

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Hà Nội 2001- Trang 81.



1. Trình bày khái niệm tư tưởng HỒ Chí Minh?
2. Phân tích những nguồn gốc ra đời của tư tưởng HỒ Chí Minh?
3. Vì sao nói chủ nghĩa Mác-Lênin là cội nguồn cốt lõi của tư tưởng HỒ Chí Minh?
4. Dựa trên cơ sở nào để khẳng định đến năm 1911, gia đình, quê hương và dân tộc đã chuẩn bị đầy đủ hành trang yêu nước cho HỒ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước?
5. Dựa trên cơ sở nào để khẳng định đến 1930, tư tưởng HỒ Chí Minh đã được hình thành về cơ bản?

## CHƯƠNG 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh giải phóng dân tộc được coi là bước phát triển mới học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập tự do.

### I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

#### 1. Khái lược quan điểm của Mác-Ăngghen-Lênin về vấn đề dân tộc.

Dân tộc là một vấn đề rộng lớn, bao gồm những quan hệ về chính trị, kinh tế, lãnh thổ, pháp lý, tư tưởng, văn hóa giữa các dân tộc, các nhóm dân tộc và bộ tộc.

Theo quan niệm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc đã có các hình thức cộng đồng người: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các Nhà nước dân tộc tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc cũng đồng thời làm xuất hiện vấn đề dân tộc thuộc địa.

Lênin đã đề cập đến hai xu hướng phát triển của vấn đề dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản: Sự thức tỉnh của ý thức dân tộc của phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc sẽ dẫn đến việc thành lập các quốc gia độc lập; Với việc tăng cường và phát triển các mối quan hệ giữa các dân tộc sẽ dẫn tới sự phá hủy hàng rào ngăn cách dân tộc, thiết lập sự thống nhất quốc tế của chủ nghĩa tư bản, của đời sống kinh tế, chính trị, khoa học,... nói chung.

Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không thể giải quyết được vấn đề dân tộc, mà chỉ dưới chủ nghĩa xã hội mới tạo điều kiện để thực hiện sự bình đẳng dân tộc và xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc là các dân tộc xích lại gần nhau. Lênin yêu cầu tất cả các Đảng Cộng sản phải kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa sô vanh giành thắng lợi cho chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Thời Mác và Ăngghen, các ông khẳng định: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, về mặt nội dung, không phải là cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”<sup>11</sup>. Từ đó, các ông kêu gọi: “Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu”<sup>12</sup>.

Theo hai ông, trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp vô sản mới thống nhất được lợi ích của giai cấp mình với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. *Chỉ cuộc cách mạng do chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo mới thực hiện được sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.*

Nhưng thời Mác, theo như Lênin đã từng nhận xét, vấn đề dân tộc so với vấn đề giai cấp thì nó chỉ là vấn đề thứ yếu. Sang thời đại Lênin, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản, Lênin đã đưa ra học thuyết về cách mạng thuộc địa.

Theo Lênin, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc sẽ không giành được thắng lợi nếu không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Vì thế Người đã đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”.

Các Ông đã nêu lên những quan điểm cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp tạo cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc xác

<sup>11</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia- Hà Nội 1995- Tập 4- Trang 611.

<sup>12</sup> Sđd- Trang 623-624.

định chiến lược, sách lược của các Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng thực tiễn cách mạng vô sản ở châu Âu, các Ông vẫn tập trung nhiều nhiều hơn vào vấn đề giai cấp.

Trong điều kiện từ đầu thế kỷ XX trở đi, Hồ Chí Minh là người đã vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa phù hợp với thực tiễn ở các nước thuộc địa.

**2. Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Thực chất là vấn đề dân tộc thuộc địa trong thời đại cách mạng vô sản, được thể hiện trong các luận điểm để giành độc lập và phát triển.**

Vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa, nhằm thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xóa bỏ ách áp bức bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản được thể hiện ở mấy luận điểm cơ bản sau:

a) *Độc lập - Tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.*

Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết thiêng liêng đã được các đồng minh thắng trận long trọng thừa nhận, Nguyễn Ai Quốc, thay mặt cho những người Việt Nam yêu nước, gửi đến Hội nghị Hòa bình Vécxây một bản *Yêu sách* gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Đây là hình thức thử nghiệm đầu tiên của Hồ Chí Minh về sử dụng pháp lý tư sản trong đấu tranh bằng phương pháp hòa bình. Bản *Yêu sách*, từ nội dung đến lời lẽ đều rất ôn hòa, chưa đề cập vấn đề độc lập hay tự trị, mà mới chỉ tập trung vào hai nội dung cơ bản:

- Một là đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với người châu Âu là phải xóa bỏ các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố, đàn áp các bộ phận trung thực nhất trong nhân dân (tức những người yêu nước); phải xóa bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh (một cách độc tài) và thay thế bằng chế độ các đạo luật.

- Hai là đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân, đó là quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do lập hội, hội họp, tự do cư trú,...

Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, một người Việt Nam chưa có tên tuổi, giữa sào huyệt của kẻ thù, dám đưa yêu sách về “quyền của các dân tộc” là một hành động yêu nước dũng cảm; biết đưa ra những đòi hỏi trong phạm vi cải cách dân chủ là một hành động tài trí, khôn ngoan.

Mặc dầu vậy, bản *Yêu sách* đã không được các tên trùm để ý. Được những sự thật ấy rèn luyện, Nguyễn Ai Quốc rút ra bài học: *Muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng bản thân mình...*<sup>13</sup>

Sau khi đã trở thành lãnh tụ có uy tín, đứng ra hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, trong *Chánh cương* vẫn tắt cũng như trong *Lời kêu gọi* sau khi thành lập Đảng do Hồ Chí Minh trực tiếp khởi thảo, Người đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là: “a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b) Làm cho nước Nam được hoàn thiện độc lập”<sup>14</sup>.

Đầu năm 1941, Hồ Chí Minh về nước, chủ trì Hội nghị Trung ương 8 của Đảng, viết thư *Kính báo đồng bào*, chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao

<sup>13</sup> Xem: Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.30.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.1.

hơn hết thấy”<sup>15</sup>. Người chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh, ra báo Việt Nam độc lập, thảo Mười chính sách của Việt Minh, trong đó mục tiêu đầu tiên là: “Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền”.

Hồ Chí Minh đã đúc kết ý chí chiến đấu cho độc lập, tự do của nhân dân ta trong một câu nói bất hủ: “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”...

Giữ vững tinh thần yêu nước, bất khuất chống giặc ngoại xâm để dựng nước và giữ nước của dân tộc, khi tiếp cận với “Tuyên ngôn độc lập 1776” của nước Mỹ và “Tuyên ngôn dân quyền 1791” của cách mạng Pháp, Người đã khai quát nên chân lý bất di bất dịch về quyền cơ bản của các dân tộc: *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

Cách mạng tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, long trọng khẳng định trước quốc dân đồng bào và trước thế giới: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập, Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”*<sup>16</sup>.

Trong các bức thư và điện gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian đó, Người đã trình trọng tuyên bố rằng: *“nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”*<sup>17</sup>.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền độc lập, Người ra lời kêu gọi vang dậy núi sông: *“Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*<sup>18</sup>

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh leo thang ra miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại đưa ra một chân lý bất hủ cho mọi thời đại: *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*<sup>19</sup>. Được sự cổ vũ của tinh thần đó, nhân dân hai miền Nam, Bắc đã kiên cường chiến đấu hy sinh, buộc Mỹ phải ký vào Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Điều 1, chương 1 của Hiệp định viết: *“Hoa kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận”*.

b) Ở các nước đang đấu tranh giành độc lập, chủ nghĩa dân tộc chân chính vẫn là một động lực lớn.

Với Hồ Chí Minh, *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”* không chỉ là tư tưởng mà còn là lẽ sống, là học thuyết cách mạng. Nó cũng là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam, đồng thời là nguồn động viên với mọi dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Người vừa là *“Anh hùng giải phóng”* của dân tộc Việt Nam, vừa là *“Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX”*.

Theo Hồ Chí Minh, sự phân hoá giai cấp ở Đông Dương chưa triệt để. Các giai cấp vẫn có sự tương đồng lớn: dù địa chủ hay nông dân, họ đều chung số phận là người nô lệ mất nước. Vì thế, *“cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”*.

<sup>15</sup> Sđd, tr. 198.

<sup>16</sup> Sđd, t.4, tr.4.

<sup>17</sup> Sđd, tr.469.

<sup>18</sup> Sđd, tr. 480.

<sup>19</sup> Sđd, t.12, tr.108.

Từ đó, Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản là: “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi.. nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa Quốc tế”<sup>20</sup>. “Chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản” mà Hồ Chí Minh đề cập ở đây là chủ nghĩa dân tộc chân chính.

*Vấn đề dân tộc, ở thời đại nào cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường và theo quan điểm của một giai cấp nhất định. Chỉ đứng trên quan điểm, lập trường của Chủ nghĩa Mác-Lênin mới giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc.* Xuất phát từ vị trí của người dân thuộc địa mất nước, từ truyền thống của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, coi đó là một động lực lớn mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, không để ngọn cờ dân tộc rơi vào tay bất kỳ giai cấp nào khác.

*c) Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.*

Chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam cho đến đầu thế kỷ XX vẫn mới chỉ dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước truyền thống.

Đến Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được tiến hành dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngay từ khi lựa chọn con đường cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, năm 1930, Hồ Chí Minh đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: làm “tư sản cách mạng dân quyền” và “thổ địa cách mạng” để đi tới “xã hội cộng sản”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với với mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Xóa bỏ áp bức dân tộc mà không xóa bỏ áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Do đó, sau khi giành độc lập dân tộc phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển đất nước theo CNXH là một bảo đảm vững chắc cho nền độc lập của dân tộc. Người viết: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu CNXH, vì có tiến lên CNXH thì nhân dân mình mới ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”<sup>21</sup>.

Từ một người yêu nước, khi đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Người viết: “*Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó.. thì đó là thắng lợi cả cho người An Nam*”<sup>22</sup>.

*Thời Mác, xã hội chủ yếu phân chia thành hai giai cấp lớn đối lập nhau: tư sản và vô sản, nên các ông nói nhiều đến đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản.* Thời ấy, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chưa phát triển mạnh, chưa ảnh hưởng đến sự tồn vong của chủ nghĩa tư bản; tương lai của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa vẫn chỉ được nhìn nhận trong sự phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản.

*Tình hình ở phương Đông lại rất khác ở phương Tây. Vấn đề đặt ra cho các dân tộc thuộc địa ở phương Đông là không phải làm ngay một cuộc cách mạng xã hội chủ*

<sup>20</sup> Sdd, t.1, tr.467.

<sup>21</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG - Hà Nội 2000- Tập 9- Trang 173.

<sup>22</sup> Sdd, t.1, tr. 469.

nghĩa, mà trước hết là đấu tranh cho độc lập dân tộc. Sự nghiệp giải phóng dân tộc không cho phép ngồi chờ thắng lợi của cách mạng vô sản ở châu Âu để được trả lại nên độc lập cho các dân tộc thuộc địa.

Từ thực tiễn đó, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành phê phán những quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản Tây Âu và kết luận: Các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của chính mình, đồng thời biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, rồi từ đó mới tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc. Là một chiến sỹ quốc tế chân chính, Người không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình, mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Năm 1914, khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất vừa nổ ra, Người đã đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi của mình ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh và nói với người bạn mình rằng: “Chúng ta phải đấu tranh cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là đấu tranh cho dân tộc ta vậy”<sup>23</sup>.

Người nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết, nhưng vẫn không quên nghĩa vụ quốc tế của mình. Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào và Campuchia. Người đề ra khẩu hiệu “giúp bạn là tự giúp mình” và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng thế giới.

\* *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp dân tộc với giai cấp, dân tộc với quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội* được thể hiện ở những luận điểm sau:

+ *Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn của đất nước:* Từ 1924, Nguyễn Ái Quốc đã coi chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước. Phân tích sâu sắc đặc điểm của các dân tộc thuộc địa phương Đông, Người kết luận: “Người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”<sup>24</sup>. Từ đó Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản: “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản.. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi.. nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”<sup>25</sup>.

+ *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội:* Ngay từ khi hình thành đường lối cứu nước theo cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc với giai cấp, dân tộc với quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Trong bài “Cuộc kháng chiến” viết đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã thấy rõ mối quan hệ giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và đã khẳng định: “cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”<sup>26</sup>. Trong Chánh cương, Sách lược văn tắt năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã xác định cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới chủ nghĩa cộng sản. Năm 1960, Người khẳng định rõ hơn: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>27</sup>.

<sup>23</sup> Sdd, t.1, tr.173.

<sup>24</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 1- Trang 467.

<sup>25</sup> Như trên.

<sup>26</sup> Sdd- Trang 416.

<sup>27</sup> Sdd- Tập 10- Trang 128.

Hồ Chí Minh nói: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>28</sup>. Vì vậy, giành được độc lập rồi, phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là một đảm bảo vững chắc cho nền độc lập của dân tộc. Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại, độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

+ *Độc lập cho dân tộc mình cũng đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc*: Là một chiến sỹ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Người khẳng định: “Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Ở Người chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc với giai cấp, giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Điều đó hoàn toàn phù hợp với nhận định của Ăngghen: “Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính”<sup>29</sup>.

## II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể tóm tắt thành một hệ thống luận điểm sau:

### 1. Cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Phân tích tình hình các nước thuộc địa trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc và là một lực lượng quốc tế, từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: Chủ nghĩa đế quốc là một con đĩa hai vôi, một vôi bám vào chính quốc, một vôi bám vào thuộc địa. Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc phải đồng thời cắt cả hai cái vôi ấy đi, tức phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; mặt khác cách mạng giải phóng dân tộc muốn đi đến thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Phân tích phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha, nhưng Người không tán thành các con đường cứu nước ấy, mà quyết tâm đi tìm một con đường cứu nước mới.

Tháng 7-1920, đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin, Người thấy “tin tưởng, sáng tỏ và cảm động”. Người khẳng định: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta. Đây là con đường giải phóng của chúng ta”<sup>30</sup>. Năm 1923, trong *Truyền đơn cổ động mua báo Người cùng khổ (le Paria)*, Người viết: “Chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc...”<sup>31</sup>.

Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sỹ phu và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam. Con đường cách mạng đó, theo Hồ Chí Minh có các nội dung sau: Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và dần dần từng bước đi tới xã hội cộng sản; Phải do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản lãnh đạo; Phải là sự nghiệp của toàn dân dựa trên nền tảng liên minh

<sup>28</sup> Sdd- Tập 4- Trang 56.

<sup>29</sup> C. Mác- Ph. Ăngghen toàn tập- Nxb Tiến Bộ- Matxcova 1981- Tập 33- Trang 374 (tiếng Nga).

<sup>30</sup> Sdd, t.10. tr.127.

<sup>31</sup> Sdd, t.1, tr.461.

công-nông-trí thức; Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới nên phải đoàn kết quốc tế.

## **2. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.**

Dù đã được thành lập hay chưa thì các tổ chức cách mạng kiểu cũ không thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công, vì nó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và một phương pháp cách mạng khoa học, không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc đã sớm khẳng định: *Muốn giải phóng dân tộc thành công “trước hết phải có đảng cách mệnh. Đảng có vững cách mệnh mới thành công”*<sup>32</sup>. Người cũng đã khẳng định: *cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, Đảng đó phải được xây dựng theo nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin.*

Người phân tích: Muốn giải phóng dân tộc thành công “trước hết phải có Đảng cách mệnh”; “Kách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ”, “phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”; “kách mệnh phải hiểu phong trào kách mệnh thế giới, phải bày sách lược cho dân”. “Vậy nên sức kách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng kách mệnh”<sup>33</sup>.

Đầu năm 1930, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng khoa học và liên hệ chặt chẽ, mật thiết với quần chúng nhân dân..

## **3. Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân trên cơ sở liên minh công nông.**

Theo Nguyễn Ái Quốc, *cách mạng giải phóng dân tộc “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”*<sup>34</sup>, vì vậy phải đoàn kết toàn dân. Nhưng trong sự tập hợp rộng rãi đó, Người nhắc nhở “*Công nông là người chủ cách mạng.. Công nông là gốc cách mạng*”<sup>35</sup>.

Trong phạm vi của cách mạng giải phóng dân tộc, trong Sách lược vắn tắt 1930, Người viết: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ”<sup>36</sup>. Chính quan điểm này mà Quốc tế Cộng sản hồi ấy đã cho rằng, Nguyễn Ái Quốc chỉ nghĩ đến việc phản đế mà quên lợi ích giai cấp đấu tranh.

Thật ra, trong chủ trương đoàn kết rộng rãi các lực lượng dân tộc chống đế quốc, Nguyễn Ái Quốc vẫn nhắc nhở phải quán triệt quan điểm giai cấp: *Công nông là gốc cách mạng, các hạng khác chỉ là bạn cách mạng của công nông mà thôi.* Người dặn: “*Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp*”<sup>37</sup>.

Trong “Đường kách mệnh”, Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động. Người khẳng định: “Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi”. Người đã từng viết: “Cuộc kháng chiến

<sup>32</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 2- Trang 267.

<sup>33</sup> Sđd, tập 2, trang 267.

<sup>34</sup> Sđd- Trang 262.

<sup>35</sup> Sđd- Trang 266.

<sup>36</sup> Sđd- Tập 3- Trang 3.

<sup>37</sup> Như trên.



của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân”<sup>38</sup>; “Địch chiếm trời, địch chiếm đất, nhưng chúng không làm sao chiếm được lòng nòng nân yêu nước của nhân dân ta”; “Chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”; “Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân”<sup>39</sup>. “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được”<sup>40</sup>.

Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946, Người viết: “Bất kể đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ Quốc...”<sup>41</sup>. Những năm 1960, trong lời kêu gọi toàn dân kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Người viết: “Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là cuộc chiến tranh nhân dân”. “31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là 31 triệu chiến sỹ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”<sup>42</sup>.

Người khẳng định: trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn bớt thù, phân hoá và cô lập kẻ thù. Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. “Chiến tranh về mặt văn hoá hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém phần quan trọng”<sup>43</sup>.

#### **4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.**

Theo quan niệm của Quốc tế III thì thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng vô sản nước chính quốc. Luận cương của Đại hội VI Quốc tế III ngày 1/9/1928 có đoạn viết: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”<sup>44</sup>.

Khác với các quan niệm ấy, tại Đại hội V Quốc tế III tháng 6/1924, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích và chỉ ra: vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh giai cấp bị áp bức ở các nước thuộc địa, nếu coi thường cách mạng ở các nước thuộc địa là muốn đánh rắn bằng đuôi.

Từ quan niệm của C.Mác “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”, Nguyễn Ái Quốc đưa ra luận điểm: “Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”<sup>45</sup>.

Từ 1921, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, cống hiến quan trọng vào phát triển kho tàng lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin: “Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước” và có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>46</sup>.

<sup>38</sup> Sdd, t.3, tr.507.

<sup>39</sup> Sdd, t.12, tr.323.

<sup>40</sup> Sdd, t.4, tr.298.

<sup>41</sup> Sdd, t.4, tr.480.

<sup>42</sup> Sdd, t.12, tr.323.

<sup>43</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2000, t.4, tr.319.

<sup>44</sup> Những luận cương về nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản- Pari 1928- Trang 174 (Tiếng Pháp)

<sup>45</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 2- Trang 128.

<sup>46</sup> Xem Sdd- Tập 1- Trang 36.

Trong “Đường cách mệnh”, Hồ Chí Minh chỉ ra mối liên hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa rằng: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp làm cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”<sup>47</sup>.

**5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực (kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang của nhân dân).**

Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. Chưa hề bẹp được ý chí xâm lược của chúng thì chưa thể có thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chí Minh viết: “Trong cuộc chiến tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”<sup>48</sup>.

Ngay từ 1924, khi đề cập đến khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương, theo Nguyễn Ái Quốc, để có thắng lợi cuộc khởi nghĩa đó:

- Phải có tính chất là một cuộc khởi nghĩa quần chúng.
- Phải được nước Nga ủng hộ.
- Phải trùng hợp với cách mạng vô sản Pháp.
- Phải gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản thế giới.

Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra nhận định: *Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang*. Người đã cùng Trung Ương Đảng tích cực chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang và phát động Tổng khởi nghĩa Tháng Tám giành chính quyền trong cả nước chỉ trong hơn 10 ngày.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã chứng minh hùng hồn tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhưng phải tùy tình hình cụ thể mà quyết định hình thức đấu tranh cách mạng cho thích hợp.

Tuy chủ trương phải dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, nhưng Hồ Chí Minh luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu nhất. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hoà bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc. Ở Hồ Chí Minh, tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hoà bình là thống nhất biện chứng với nhau. Người viết: “Chúng tôi muốn hoà bình để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau.

Chúng tôi mong đợi ở Chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hoà bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước”<sup>49</sup>.

Phương châm chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Người là đánh lâu dài. Người nói: “Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng lợi”<sup>50</sup>. “Với binh nhiều, tướng đủ, khí giới tối

<sup>47</sup> Sdd, t.2, tr.266.

<sup>48</sup> Sdd, t.12, tr.304.

<sup>49</sup> Sdd, t.5, tr.19.

<sup>50</sup> Sdd, t.4, tr.485.

tân, chúng định đánh mau thắng mau. Với quân đội mới tổ chức, với vũ khí thô sơ, ta quyết kế trường kỳ kháng chiến”... “Thắng lợi với trường kỳ phải đi đôi với nhau”<sup>51</sup>.

Đồng thời Người cũng nhấn mạnh tự lực tự cường cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng, nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế cũng là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

### **III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.**

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta chỉ rõ: sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn mà chúng ta phải chủ động đón lấy và sáng suốt vượt qua. Trong công cuộc này, chúng ta cần phải nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giữa dân tộc với quốc tế, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội nhằm tạo ra những nguồn lực mới đưa sự nghiệp đổi mới tới những thắng lợi mới.

#### **1. Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

Nguồn nội lực hiểu một cách toàn diện, bao gồm con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng.. Nhưng tựu trung lại, yếu tố quan trọng và quyết định nhất là nguồn lực con người.

Con người Việt Nam là con người yêu nước nồng nàn, gắn kết cộng đồng, có ý chí kiên cường, bất khuất không cam chịu nô lệ, không cam chịu nghèo hèn.. Dân tộc Việt Nam là dân tộc có tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc cao, yêu nước, yêu hoà bình, bất khuất chống giặc ngoại xâm quyết giữ gìn độc lập dân tộc... Chính truyền thống quý báu đó đã được phát huy thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô song, đưa đến thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên Phủ, Đại thắng mùa xuân 1975.

Ngày nay truyền thống ấy cần được đẩy lên mạnh mẽ thành nguồn nội lực vô tận đưa đất nước vượt qua mọi nguy cơ, thách thức vững bước tiến lên.

#### **2. Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp.**

Đề cao vấn đề dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc:

- Luôn khẳng định vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam.

- Chủ trương đại đoàn kết rộng rãi, nhưng phải trên nền tảng của liên minh công, nông, trí thức do Đảng lãnh đạo.

- Cần thiết phải biết sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

- Độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đó là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất biến trong mọi hoàn cảnh. Tuyệt đối hóa một trong các mặt trên đều dẫn đến sai lầm. Phải thấy ở Việt Nam, mục tiêu: “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” không chỉ là vấn đề giai cấp, mà bao gồm cả vấn đề dân tộc.

Vì vậy, đi đôi với tăng cường giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, cần làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp dân tộc và giai cấp, dân tộc độc lập và chủ nghĩa xã hội được quán triệt sâu sắc trong toàn đời sống xã hội, lấy đó làm định hướng cho việc giải quyết các vấn đề dân tộc của thời hiện đại.

<sup>51</sup> Sdd, t.6, tr.81-82.

### **3. Chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.**

Trong thời đại mới, Đảng ta tiếp tục gương cao ngọn cờ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc Đảng luôn phải chăm lo giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ: “*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng*”<sup>52</sup>.

Trong đền ơn đáp nghĩa cho đồng bào miền núi, giúp miền núi tiến kịp miền xuôi, Hồ Chí Minh chỉ thị: “*Các cấp bộ Đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc*”<sup>53</sup> để “*nhân dân no ấm hơn, mạnh khỏe hơn. Văn hóa sẽ cao hơn. Giao thông tiện lợi hơn. Bản làng tươi vui hơn. Quốc phòng vững vàng hơn*”<sup>54</sup>.

So với nhiều nước trên thế giới hiện nay, mối quan hệ giữa các dân tộc anh em ở nước ta là tốt đẹp và ổn định. Song không phải không có cơ sở để kẻ thù khai thác, lợi dụng. Nhìn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua, và nhìn ra trên thế giới mới càng trân trọng và tự hào với di sản tư tưởng lý luận quý báu mà Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và dân tộc.

## **ĐỀ TÀI THẢO LUẬN**

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, hãy làm rõ vì sao trong giai đoạn hiện nay càng phải cần thiết nhận thức và giải quyết các vấn đề dân tộc trên lập trường giai cấp vô sản trong sáng?

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Hãy trình bày những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc?
2. Hãy trình bày những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc?
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng? Sự vận dụng tư tưởng bạo lực cách mạng trong tình hình hiện nay ở Việt Nam?
4. Căn cứ vào đâu để khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc" là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện lịch sử mới của Hồ Chí Minh?
5. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân phải được thực hiện trên nền tảng liên minh công-nông và do Đảng Cộng sản lãnh đạo?

<sup>52</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX- Nxb CTQG- Hà Nội 2001- Trang 127.

<sup>53</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 9- Trang 457.

<sup>54</sup> Sdd- Tập 10- Trang 610-611.

### CHƯƠNG 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CNXH VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

Từ năm 1920, khi tìm thấy con đường giải phóng dân tộc đi theo cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã gắn liền hai mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội có nguồn gốc sâu xa từ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống nhân ái, tinh thần cộng đồng làng xã Việt Nam, được hình thành từ lâu đời trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam. Đó là tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở Phương Đông qua thuyết đại đồng của Nho giáo: “Thiên hạ vi công”, “dân vi quý”, “các tận sở năng, các thủ sở nhu”, v.v..

Khi đến với cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy lý tưởng về một xã hội nhân đạo, trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện tất yếu của tự do cho mọi người”, đã tìm thấy trong Chủ nghĩa Mác-Lênin con đường thực hiện ước mơ giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ.

Năm 1923, khi đến Liên-xô, lần đầu tiên Người được biết đến hiệu quả tích cực của chính sách kinh tế mới của Lênin trên con đường xây dựng một chế độ xã hội mới của nhân dân Xôviết.

Tất cả những điều ấy là cơ sở lý luận và thực tiễn góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

#### **I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.**

##### **1. Con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.**

- Quá trình tiếp xúc của Hồ Chí Minh với học thuyết Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.

Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã làm sáng tỏ bản chất của chủ nghĩa xã hội từ những kiến giải về kinh tế-xã hội, chính trị-triết học. Trong lý luận về hình thái kinh tế-xã hội các ông chỉ ra tính tất yếu của sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Các ông đã chỉ ra các đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội là:

- Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
- Xóa bỏ bóc lột về kinh tế.
- Xóa bỏ áp bức về chính trị.
- Thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc.
- Giải phóng con người.
- Công hữu về tư liệu sản xuất.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã làm cho chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội, sau khi đã hoàn thiện sẽ có bước phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản.

- Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Sự thống nhất biện chứng giữa các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội với các yếu tố nhân văn, đạo đức, văn hóa.

Hồ Chí Minh cũng đã tiếp cận về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nhưng Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống của Việt Nam, nên Người có bổ sung những nét riêng của mình về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

+ Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc. Theo Người, “chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới

giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới”<sup>55</sup>. Với Người, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, mới thực sự đem lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.

+ Từ góc độ kinh tế, *HỒ Chí Minh chỉ ra rằng, sự hình thành, phát triển và chín muồi của CNXH là một tất yếu mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội. Nét sáng tạo của HỒ Chí Minh là ở chỗ, Người đến với CNXH, luận giải nó từ khát vọng giải phóng dân tộc và nhu cầu giải phóng con người một cách triệt để.*

+ Từ góc độ văn hóa, *HỒ Chí Minh coi chủ nghĩa xã hội là một hình thái phát triển cao của nền văn minh nhân loại. Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội phải càng gắn chặt với văn hoá và chỉ đứng trên đỉnh cao của văn hoá chủ nghĩa xã hội mới có thể phát triển theo đúng quy luật xã hội khách quan, phù hợp với tiến trình phát triển chung của nhân loại. Người đã đưa văn hoá thâm nhập vào bên trong của chính trị và kinh tế tạo nên một sự thống nhất biện chứng giữa văn hoá và chính trị, kinh tế, giữa các mục tiêu phát triển xã hội.*

*Đối với HỒ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội mang trong nó bản chất nhân văn và văn hóa. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về văn hóa và giải phóng con người. Con người là chủ thể của văn hóa. Người đặc biệt chú trọng xây dựng con người, tình người, mối quan hệ nhân văn giữa người với người.*

+ *HỒ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức. Người coi chủ nghĩa xã hội xa lạ và đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Người viết: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại to lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”<sup>56</sup>. Người lên án mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, kêu gọi phải tiêu diệt nó, nhưng Người không phủ nhận vai trò cá nhân. Trái lại, Người luôn chăm lo đến nhu cầu và lợi ích của cá nhân, đề cao năng lực và phẩm chất của mỗi cá nhân.*

Với HỒ Chí Minh, đạo đức cao cả nhất là đạo đức cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Chủ nghĩa xã hội, chính vì vậy cũng là giai đoạn phát triển mới của đạo đức. Người viết: “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa”<sup>57</sup>; “Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”<sup>58</sup>.

+ *HỒ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam. Con người Việt Nam có tính cố kết cộng đồng dân tộc, lấy nhân nghĩa làm gốc, trọng dân, khoan dung, hòa mục để hòa đồng. Văn hóa Việt Nam là văn hóa trọng trí thức, hiền tài. Đó là những nhân tố thuận lợi để đi vào chủ nghĩa xã hội.*

Từ phân tích một cách khoa học truyền thống tư tưởng - văn hoá, điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam và các nước phương Đông, sự tàn bạo của chế độ thuộc địa tại các nước đó, Người khẳng định: *CNXH, CNCS không những thích ứng được ở châu Á, phương Đông mà còn thích ứng dễ hơn ở châu Âu.*

*Tóm lại, quan niệm của HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, nhân văn, đạo đức và văn hóa. Từ đó, Người khẳng định tính tất yếu của sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

<sup>55</sup> HỒ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 12- Trang 474.

<sup>56</sup> Sđd- Tập 9- Trang 291.

<sup>57</sup> Sđd- Tập 9- Trang 291.

<sup>58</sup> Sđd- Trang 293.

## 2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội.

### 2.1. Quan điểm của các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra bản chất của chủ nghĩa xã hội có các đặc trưng cơ bản sau:

+ Từng bước xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu để giải phóng cho sức sản xuất xã hội phát triển.

+ Có nền đại công nghiệp cơ khí khoa học hiện đại, tạo ra năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.

+ Thực hiện sản xuất có kế hoạch.

+ Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thực hiện công bằng, bình đẳng về lao động và hưởng thụ.

+ Khắc phục dần sự khác biệt giữa các giai cấp, giữa thành thị với nông thôn, giữa lao động trí óc với lao động chân tay, tiến tới một xã hội thuần nhất về giai cấp.

+ Giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột, tạo điều kiện thuận lợi cho con người tận lực phát triển mọi khả năng sẵn có của mình.

+ Sau khi đạt được những mục tiêu đó, thì chức năng chính trị của Nhà nước dần tiêu vong.

Khi nêu ra những tiêu chí trên, các ông mới chỉ vạch ra những phương hướng phát triển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội, nhằm khẳng định tính ưu việt của nó so với chủ nghĩa tư bản. Để tránh rập khuôn, giáo điều, ngay trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã căn dặn: “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”<sup>59</sup>. Nhiệm vụ của những người cộng sản là phải dựa vào những đặc trưng ấy, để bổ sung và phát triển nó trong điều kiện lịch sử mới.

Như vậy, có thể kết luận: Một là, thực tiễn sinh động là cơ sở xây dựng quan niệm về các đặc trưng bản chất của CNXH. Hai là, Các đặc trưng bản chất của CNXH được các nhà kinh điển đưa ra có ý nghĩa trong cuộc đấu tranh chống tư tưởng, học thuyết phi mác-xít nhằm giành thắng lợi quyết định cho học thuyết cách mạng. Những đặc trưng ấy sẽ dần dần được nhận thức thêm, phù hợp với biện chứng khách quan của hiện thực.

### 2.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Thống nhất với các nhà kinh điển về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, trong thực tiễn chỉ đạo xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và ở những thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên quan niệm của mình về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội:

Trả lời cho câu hỏi “chủ nghĩa xã hội là gì?”, Người có các cách diễn giải:

+ Chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn lạc hậu, ai cũng có công ăn việc làm, ai cũng được ấm no hạnh phúc;

+ Chủ nghĩa xã hội là thực hiện công hữu về tư liệu sản xuất;

+ Chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng trong lao động và hưởng thụ;

+ Chủ nghĩa xã hội là phát triển văn hóa, khoa học vì con người;

+ Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân xây dựng nên và do Đảng lãnh đạo;

+ Chủ nghĩa xã hội là quyền làm chủ thuộc về nhân dân, cán bộ, đảng viên là đầy tớ trung thành của nhân dân.

<sup>59</sup> C.Mác Ph.Ăngghen toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 1995- Tập 4- Trang 627.

Một số định nghĩa cơ bản của Hồ Chí Minh về CNXH là: Trước 1954, khi CNXH là xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam, Người định nghĩa tổng quát, xem CNXH, CNCS như là một xã hội hoàn chỉnh: “Chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên trái đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xoá bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”<sup>60</sup>. Hoặc: “Muốn cho CNCS thực hiện được cần phải có đất kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”<sup>61</sup>.

Định nghĩa bằng cách chỉ ra một mặt nào đó của CNXH: “CNXH là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, ốm đau và trẻ em...”<sup>62</sup>. Hoặc: “Nhà nước XHCN và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng được tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người”<sup>63</sup>.

Định nghĩa bằng cách xác định mục tiêu của CNXH, chỉ ra phương hướng, phương tiện để đạt được mục tiêu đó. Trong hơn 20 định nghĩa của Người về CNXH, thì hơn 2/3 định nghĩa thuộc loại này. Chẳng hạn, Người định nghĩa CNXH “là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng tự do”, “là đoàn kết, vui khoẻ”.

Định nghĩa bằng cách xác định động lực của CNXH: “CNXH là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”<sup>64</sup>

*Từ những định nghĩa về CNXH của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khái quát những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:*

- + Một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ.
- + Một xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- + Một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức.
- + Một xã hội công bằng và hợp lý.
- + Một xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

*Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, nhân đạo và văn minh, một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được khát vọng thiết tha của loài người.*

### **3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội.**

#### **3.1. Những mục tiêu cơ bản.**

*Bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội có liên quan chặt chẽ với nhau. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh đều trở thành những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Điểm then chốt có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là Người đã đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng CNXH ở Việt Nam trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau. Chính thông qua quá trình đề ra các mục

<sup>60</sup> Hồ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG - Hà Nội 2000 - Tập 1 trang 461

<sup>61</sup> Sdd, t.4, tr. 272

<sup>62</sup> Sdd, t.8, tr. 226

<sup>63</sup> Sdd, t.8, tr. 276

<sup>64</sup> Sdd, t.10, tr. 556



tiêu đó, CNXH được biểu hiện ra với việc thoả mãn các nhu cầu, lợi ích thiết yếu của người lao động, theo các nấc thang từ thấp lên cao, tạo ra tính hấp dẫn, năng động của chế độ xã hội mới.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CNXH theo HỒ Chí Minh là thống nhất. Người “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>65</sup>. Đây cũng chính là mục tiêu tổng quát theo cách diễn đạt của HỒ Chí Minh về CNXH.

Tiếp cận CNXH về phương diện mục đích là một nét đặc sắc, thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của HỒ Chí Minh. Người đã có nhiều cách để cập mục đích của CNXH: “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”<sup>66</sup>; “Không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”<sup>67</sup>; “Làm cho dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”<sup>68</sup>; “Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>69</sup>.

Mục tiêu cao nhất của CNXH trong quan niệm của HỒ Chí Minh là nâng cao đời sống của nhân dân. Trượt khỏi quỹ đạo đó thì hoặc là CNXH giả tạo, hoặc không có gì tương hợp với CNXH cả. Chỉ rõ và nêu bật mục tiêu của CNXH, HỒ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của CNXH so với các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra nhiệm vụ giải phóng con người một cách toàn diện: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, hình thành các nhân cách phát triển tự do.

Quá trình đi tới mục tiêu cuối cùng của CNXH là một quá trình lâu dài, trải qua một thời kỳ quá độ, nhiều bước trung gian, quá độ nhỏ. Chính thế, HỒ Chí Minh đã xác định mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên CNXH trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội:

+ Mục tiêu chính trị: Theo HỒ Chí Minh, *chế độ chính trị mà chúng ta xây dựng là chế độ xã hội do dân làm chủ*. Nhà nước phải ra sức phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong Nhà nước dân chủ, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Cán bộ, đảng viên chỉ là đầy tớ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải chăm lo trau dồi đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Nhân dân phải chăm lo việc nước như việc nhà, mọi người đều phải có nghĩa vụ lao động, bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, học tập và nâng cao trình độ về mọi mặt để xứng đáng vai trò của người chủ.

+ Mục tiêu kinh tế: Theo HỒ Chí Minh, nền kinh tế mà chúng ta đang xây dựng là *“nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”*, *“cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xoá bỏ”*, *“kinh tế quốc doanh là hình thức sở hữu của toàn dân, nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và Nhà nước phải đảm bảo cho nó phát triển ưu tiên”*<sup>70</sup>. Không có nền công nghiệp hiện đại thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quy luật tất yếu của các nước lạc hậu chưa qua tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, Người rất quan tâm việc kết

<sup>65</sup> Sdd, t.4, tr. 161

<sup>66</sup> Sdd, t.10, tr. 271

<sup>67</sup> Sdd, t.10, tr. 159

<sup>68</sup> Sdd, t.10, tr. 591

<sup>69</sup> Sdd, t.12, tr. 500

<sup>70</sup> Sdd- tập 9- trang 588, 592.

hợp các loại lợi ích kinh tế. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

+ Mục tiêu văn hoá-xã hội: Theo HỒ Chí Minh, văn hoá là một mục tiêu cao bản của cách mạng XHCN. *Chủ nghĩa xã hội gắn liền với văn hóa và là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về giải phóng con người.* Văn hóa - tư tưởng không phụ thuộc một cách máy móc vào những điều kiện sinh hoạt vật chất, vào mức sống, mà có khi cách mạng tư tưởng - văn hóa phải đi trước một bước để dọn đường cho cách mạng công nghiệp. Người yêu cầu “*cán bộ phải có văn hóa làm gốc... Công nhân cũng phải có trình độ kỹ thuật rất cao không kém gì kỹ sư... Nông dân cũng phải biết văn hóa*”<sup>71</sup>. Nền văn hóa mà HỒ Chí Minh chủ trương xây dựng là nền văn hóa “*lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở*”, “*phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do*”, “*văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi*”. Phương châm xây dựng nền văn hoá mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất của công cuộc xây dựng CNXH là công cuộc xây dựng chính con người. Người thường khẳng định: Muốn có con người XHCN, phải có tư tưởng XHCN.

+ Mục tiêu về quan hệ xã hội: Theo HỒ Chí Minh, *xã hội mà chúng ta xây dựng là một xã hội công bằng, dân chủ, có quan hệ tốt đẹp giữa người với người.* Người căn dặn: “*muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa*”<sup>72</sup>. Con người xã hội chủ nghĩa theo quan niệm của HỒ Chí Minh, là con người có tinh thần và năng lực làm chủ, có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, có kiến thức khoa học, kỹ thuật, nhạy bén với cái mới, có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm...

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người, giải phóng mọi tiềm năng sẵn có của con người để phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong giải phóng sức lao động Người chú ý nhiều đến giải phóng sức lao động của phụ nữ. HỒ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của phụ nữ trong cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội: “*Nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa*”<sup>73</sup>. *Điều đó thể hiện chủ nghĩa nhân văn, tầm văn hóa và nhân quan chính trị rộng lớn của HỒ Chí Minh.*

### 3.2. Quan niệm của HỒ Chí Minh về các động lực của chủ nghĩa xã hội.

Khi trả lời cho câu hỏi “*muốn có chủ nghĩa xã hội phải làm gì?*”, Người nhấn mạnh nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là ra sức phát triển sản xuất, và đặc biệt nhấn mạnh động lực con người<sup>74</sup>.

*Động lực hiểu một cách tóm tắt là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội thông qua hoạt động của con người biểu hiện cả ở hai phương diện vật chất và tư tưởng.*

Hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng HỒ Chí Minh rất phong phú. Xét đến cùng, các động lực muốn phát huy được tác dụng đều phải thông qua con người, do đó bao trùm lên tất cả vẫn là *động lực con người* - con người trên cả hai bình diện: *cộng đồng và cá nhân.*

- *Phát huy sức mạnh đoàn kết của cộng đồng dân tộc - động lực chủ yếu để phát triển đất nước.*

<sup>71</sup> Sđd- Tập 8- Trang 224.

<sup>72</sup> Sđd- Tập 10- Trang 310.

<sup>73</sup> Sđd, t.9, tr.523.

<sup>74</sup> Xem HỒ Chí Minh toàn tập- Nxb CTQG- Hà Nội 2000- Tập 6 trang 515; tập 8 trang 226; tập 9 trang 23, 291, 586; tập 10 trang 133, 312.

Con người trên bình diện cộng đồng bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức,... các tổ chức và đoàn thể, các dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và kiều bào ở ngoài nước,... Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải ra sức phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc mà nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức, bởi xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là vấn đề giai cấp mà còn là vấn đề dân tộc, không phải là sự nghiệp riêng của công nông mà là sự nghiệp chung của toàn dân tộc, có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới tăng cường được sức mạnh dân tộc, mới giữ vững được độc lập dân tộc.

-*Phát huy sức mạnh của con người với tư cách cá nhân người lao động.*

Hồ Chí Minh đã đề cập một hệ thống nội dung, biện pháp, vật chất và tinh thần, nhằm tác động vào đó, tạo ra sức mạnh thúc đẩy hoạt động của con người cho chủ nghĩa xã hội.

+ *Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người.*

Là nhà duy vật mác-xít, Hồ Chí Minh hiểu hành động của con người luôn luôn gắn liền với nhu cầu và lợi ích của họ. Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã huy động được sức mạnh lý tưởng (lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, chủ nghĩa anh hùng...) cũng như đem lại lợi ích vật chất (ruộng đất, cơm áo, nhu cầu vật chất hàng ngày) cho tất cả cộng đồng và mỗi cá nhân. Đi vào chủ nghĩa xã hội là đi vào một trận tuyến mới, do đó, theo Người cũng phải biết kích thích những động lực mới, đó là lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động.

Hồ Chí Minh phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, nhưng hơn ai hết, Người rất quan tâm đến con người, khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng, coi trọng động lực cá nhân, tìm tòi cơ chế chính sách để kết hợp hài hòa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, như khoán, thưởng, phạt trong kinh tế.

+ *Tác động vào các động lực chính trị - tinh thần.*

Coi trọng động lực của các đòn bẩy kinh tế, nhưng Hồ Chí Minh cũng cho thấy, đó không phải là phương thuốc bách bệnh có thể giải quyết được tất cả. Có những lĩnh vực hoạt động xã hội- tinh thần đòi hỏi những hi sinh, thiệt thòi mà không lợi ích vật chất nào bù đắp được. Trong những hoàn cảnh khó khăn của cách mạng và kháng chiến, khi các điều kiện vật chất còn thiếu, Hồ Chí Minh đề lên hàng đầu việc phát huy các động lực chính trị- tinh thần của nhân dân ta:

\**Phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động*, bao gồm quyền làm chủ sở hữu, làm chủ quá trình sản xuất và phân phối. Người nhắc nhở: các hợp tác xã phải làm cho người nhân dân xã viên thấy "mình là người chủ tập thể của hợp tác xã, có quyền bàn bạc và quyết định những công việc của hợp tác xã. Có như thế thì xã viên sẽ đoàn kết chặt chẽ, phấn khởi sản xuất và hợp tác xã sẽ tiến bộ không ngừng"<sup>75</sup>. Muốn thế, người cán bộ lãnh đạo không được chuyên quyền, độc đoán, "Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo..."<sup>76</sup>. Nói cách khác là phải thực hành dân chủ mà theo Hồ Chí Minh đó là "cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"<sup>77</sup>. Người nói, nếu quần chúng thật sự có quyền dân chủ, cán bộ, đảng viên xung phong gương mẫu thì mọi kế hoạch sản xuất sẽ được thực hiện thắng lợi.

Đồng thời với phát huy quyền làm chủ, Người nhắc nhở phải quan tâm bồi dưỡng ý thức làm chủ, tâm lý làm chủ cho người lao động mới. Đã là người làm chủ thì phải coi "hợp tác xã là nhà, xã viên làm chủ", "yêu xe như con, quý xăng như máu",

<sup>75</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 195

<sup>76</sup> Sđd, t. 5, tr. 293.

<sup>77</sup> Sđd, t.12, tr. 249.

“quý trâu như bạn”,... Người làm chủ là người tự lực, biết lo toan, gánh vác, không ỷ lại, trông chờ; người làm chủ phải là người biết quản lý, biết kinh doanh giỏi, biết sử dụng hợp lý sức lao động, v.v..

\* *Thực hiện công bằng xã hội.* Hồ Chí Minh đã thấy do thiếu công bằng và dân chủ mà dẫn tới hậu quả bùng nổ những xung đột xã hội căng thẳng. Vì vậy, Người nhắc nhở trong công tác phân phối, lưu thông, có hai điều phải luôn nhớ:

Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng,  
Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

Công bằng, theo Hồ Chí Minh, không phải là cào bằng một cách bình quân, giỏi kém như nhau, làm triệt tiêu mất động lực kinh tế, xã hội.

\* *Sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác:* chính trị, văn hóa, đạo đức, pháp luật.

Trước hết là *lý tưởng chính trị*. Người nói: muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, “cần có ý thức xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội”<sup>78</sup>.

Nhân loại đang bước vào kỷ nguyên văn minh trí tuệ, trong đó khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão. Do đó, Hồ Chí Minh đòi hỏi: Đảng và Nhà nước phải nắm vững khoa học- kỹ thuật, mỗi đảng viên đều phải cố gắng học tập văn hóa, khoa học và kỹ thuật.

Sống trong xã hội, con người còn phải chịu sự ràng buộc của các quan hệ pháp lý, đạo đức. Con người được giáo dục về đạo đức thì nhu cầu hướng thượng càng cao. Nhờ đó, lao động, cống hiến của họ cho chủ nghĩa xã hội càng tích cực và tự giác hơn.

\* *Khắc phục các trở lực kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.* Muốn khai thông các động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, thì đồng thời phải nhận diện để khắc phục các trở lực của nó. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những căn bệnh có thể dẫn đến nguy cơ thoái hóa, biến chất của một đảng cầm quyền, đến an nguy của chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, Người yêu cầu:

*Phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, căn bệnh đẻ ra hàng trăm thứ bệnh.*

*Phải đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, bọn đồng minh của thực dân, phong kiến.*

*Phải chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật.*

*Phải chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập cái mới.*

- Trong hệ thống các động lực của chủ nghĩa xã hội, ngoài những nội dung trên, Hồ Chí Minh còn nói nhiều đến vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực cơ chế, chính sách của Nhà nước cùng vai trò của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị. Nói con người là động lực quan trọng nhất của CNXH, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng). Truyền thống yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của CNXH. Sự kết hợp các động lực kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, động lực bên trong và sức mạnh thời đại... là sức mạnh bảo đảm thắng lợi triệt để của CNXH

Nét độc đáo trong phong cách tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh chỉ ra các động lực phát triển của CNXH, Người còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn năng lượng vốn có của CNXH, làm cho CNXH trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn.

<sup>78</sup> Sdd- Tập 9- Trang 457.

## II. Tư tưởng HỒ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### 1. Quan niệm của HỒ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

#### 1.1. Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nói về tính tất yếu của thời kỳ quá độ.

Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gotha*, C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính vô sản”<sup>79</sup>.

Trong điều kiện của Cách mạng Tháng Mười ở Nga, Lênin cho rằng: Bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Nga là một thời kỳ lịch sử tương đối dài, nó cần thiết phải thực hiện những bước quá độ nhỏ, những nhịp cầu, những hình thức kinh tế trung gian để lôi cuốn nhân dân Nga, mà đa số là tiểu nông, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng xuất phát từ đặc thù của nước Nga, Lênin cho rằng: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và thông qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>80</sup>.

Như vậy, theo các nhà kinh điển là có hai cách quá độ lên chủ nghĩa cộng sản: *Quá độ trực tiếp từ một nước tư bản phát triển lên chủ nghĩa cộng sản và Quá độ gián tiếp từ những nước lạc hậu lên chủ nghĩa cộng sản, không kinh qua phát triển tư bản chủ nghĩa. Ở cách quá độ gián tiếp có hai hình thức, nhất thiết phải có sự giúp đỡ của một nước tiên tiến đã thành công cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

#### 1.2. Quan niệm của HỒ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước hết, HỒ Chí Minh lưu ý, cần nhận thức rõ tính quy luật chung và đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nếu C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ chủ yếu đề cập đến quá độ trực tiếp, còn Lênin mới chỉ nêu lên ở dạng khái quát mang tính định hướng lý luận chung cho quá độ gián tiếp, thì HỒ Chí Minh từ thực tiễn của Việt Nam đã chỉ rõ có hai kiểu quá độ chủ yếu đi lên chủ nghĩa cộng sản: *Quá độ trực tiếp từ những nước tư bản phát triển lên chủ nghĩa xã hội và quá độ gián tiếp từ những nước nghèo nàn, lạc hậu, tiền tư bản chủ nghĩa qua dân chủ nhân dân đi lên chủ nghĩa cộng sản. Trong đó, kiểu quá độ gián tiếp có hai hình thức: từ nước tiền tư bản và từ nước kém phát triển đi lên CNCS. Người đã xây dựng quan niệm và lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp theo hình thức hai và gắn liền nó với Việt Nam.*

HỒ Chí Minh chỉ ra những đặc điểm và mâu thuẫn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: *đặc điểm bao trùm, to nhất là “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua phát triển tư bản chủ nghĩa”*<sup>81</sup>. Nói “tiến thẳng” lên chủ nghĩa xã hội, nhưng HỒ Chí Minh cũng đã nhiều lần điều chỉnh lại: *“Tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục”*<sup>82</sup>. *“Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi xã*

<sup>79</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 1995, Tập 19, Trang 47.

<sup>80</sup> V.I. Lênin toàn tập, Nxb Tiến Bộ, Matxcova 1979, Tập 42, Trang 266.

<sup>81</sup> HỒ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2000, Tập 7, Trang 247.

<sup>82</sup> Sđd, Tập 8, Trang 228.

*hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc”<sup>83</sup>. “Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần”<sup>84</sup>.*

a) Về độ dài của thời kỳ quá độ: Ban đầu, theo kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc, Hồ Chí Minh đoán rằng “chắc sẽ đòi hỏi ba, bốn kế hoạch dài hạn, nếu nhân dân ta cố gắng thì có thể rút ngắn hơn”. Nhưng về sau, Người đã điều chỉnh lại: “*Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài*”<sup>85</sup>.

Người nhấn mạnh tính tuần tự, dần dần của thời kỳ quá độ và lý giải tính phức tạp, khó khăn của nó trên các điểm: *Thứ nhất*, đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau. *Thứ hai*, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là công việc hết sức mới, nên vừa làm, vừa học và có thể vấp vấp, thiếu sót. *Thứ ba*, sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm mọi cách chống phá.

Chính thế, Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng CNXH phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Xây dựng CNXH đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận động xã hội, vừa phải có nghệ thuật khéo léo, sát với tình hình thực tế.

b) Về nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ: Hồ Chí Minh chỉ rõ “*phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến*. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”<sup>86</sup>.

Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam có hai nội dung lớn: *Một là*, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng cho CNXH. *Hai là*, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt lõi nhất, chủ chốt, lâu dài.

c) Về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ:

- Trong lĩnh vực chính trị, nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải được chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới do lịch sử đặt ra.

Mối quan tâm lớn nhất của Người về Đảng cầm quyền là làm sao Đảng không trở thành đảng quan liêu, xa dân, thoái hoá, biến chất, làm mất lòng tin của dân, dẫn đến nguy cơ sai lầm về đường lối, để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở dưới nhiều hình thức.

Nội dung chính trị quan trọng khác là củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức do Đảng lãnh đạo; mở rộng và tăng cường sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- Nội dung kinh tế được Hồ Chí Minh đề cập trên tất cả các mặt: Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế.

Người nhấn mạnh đến tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hoá XHCN.

<sup>83</sup> Sđd, Tập 9, Trang 176.

<sup>84</sup> Sđd, Tập 8, Trang 226.

<sup>85</sup> Sđd, Tập 9, Trang 2.

<sup>86</sup> Sđd, Tập 10, Trang 13.

Người có quan độc đáo về cơ cấu kinh tế nông-công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thoả mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Người lưu ý phải phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người chỉ đạo đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo vừa tạo điều kiện không ngừng cải thiện đời sống của đồng bào, vừa đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Ở Việt Nam, Người là người đầu tiên chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Người xác định rõ vị trí, xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế: Ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho CNXH, thúc đẩy quá trình cải tạo XHCN. Khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã theo nguyên tắc dần dần, tự nguyện, cùng có lợi. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, hướng dẫn và giúp đỡ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích đi vào con đường hợp tác đối với người làm nghề thủ công và làm ăn riêng lẻ. Nhà nước không xoá bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác, mà hướng dẫn những nhà tư sản hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo CNXH bằng cách hình thức tư bản nhà nước.

Người rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. Quản lý kinh tế phải trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất. Gắn liền với nguyên tắc phân phối theo lao động, Người bước đầu đề cập đến vấn đề khoán trong sản xuất. “Chế độ làm khoán là một điều kiện của CNXH, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại là lợi riêng... làm khoán tốt, thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay”<sup>87</sup>.

- Trong lĩnh vực văn hoá-xã hội, Người nhấn mạnh đến việc xây dựng con người mới. Người đặc biệt đề cao vai trò của văn hoá, giáo dục, khoa học-kỹ thuật trong XHCN. Người rất coi trọng nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.

Tóm lại, về những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ phải:

Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước.

Phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị-xã hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Về bước đi và các biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.**

Hồ Chí Minh thường nhắc nhở: vì nước ta có những đặc điểm riêng, “ta không thể giống Liên Xô,... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”<sup>88</sup>.

### **2.1. Về bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.**

Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Người đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận: Một là, Xây dựng CNXH là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng CNXH chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Tuy Người chưa nói rõ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là có mấy chặng đường, nội dung của từng chặng đường ấy là gì, nhưng trên thực tế Người

<sup>87</sup> Sdd, t.8, tr. 341.

<sup>88</sup> Sdd, Tập 8, Trang 227.

đã chỉ rõ: “Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài”<sup>89</sup>, “phải làm dần dần”, “không thể một sớm một chiều”. Thời kỳ quá độ ở Việt Nam là phải trải qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh”, “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”.

Chẳng hạn, trong nông nghiệp, Người nói: “lúc đầu là cải cách ruộng đất, sau tiến lên tổ đổi công sao cho tốt,.. lại tiến lên hợp tác xã, rồi tiến lên hợp tác xã cao hơn...”<sup>90</sup>. Trong công nghiệp, Người nói: ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên, rồi đến tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng, “làm trái với Liên Xô cũng là mac-xít”.

## 2.2. Về phương pháp, biện pháp, cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Người luôn luôn nhắc nhở phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo ra cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cụ thể:

+ Trong bước đi và cách làm chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phải thể hiện được sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: “xây dựng miền Bắc, chiểu cổ miền Nam”.

+ Khi giặc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, khẩu hiệu “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, “vừa chống Mỹ cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội”, được thế giới coi là một kinh nghiệm sáng tạo của Việt Nam.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá,... phải kết hợp cải tạo với xây dựng trên tất cả các lĩnh vực, mà xây dựng là chủ chốt và lâu dài.

+ Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, vì vậy cách làm là “đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân”, đó là “chủ nghĩa xã hội nhân dân”, không phải là “chủ nghĩa xã hội nhà nước”, được ban phát từ trên xuống.

+ Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò quyết định của biện pháp tổ chức thực hiện, Người nhắc nhở: chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi,... có như thế kế hoạch mới hoàn thành tốt được.

Như vậy, một số cách làm cụ thể của Người là: Một, thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng làm chính. Hai, Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền khác nhau trong phạm vi một quốc gia. Ba, Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch. Bốn, Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng CNXH là đem của dân, tài dân, sức dân mà làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

### III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Những tư tưởng của Hồ Chí Minh về bản chất, mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội, về tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bước đi và phương thức tiến hành chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang được Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển trong công cuộc đổi mới hiện nay. Cụ thể:

#### 1. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

<sup>89</sup> Sđd, Tập 12, Trang 567.

<sup>90</sup> Sđd, Tập 8, Trang 226.



Hơn 70 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng và bằng kinh nghiệm lịch sử của mình, nhân dân ta đã thấm thía sâu lời dạy của Hồ Chí Minh, rằng “nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh và cũng là mong muốn ngàn đời của nhân dân ta. *Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.*

Ngày nay, đổi mới với chúng ta không bao giờ là thay đổi mục tiêu. Đổi mới nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” cũng chính là để hoàn thành mục tiêu, lý tưởng của Hồ Chí Minh và của nhân dân ta trong một hoàn cảnh mới.

Kẻ thù, lợi dụng sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu muốn chúng ta từ bỏ sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Nhưng nhân dân ta, qua bài học đắt giá của Liên Xô và Đông Âu quyết không bao giờ từ bỏ sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội của mình.

Tuy nhiên, xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực, là một sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội chấp nhận theo cơ chế thị trường vừa tạo ra cho xã hội Việt Nam nhiều động lực mới, đồng thời cũng đặt Việt Nam trước những thách thức to lớn làm chỗ dựa cho những âm mưu “diễn biến hòa bình” của kẻ thù.

Làm thế nào để có thể sử dụng các hình thức, các phương thức của chủ nghĩa tư bản nhằm phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa xã hội mà không bị chệch hướng sang chủ nghĩa tư bản; Làm sao cho tăng trưởng kinh tế luôn đi đôi với công bằng xã hội, với sự lành mạnh về đạo đức, tinh thần? Câu trả lời không có sẵn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng Người đã cho ta phương hướng và phương pháp suy nghĩ để tìm ra những giải pháp hữu hiệu.

**2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh để thực hiện CNH-HĐH đất nước.**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một tất yếu đối với tất cả các nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên xã hội chủ nghĩa không kinh qua tư bản chủ nghĩa. Với Việt Nam không chỉ là công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà phải là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Quán triệt sâu sắc quan niệm của Hồ Chí Minh: chủ nghĩa xã hội là công trình của tập thể nhân dân, do nhân dân tự xây dựng nên dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đem “tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”, chúng ta phải phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Muốn thế phải thực hiện nghiêm túc cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và phải nhất quán thực hiện chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, trên cơ sở lấy liên minh công-nông-trí thức làm nòng cốt. Hợp tác, tranh thủ sự đóng góp, ủng hộ của tất cả những ai tán thành đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

**3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.**

Chúng ta phải ra sức tranh thủ tối đa mọi cơ hội tốt cho xu thế hội nhập toàn cầu hóa của công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ trên thế giới tạo ra, phải phát huy hiệu lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phải có cơ chế, chính sách tốt để thu hút vốn đầu tư, điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất các nguồn lực bên ngoài, thực hiện tốt kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, không có sự viện trợ lớn nào là hoàn toàn vô tư. Vì vậy, tranh thủ hợp tác phải đi đôi với thường xuyên khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, kêu gọi toàn dân sẵn sàng đem nhân lực, vật lực, tài lực để tăng cường sức mạnh quốc gia.

Giao lưu, hội nhập đồng thời phải không ngừng trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt cho thanh niên để tiếp thu tốt tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời có sức đề kháng tốt chống mọi yếu tố văn hóa độc hại từ bên ngoài tràn vào.

**4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hiện cần kiệm xây dựng CNXH.**

Muốn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết cán bộ, đảng viên, những người thừa hành công vụ phải trong sạch, liêm khiết, phải thực sự là người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân. Bài học vô giá mà Hồ Chí Minh đã dày công giáo dục chúng ta là phải không ngừng chăm lo tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng và làm trong sạch bộ máy Nhà nước, phải làm cho Nhà nước thực sự là “của dân, do dân, vì dân”.

Sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa đang kích thích lòng ham muốn và lối sống tiêu dùng trong một bộ phận cán bộ và nhân dân. Hiện nước ta còn nghèo, làm chưa đủ ăn, chưa đủ để trả nợ. Vì vậy, tiết kiệm không chỉ là một nếp sống đạo đức, mà nó còn là một chính sách kinh tế. Mọi biểu hiện của xa hoa, lãng phí đều dẫn đến xâm phạm tài sản của nhân dân, nó đều là một vấn đề chính trị. Cần phải làm cho khẩu hiệu “cần kiệm xây dựng đất nước” của Hồ Chí Minh đi vào cuộc sống, trở thành một nét đẹp văn hóa của Việt Nam.

## ĐỀ TÀI THẢO LUẬN

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hãy cho biết vì sao chủ nghĩa xã hội đã bị sụp đổ ở Liên-Xô và Đông Âu từ 1991, nhưng hiện nay Đảng và Nhà nước ta vẫn khẳng định Việt Nam tiếp tục kiên định con đường lên chủ nghĩa xã hội?

### Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta về tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay?

2. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta về tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay?

3. Phân tích những nhân tố đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa do Hồ Chí Minh vạch ra? Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta về những nhân tố đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay?

4. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về động lực con người của chủ nghĩa xã hội? Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta về quan điểm đó trong giai đoạn hiện nay?

5. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Phân tích đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà Hồ Chí Minh đã đề cập?

## CHƯƠNG 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

Thống kê, phân tích những bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh đã được công bố trong Hồ Chí Minh toàn tập (12 tập/2000), kết quả cho thấy có tới 1827 lần Người nhắc đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc, các bài có đề cập đến vấn đề đại đoàn kết chiếm trên 40% số bài nói và viết của Người. Trong một số bài, Người đã nhiều lần nói đến đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc: trong *Sửa đổi lề lối làm việc* (tập 5) 16 lần, trong *Bài nói tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh- Liên Việt* (tập 6) 17 lần, trong *Diễn văn kỷ niệm Quốc khánh 1957* (tập 8) 19 lần...

Với cương vị là lãnh tụ tối cao của dân tộc, Người trở thành linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng rộng rãi và bền vững. Đại đoàn kết dân tộc là một nội dung xuyên suốt trong tư tưởng và trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

### I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

#### 1. Những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

a) Trước hết là từ truyền thống yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc.

Đối với mỗi người dân Việt Nam, yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết đã trở thành:

*Một tình cảm tự nhiên* “nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng”,

*Một triết lý nhân sinh* “một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao”,

*Một phép ứng xử và tư duy chính trị* “tình làng nghĩa nước, nước mất thì nhà tan, giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”.

Ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc đó đã được hình thành và củng cố trong hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, *đã tạo nên một truyền thống bền vững, thấm sâu vào tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam.*

Hồ Chí Minh đã hấp thu được truyền thống đó mà khẳng định: “từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự hiểm nguy, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”<sup>91</sup>. *Người phát huy truyền thống đó trong giai đoạn mới của cách mạng: phải “làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”*<sup>92</sup>.

b) Từ tổng kết thực tiễn: Những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam, cách mạng thế giới.

Trước khi đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã thấy được những hạn chế trong việc tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối, những yêu cầu khách quan mới của lịch sử dân tộc. Đây chính là điểm xuất phát để Hồ Chí Minh xác định: Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác họ làm như thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào ta.

*Tổng kết thực tiễn đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, nhất là của Trung Quốc và Ấn Độ* (đoàn kết các dân tộc, các giai tầng, các đảng phái, các tôn giáo... qua các phong trào Liên Nga, Thân Cộng, Ủng hộ Công-Nông, Hợp tác Quốc-Cộng...), *Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh tiềm ẩn to lớn của họ và cũng thấy rõ những hạn chế của họ là*

<sup>91</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2000, Tập 6, Trang 171.

<sup>92</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2000, Tập 6, Trang 172.

chưa có được sự lãnh đạo đúng đắn, chưa biết đoàn kết lại, chưa có tổ chức và chưa biết tổ chức.

Tìm hiểu thấu đáo Cách mạng Tháng Mười, đặc biệt là những bài học kinh nghiệm trong tập hợp quần chúng để giành và giữ chính quyền cách mạng, đánh tan sự can thiệp của 14 nước đế quốc muốn bóp chết Nhà nước xô-viết non trẻ, để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, *Hồ Chí Minh đã hiểu sâu sắc thế nào là cuộc “cách mạng đến nơi” để chuẩn bị việc lãnh đạo nhân dân Việt Nam đi vào con đường cách mạng mới những năm sau này.*

c) *Từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.*

Cơ sở quan trọng nhất đối với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là những quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc; liên minh công-nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng; đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế; vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, v.v..

Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin chủ yếu là ở chỗ vừa hoạt động cách mạng, Người vừa tìm hiểu Chủ nghĩa Mác-Lênin, nhờ đó có cơ sở khoa học để đánh giá chính xác các yếu tố tích cực cũng như hạn chế trong các di sản truyền thống trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam tiền bối, và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, rút ra những bài học kinh nghiệm mà hình thành và hoàn chỉnh tư tưởng đại đoàn kết của mình.

## **2. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.**

a) *Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.*

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược, nó là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Nó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh với mọi kẻ thù của dân tộc.

Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn của cách mạng, chính sách và phương pháp đoàn kết có thể được điều chỉnh, nhưng với Hồ Chí Minh đại đoàn kết dân tộc luôn là vấn đề sống còn của cách mạng. Đây là bài học kinh nghiệm Hồ Chí Minh rút ra từ những thất bại của cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có một nguyên nhân sâu xa là cả nước đã không đoàn kết thành một khối thống nhất.

Người nói: *Đoàn kết là sức mạnh*: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”<sup>93</sup>; “đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”<sup>94</sup>; “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”<sup>95</sup>.

*Đoàn kết là điểm mọ*: “Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt...”<sup>96</sup>. “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”<sup>97</sup>.

Người thường căn dặn: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, và phải đoàn kết nhân vào trong một Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

<sup>93</sup> Sđd, Tập 7, Trang 392.

<sup>94</sup> Sđd, Tập 11, Trang 22.

<sup>95</sup> Sđd, Tập 11, Trang 154.

<sup>96</sup> Sđd, Tập 8, Trang 392.

<sup>97</sup> Sđd, Tập 10, Trang 607.

b) Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Người tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”<sup>98</sup>. Người cũng chỉ rõ: “Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền, huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà”<sup>99</sup>.

Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong các cuộc cách mạng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn những đòi hỏi khách quan tự phát ấy thành đòi hỏi tự giác, thành sức mạnh vô địch trong đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

Yêu nước phải thể hiện thành thương dân, không thương dân không thể có lòng yêu nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh không chỉ là việc nhấn mạnh vai trò to lớn của dân, mà nó còn là mục tiêu của cách mạng: phải làm cho dân chúng số đông ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Do đó, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

c) Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, các khái niệm Dân, Nhân dân có nội hàm rất rộng. Người dùng để chỉ “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc thiểu số, dân tộc đa số, người có tín ngưỡng tôn giáo, người không có tín ngưỡng tôn giáo, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện. Người đã nhiều lần nêu rõ: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất, độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”<sup>100</sup>. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi ấy, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng của Việt Nam.

Muốn thực hiện việc đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Người thường lấy hình tượng năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn, nhưng cả năm ngón cùng thuộc về một bàn tay, để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết rộng rãi. Người nhiều lần nhắc nhở: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”<sup>101</sup>. Người còn căn dặn: Cần xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Người có quan điểm đoàn kết dân tộc rộng rãi như vậy là vì Người tin ở nhân dân, tin rằng trong mỗi người ai cũng ít nhiều tấm lòng yêu nước tiềm ẩn. Vì thế, mẫu số chung để quy tụ mọi người vào khối Đại đoàn kết dân tộc chính là nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, là cuộc sống tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Người cũng xác định rõ nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công-nông-trí thức. Người nói: Liên minh công-nông-trí thức là nền tảng cho khối đại

<sup>98</sup> Sđd, Tập 6, Trang 183.

<sup>99</sup> Sđd, Tập 11, Trang 130.

<sup>100</sup> Sđd, Tập 7, Trang 438.

<sup>101</sup> Sđd, Tập 7, Trang 438.

đoàn kết toàn dân. Nếu nền tảng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

*Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế.* Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam chỉ có thể giành được thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với cách mạng thế giới. Từ đại đoàn kết dân tộc phải đi đến đại đoàn kết quốc tế. Đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đại đoàn kết quốc tế là một nhân tố hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam thắng lợi hoàn toàn.

Trong những năm chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã nêu rõ: “phải có Đảng cách mạng, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”<sup>102</sup>.

Trong đoàn kết quốc tế, Người đặc biệt coi trọng xây dựng khối đoàn kết Việt-Miên-Lào. Trong kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành ba tầng Mặt trận: Mặt trận đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt-Miên-Lào; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

*d) Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

*Cả dân tộc hay toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, trở thành sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Thất bại của các phong trào yêu nước trước kia đã chứng minh rất rõ ràng về điều đó.*

*Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai tầng, từng giới, từng ngành nghề, từng giới tuổi, từng tôn giáo; hơn nữa còn phù hợp với từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Đó là các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn, v.v.. Và bao trùm nhất là: Mặt trận dân tộc thống nhất, nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi con dân nước Việt, không phải chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài, dù ở bất cứ phương trời nào, nếu tấm lòng vẫn hướng về quê hương đất nước, về tổ quốc Việt Nam...*

Tùy theo từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những tên gọi khác nhau: *Hội phản đế đồng minh* (1930), *Mặt trận dân chủ* (1941), *Mặt trận Liên Việt* (1946), *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* (1960), *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* (1955), ( 1976), nhưng thực chất chỉ là một. Mặt trận phải có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc sau đây:

+ Là thực thể của tư tưởng, chiến lược đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận dân tộc thống nhất phải xây dựng trên *nền tảng liên minh công-nông* (về sau Người nêu thêm là *liên minh công-nông-lao động trí óc*), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

<sup>102</sup> Sdd, Tập 2, Trang 267-268.

+ Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc *hiệp thương dân chủ*, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng.

Lợi ích tối cao của dân tộc là Tổ quốc độc lập và thống nhất, xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người thuộc bất cứ giai tầng nào cũng phải đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên hết và trước hết. Nhưng mỗi bộ phận, mỗi người lại có những lợi ích riêng khác nhau. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. *Mặt trận cần đặc biệt quan tâm xem xét và giải quyết thỏa đáng vấn đề này đối với các thành viên tham gia Mặt trận bằng việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ*, cùng nhau bàn bạc để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức.

+ Đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu

+ Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Tại Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Minh (tháng 3/1951), Người nêu rõ: “Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một gia đình tương thân tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, mỗi đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân...”<sup>103</sup>.

Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (tháng 8/1962), Người yêu cầu: “Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân... Phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sỹ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc”<sup>104</sup>.

Khi phải giải quyết các bất đồng, Người dặn: một mặt phải “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác, “đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”. Người cũng căn dặn: “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”<sup>105</sup>.

Trong quá trình xây dựng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn đấu tranh chống việc coi nhẹ việc tranh thủ tất cả những lực lượng có thể tranh thủ được, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều.

+ Đảng Cộng sản vừa là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc. Theo Hồ Chí Minh, Đảng vừa là Đảng của giai cấp công nhân, lại vừa là Đảng của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân vì Đảng mang bản chất giai cấp công nhân và lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt. Là Đảng của nhân dân lao động và của cả dân tộc, vì Đảng ra đời trong lòng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, vấn đề đại đoàn kết dân tộc đã trở thành vấn đề máu thịt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngược lại, đại bộ phận nhân dân Việt Nam đã coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của mình. Thống nhất với quan niệm của Lênin,

<sup>103</sup> Sđd, t.6, tr. 182.

<sup>104</sup> Sđd, Tập 10, Trang 605-606.

<sup>105</sup> Sđd, Tập 9, Trang 137.



Hồ Chí Minh thường nhắc: “Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại”.

Là một thành viên của Mặt trận, nhưng Đảng Cộng sản lãnh đạo Mặt trận. Quyền lãnh đạo Mặt trận không phải do Đảng tự phong cho mình, mà là được nể thừa nhận. Hồ Chí Minh phân tích: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thật nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”<sup>106</sup>.

Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ của Mặt trận. Đảng phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, kêu gọi tinh thần tự giác, tự nguyện của các thành viên trong Mặt trận. Đảng phải thực sự tôn trọng các tổ chức và các thành viên của Mặt trận. Đặc biệt là Đảng phải thực sự đoàn kết nhất trí. Sự đoàn kết của Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đoàn kết toàn dân.

Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù và đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

## **II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.**

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là một tư tưởng của Hồ Chí Minh đã được các Đại hội của Đảng ta liên tiếp khẳng định và nêu cao. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay thì ý nghĩa của bài học ấy càng có tính thời sự sâu sắc, nó là một điều kiện không thể thiếu để giúp chúng ta tiếp tục giành những thắng lợi mới.

### **1. Quá trình nhận thức của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.**

#### *a. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh dân tộc.*

+ Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng đề cao sức mạnh của truyền thống dân tộc: “Xét trong lịch sử Việt Nam, Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng. Nhiều phen đánh bắc, dẹp đông, oanh liệt con Rồng cháu Tiên”<sup>107</sup>. Người đặc biệt đề cao sức mạnh của truyền thống yêu nước. Vì vậy, dù trong những hoàn cảnh đen tối nhất, Người vẫn bộc lộ một niềm lạc quan tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh của dân tộc. Chính thế mà Người đã khẳng định: “chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”<sup>108</sup>.

Dù đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nhưng Người cũng đã thấy rõ: không thể đánh thắng kẻ thù mới bằng con đường cũ, cách làm cũ trong một thế giới đã có nhiều thay đổi. Người đã quyết định phải đi ra nước ngoài tìm đường lối và phương pháp đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng đồng bào.

#### *b. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh thời đại được hình thành từng bước, từ cảm tính đến lý tính, thông qua hoạt động thực tiễn mà tổng kết thành lý luận.*

Ra đi tìm đường cứu nước, hòa mình trong môi trường hoạt động của giai cấp công nhân, chứng kiến cuộc sống cực khổ của nhân dân các nước thuộc địa, Người đã phát hiện ra: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người

<sup>106</sup> Sđd, Tập 3, Trang 139.

<sup>107</sup> Sđd, tập 3, trang 227-228.

<sup>108</sup> Sđd, tập 1, trang 466.

bóc lột và giống người bị bóc lột”<sup>109</sup>. Đó là cơ sở đầu tiên để hình thành nhận thức: *muốn giải phóng dân tộc mình cần thiết phải đoàn kết với các dân tộc khác cùng chung cảnh ngộ*. Người kêu gọi: “Vì nền hòa bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức”<sup>110</sup>.

Qua khảo sát chủ nghĩa đế quốc tận sào huyệt của chúng, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức được rằng: chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa. Muốn đánh thắng chúng, phải thực hiện khối liên minh chiến đấu giữa lao động của các nước thuộc địa với nhau và ở thuộc địa với vô sản ở chính quốc.

Đây là điểm vượt lên của Nguyễn Ái Quốc so với các lãnh tụ cách mạng của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Họ đều là những nhà cách mạng đầy nhiệt huyết, nhưng họ chưa nhận rõ được kẻ thù, nên cũng chưa tìm thấy được bạn đồng minh.

Khi tiếp cận với *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh của thời đại đã được nâng cao thành lý luận về: sức mạnh của giai cấp vô sản, của cách mạng vô sản và Đảng tiên phong của nó; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, là phải xây dựng khối liên minh chiến đấu giữa vô sản chính quốc với lao động ở thuộc địa, nhằm cùng lúc tấn công chủ nghĩa đế quốc ở cả hai đầu.

Với nhận thức đó, Người đã bắt tay vào việc thành lập *Hội liên hiệp thuộc địa ở Pháp*, cho xuất bản tờ *Le Paria* để truyền bá tư tưởng của mình trong vô sản và lao động ở cả chính quốc và thuộc địa. Khi về tới Trung Quốc, Người đã tích cực tham gia vào việc thành lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức*, coi giúp bạn là tự giúp mình, đồng thời Người đã tham gia vào việc sáng lập một số Đảng Cộng sản ở các nước Đông Nam Á.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, cùng với sự lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc và của các nước xã hội chủ nghĩa, là sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật công nghệ trở thành một nhân tố của sức mạnh thời đại. Bên cạnh việc khẳng định: phát huy sức mạnh của thời đại là phải huy động sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Hồ Chí Minh còn nhắc nhở các thế hệ thanh niên phải ra sức học tập để chiếm lĩnh được những đỉnh cao của khoa học, tận dụng sức mạnh mới của thời đại để nhân lên sức mạnh của dân tộc.

*c. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh thời đại và tính tất yếu của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Trải qua trên 30 năm bôn ba ở trên 30 nước để khảo sát chủ nghĩa đế quốc chính tại sào huyệt của nó, bằng chính hoạt động thực tiễn lăn lộn trong phong trào công nhân quốc tế và với trí thức uyên thâm của mình, Hồ Chí Minh đã nhận thức rất rõ về sức mạnh của thời đại và tính tất yếu của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Sức mạnh của thời đại mới là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc; là sự lớn mạnh của cách mạng xã hội chủ nghĩa; là sự nắm bắt, chiếm lĩnh, làm chủ được các thành tựu của khoa học và kỹ thuật công nghệ.

Người khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc muốn đi tới thắng lợi trước hết phải đoàn kết dân tộc, tự lực cánh sinh dựa vào sức mình là chính. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn đi tới thắng lợi và thắng lợi hoàn toàn, phải xây dựng được khối

<sup>109</sup> Sđd, tập 1, trang 266.

<sup>110</sup> Sđd, tập 1, trang 452.

liên minh chiến đấu giữa lao động các nước thuộc địa với nhau và với vô sản ở nước chính quốc, coi giúp bạn là tự giúp mình; Phải tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình của công nhân và nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội, đặc biệt là sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

## **2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.**

a. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới.

Hồ Chí Minh đã nắm rất rõ đặc điểm của thời đại mình, thời kỳ chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền hình thành nên được hệ thống thuộc địa của chúng; Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Với nội dung đó, thời đại mới đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của loài người.

Từ thực tiễn của phong trào cách mạng trong nước, Nguyễn Tất Thành rất kính trọng và khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc cách mạng tiền bối, nhưng Người không tán thành, đi theo con đường mà họ đã thất bại. Bằng việc xác định đúng mục đích tìm đường cứu nước, cách đi đúng mà Nguyễn Ái Quốc đã đến được với Chủ nghĩa Mác-Lênin, mà khẳng định: trước hết cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam rất “cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ với các dân tộc thuộc địa và với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung”<sup>111</sup>.

Sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Nguyễn Ái Quốc đã làm tất cả để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người đã viết: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”<sup>112</sup>.

Người đã chỉ ra một trong những nguyên nhân “gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập... Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cố vũ lẫn nhau”<sup>113</sup>. Vì vậy, Người đã kiến nghị với Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc phương Đông.

Theo Người, “Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cách của cách mạng vô sản”<sup>114</sup>.

Mặt khác, Người đề nghị phải “Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng”<sup>115</sup>.

Do thiếu kinh nghiệm, giai cấp công nhân ở phương Tây lúc đó chưa có hiểu biết đầy đủ và chính xác về vấn đề thuộc địa. Một số lãnh tụ cơ hội của Quốc tế II đã bênh vực chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Bécxtanh cho rằng các dân tộc thuộc địa còn ở trình độ lạc hậu, nên việc chinh phục thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc là có tác dụng “khai hóa, truyền bá văn minh”, điều này theo ông ta là phù hợp với mong

<sup>111</sup> Sđd, tập 8, trang 567.

<sup>112</sup> Sđd, t.2, tr.301.

<sup>113</sup> Sđd, t.1, tr.263.

<sup>114</sup> Sđd, t.2, tr.124.

<sup>115</sup> Sđd, tr.124.

muốn của giai cấp công nhân. Cauxky thì cho rằng các dân tộc thuộc địa chưa đủ khả năng để đấu tranh tự giải phóng, còn giai cấp vô sản thì chưa thể đấu tranh với giai cấp tư bản để xóa bỏ thuộc địa, những người xã hội-dân chủ cần có thời gian tích lũy lực lượng để lên nắm chính quyền, vì vậy nhân dân thuộc địa phải biết chờ đợi thời cơ ấy. Theo họ, nhiệm vụ của giai cấp vô sản quốc tế là làm trong sạch sứ mạng khai hóa của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa, để không còn những hành động bạo ngược, tàn ác nữa.

Lênin đã kiên quyết đấu tranh chống lại quan điểm sai lầm này. Nguyễn Ai Quốc đã bảo vệ và phát triển quan điểm của Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với thắng lợi của cách mạng vô sản: "... cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch"<sup>116</sup>. "Lênin là người đầu tiên đã nhận thức rằng nếu không có sự tham gia của họ thì không thể có cách mạng xã hội"<sup>117</sup>.

Sau khi phê phán các Đảng Cộng sản Tây Âu chưa làm gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình về chủ nghĩa quốc tế chân chính đối với lao động thuộc địa, chưa giúp họ hiểu rõ và quan tâm đến với thuộc địa, Nguyễn Ai Quốc đã kiến nghị với Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp những biện pháp cụ thể, với niềm hy vọng là tới Đại hội VI Quốc tế Cộng sản thì *mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa sẽ trở thành sự thật*.

Tóm lại, chính nhờ nắm bắt được đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại mà Nguyễn Ai Quốc đã xác định chính xác đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường của cách mạng vô sản. Đường lối đó, như sau này Người đã tổng kết:

"Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, điều đó chứng minh rằng *trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi, trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi*"<sup>118</sup>.

*b. Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.*

+ Muốn kết hợp được sức mạnh thời đại, các Đảng Cộng sản phải kiên trì đấu tranh chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh,... Tức các Đảng Cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước mình.

*Là nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh đã triệt để phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc; đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa trong sáng Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa Việt Nam và các dân tộc khác đang đấu tranh cho mục tiêu chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Người cho rằng: Đảng lấy toàn bộ thực tiễn cho mình để chứng minh rằng chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở nhân dân ta: "tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế"<sup>119</sup>.

<sup>116</sup> Sđd, t.1, tr.277.

<sup>117</sup> Sđd, t.2, tr.219.

<sup>118</sup> Sđd, t.9, tr.315-316.

<sup>119</sup> Sđd, t.6, tr.172.

Từ rất sớm, trên tờ truyền đơn bằng tiếng Việt của Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ai Quốc đã kêu gọi: “Vì nền hòa bình thế giới, vì tự do và ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại và chống bọn áp bức”<sup>120</sup>. Lần đầu tiên đến Liên Xô, Người rất phấn khởi nhìn thấy ở Trường Đại học phương Đông hình ảnh đại đoàn kết giữa các dân tộc đủ màu da:

Rằng đây bốn biển một nhà.

Vàng đen trắng đỏ đều là anh em.

Trên báo *Le Paria*, Người đã viết nhiều bài lên án thói “thù ghét chủng tộc” của bọn “khai hóa giết người”, lối “hành hình kiểu Linsơ” của đảng 3K và nền “văn minh” Mỹ đối với những người da đen.

Trên diễn đàn các hội nghị và đại hội của Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ai Quốc đã thẳng thắn phê phán những ảnh hưởng của các Đảng Xã hội thuộc Quốc tế II còn rơi rớt trong các Đảng Cộng sản Tây Âu, đặc biệt là các Đảng Cộng sản ở các nước có thuộc địa. Trong các Đảng này vẫn còn tình trạng hiểu sai, đánh giá thấp vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, vẫn chưa làm gì để *giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính*, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa, vẫn “chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa”<sup>121</sup>; tóm lại là chưa thấm nhuần trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin: vấn đề dân tộc “chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản”<sup>122</sup>.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giáo dục nhân dân ta phân biệt rõ sự khác nhau giữa bọn thực dân, đế quốc với nhân dân lao động yêu chuộng công lý và hòa bình ở các nước đi xâm lược. Nhân dân yêu chuộng công lý và hòa bình ở các nước đó đã không ngừng phản đối, lên án cuộc chiến tranh tàn bạo, phi nghĩa của bọn đế quốc và đã góp phần cùng với nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đấu tranh đòi chúng phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ở Hồ Chí Minh không hề có chút gợn nào của tư tưởng dân tộc hẹp hòi. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Người vẫn yêu mến và đề cao văn hóa Pháp; kháng chiến chống Mỹ bảo vệ độc lập tự do, Người vẫn ca ngợi truyền thống đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Mỹ. Hồ Chí Minh chính là biểu tượng cao đẹp của sự kết hợp của lòng yêu nước nhiệt thành với tinh thần quốc tế trong sáng.

+ Sau khi đã giành được độc lập về chính trị, con đường tiến lên của các dân tộc thuộc địa chỉ có thể là con đường cách mạng chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Trong thời đại này, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”<sup>123</sup>, vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho các dân tộc được tự do, độc lập thật sự. Do đó, một nội dung mới của kết hợp lòng yêu nước với tinh thần quốc tế là *phải phát triển chủ nghĩa yêu nước truyền thống thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, kết hợp lòng yêu nước với lòng yêu chủ nghĩa xã hội*.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là thắng lợi của ngọn cờ độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước vốn là sức mạnh vô địch để chiến thắng ngoại xâm. *Nhờ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước truyền thống có thêm sức mạnh mới là*

<sup>120</sup> Sđd, t.1, tr.452.

<sup>121</sup> Sđd, tr.277.

<sup>122</sup> Sđd, tr.277.

<sup>123</sup> Sđd, t.12, tr. 304-305.

*chủ nghĩa anh hùng cách mạng*. Chính nhờ có chủ nghĩa xã hội chúng ta đã huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng của thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp đôi, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh to lớn hơn mình về nhiều mặt.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò và tác dụng to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam, vì vậy Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiểu rằng lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta không chỉ quan tâm đến lợi ích của nước mình mà còn phải quan tâm bảo vệ lợi ích của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, rằng sức mạnh của Việt Nam bao gồm cả sức mạnh đoàn kết nhất trí của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, do đó chăm lo bảo vệ sự đoàn kết thống nhất giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa các Đảng Cộng sản anh em là một nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu.

Khi phong trào cộng sản và nhân dân quốc tế có sự chia rẽ, Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để khôi phục lại sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở những nguyên tắc của Chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý có tình.

*Tóm lại*, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa sô vanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác. Chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của đất nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại: hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

*c. Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân loại, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.*

+ Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, bao giờ Hồ Chí Minh cũng tận lực phát huy sức mạnh của dân tộc, coi nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ huy được tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Vì vậy, trong đấu tranh cách mạng Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao khẩu hiệu *"tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính"*, "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"<sup>124</sup>.

Trong lời kêu gọi gửi tới những người anh em ở các thuộc địa, Người đã viết: *Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng: công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.*

Chính vì đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc mà Hồ Chí Minh đã đi tới luận điểm: cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc, mà trong điều kiện lịch sử nhất định, với tinh thần "đem sức ta mà giải phóng cho ta", có thể và cần thiết phải chủ động tiến hành trước và bằng thắng lợi của cách mạng ở thuộc địa mà góp phần "giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"<sup>125</sup>. Mặt khác, muốn tranh thủ được sức mạnh thời đại, ngoài sức mạnh cần thiết bên trong để có thể sử dụng được sức mạnh bên ngoài, lại còn *phải có đường lối độc lập tự chủ đúng đắn* mới tranh thủ được sức mạnh thời đại.

<sup>124</sup> Sđd, t.6, tr. 522.

<sup>125</sup> Sđd, t.1, tr. 36.

Để tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh cho độc lập, thống nhất của dân tộc mình với bốn mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Với đường lối đúng đắn đó, chúng ta đã tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống Mỹ xâm lược, một phong trào rộng rãi nhất, mạnh mẽ nhất, sâu sắc nhất, chưa từng có trong lịch sử thế giới ở thế kỷ XX.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh lịch sử phức tạp, đó là sự chia rẽ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc - chỗ dựa chiến lược cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Để tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô và Trung Quốc, trong lúc hai nước này đang bất đồng sâu sắc cả về đường lối quốc tế lẫn đường lối chống Mỹ của Việt Nam, theo chủ trương sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã vừa kiên trì đường lối độc lập tự chủ, vừa thực hiện đoàn kết với cả Liên Xô và Trung Quốc. Chính phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đã làm cho Liên Xô và Trung Quốc không thể không giúp đỡ Việt Nam, đồng thời đường lối đoàn kết của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc đã góp phần vào việc củng cố sự đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam được củng cố và phát triển mạnh mẽ hơn.

+ Nêu cao chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế, tranh thủ cao nhất sự ủng hộ và giúp đỡ của loài người tiến bộ, nhân dân ta đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở: phải coi cuộc đấu tranh của bạn cũng như cuộc đấu tranh của ta... Người cùng một hội, một thuyền phải giúp đỡ lẫn nhau, phải coi “giúp bạn tức là tự giúp mình”.

Ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã thực hiện được trong đường lối chính trị của mình sự kết hợp nhuần nhuyễn *lợi ích dân tộc* và *nghĩa vụ quốc tế*. Đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành *Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương* phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau, cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

d. *Mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng “làm bạn với tất cả các nước dân chủ”*.

+ Trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống, làm việc, hoạt động ở nhiều nước “chính quốc” và thuộc địa, do đó có vinh dự là người đặt cơ sở đầu tiên cho tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân nhiều nước trên thế giới.

Sau khi nước ta giành lại được độc lập, Người đã nhiều lần tuyên bố: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hòa bình”<sup>126</sup>. “Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè”<sup>127</sup>.

Ngay đối với nước Pháp, nước đang tiến hành cuộc chiến tranh thù địch chống Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Việt Nam sẵn sàng cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp. Những người Pháp tư bản hay công nhân, thương gia hay trí thức,

<sup>126</sup> Sđd, t.5, tr. 30,136,587.

<sup>127</sup> Sđd, t.5, tr.30,136, 587.

nếu họ muốn thật thà cộng tác với Việt Nam thì sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh họ như anh em bầu bạn”<sup>128</sup>.

Năm 1949, trả lời phỏng vấn của một nhà báo Mỹ hỏi: Sau khi đã độc lập, Việt Nam có hoan nghênh tư bản ngoại quốc không? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời: Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh, còn nếu mong đưa tư bản đến ràng buộc, áp chế Việt Nam thì Việt Nam sẽ cương quyết cự tuyệt.

Có thể xem những tuyên bố trên đây là tư tưởng đặt nền móng cho phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

+ Trong quan hệ mở rộng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành ưu tiên cho mối quan hệ với các nước láng giềng gần gũi trong khu vực, nhất là các nước có chung biên giới với Việt Nam, trước hết là với Lào và Campuchia, nhằm hình thành liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung.

Đối với nước lớn Trung Quốc - một nước có quan hệ lịch sử - văn hóa lâu đời của Việt Nam, phát huy truyền thống hòa hiếu của ông cha, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bằng những hoạt động liên tục, không mệt mỏi suốt nửa thế kỷ, xây đắp nên mối quan hệ “vừa là đồng chí, vừa là anh em”.

Người cũng hết sức coi trọng, thiết lập mối quan hệ hữu nghị, láng giềng tốt trong khu vực có chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, sau chuyển đi thăm cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm Ấn Độ, Miến Điện (nay là Mianma) và Indônêxia, hình thành trục hữu nghị Hà Nội-Niu Đêli-Giacáccta. Những hoạt động ngoại giao không mệt mỏi của Người đã nâng cao địa vị của Việt Nam trên trường quốc tế, trong phe xã hội chủ nghĩa cũng như trong các nước thuộc thế giới thứ ba.

Trong lời kêu gọi gửi đến Liên hợp quốc năm 1946, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt nam sẽ tuân thủ những nguyên tắc dưới đây:

1- Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên tinh thần bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

2- Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng căn cứ hải quân và không quân”<sup>129</sup>.

Tóm lại, với trí tuệ thiên tài, với chủ nghĩa đế quốc trong sáng, với mức độ khiêm nhường, thái độ thiên chí, Hồ Chí Minh đã vượt qua được mọi trở ngại, khó khăn, từ trong những mối quan hệ chống chèo, phức tạp của thời đại, đề ra được những đường lối, phương châm, phương pháp, đối sách, ứng xử,... đúng đắn sáng tạo,

<sup>128</sup> Sđd, t.5, tr.30, 136, 587.

<sup>129</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tập 4, trang 469-470.



phù hợp với mỗi tình hình, mỗi giai đoạn cách mạng, nên đã phát huy được tối đa sức mạnh dân tộc trong sự kết hợp với sức mạnh thời đại để đưa cách mạng Việt Nam từng bước đi tới những thắng lợi như ngày nay

### **III. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại trong bối cảnh hiện nay.**

#### **1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh.**

*a. Những nhân tố khách quan và chủ quan đang thách thức tính bền chặt của khối đại đoàn kết dân tộc.*

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động, trật tự đã thay đổi, trật tự mới chưa hình thành. Tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc và thay đổi khôn lường. Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương và tiểu vùng Đông Nam Á là nơi có sự đan xen về lợi ích và mâu thuẫn giữa các cường quốc trong khu vực và thế giới, đặc biệt là về chủ quyền lãnh thổ và an ninh biển Đông.

Hiện nay, cục diện thế giới và khu vực đang còn nhiều biến động, đang tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định:

Việt Nam, với vị trí địa lý-chính trị, với tài nguyên và dân số, với tiềm năng về nhiều mặt,... chiếm vị trí nhất định trong nhìn nhận chiến lược của các nước lớn và sự tập hợp lực lượng trong khu vực. Điều đó tạo khả năng và tiền đề để Việt Nam tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới. Mặt khác, điều đó cũng tạo nguy cơ Việt Nam trở thành địa bàn tranh chấp, xung đột lợi ích chiến lược giữa các nước lớn và giữa các tập hợp lực lượng với nhau.

Việt Nam tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế vào lúc chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, hệ thống giá trị xã hội chủ nghĩa tạm thời suy yếu, hệ thống giá trị tư bản chủ nghĩa có điều kiện lan tràn. Lợi dụng tình hình đó, các lực lượng đế quốc và phản động đang đẩy mạnh cuộc tiến công bằng “diễn biến hòa bình” dưới nhiều hình thức nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, thúc đẩy xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế gắn liền với cạnh tranh gay gắt, mở ra thời cơ cho các nước có thể phát triển nhanh, thực hiện con đường rút ngắn; đồng thời cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu nhanh chóng, biến một số nước thành “thuộc địa công nghệ”.

Trước bối cảnh đó, để đứng vững và phát triển, chúng ta phải xử lý khéo léo các mối quan hệ, nghĩa là phải chủ động thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa; cải thiện và mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước có chế độ xã hội và con đường phát triển khác nhau. Càng giữ vững được độc lập tự chủ càng có điều kiện để đa dạng hóa, đa phương hóa. Ngược lại, càng thực hiện có hiệu quả đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại càng củng cố được độc lập tự chủ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), trên cơ sở phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới và xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, đã xác định: “nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>130</sup>.

<sup>130</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.41.

Ngày nay, mặc dù chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại. Đảng ta khẳng định: "... loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức"<sup>131</sup>

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, chúng ta cần quán triệt và vận dụng tốt những quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

b. *Để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng, củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chú ý những vấn đề sau:*

Một là, phải thấu suốt quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố bảo đảm sự thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, lấy mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Ba là, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân. Kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân-tập thể-toàn xã hội. Thực hiện dân chủ gắn với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước.

Bốn là, đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

**2. Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế (theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX).**

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, một loạt vấn đề mới đã và đang đặt ra buộc chúng ta phải chú ý:

- Khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh nội lực, phải xuất phát từ lợi ích của dân tộc. Phát huy nội lực, mở rộng hợp tác, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng và phát triển đất nước.

- Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, cần chú ý phát huy tính năng động của mỗi người, mỗi bộ phận để từ lãnh đạo, quản lý đến sản xuất kinh doanh, học tập và lao động đều có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Đồng thời, phải khắc phục những tiêu cực của kinh tế thị trường, đặc biệt là tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh làm phai nhạt truyền thống đoàn kết, tình nghĩa tương thân, tương ái của dân tộc, của Đảng.

- Phải xây dựng được hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phải chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ tham nhũng, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phải biết lắng nghe những ý nguyện chính đáng của nhân dân, phải kịp thời giải quyết những oan ức của nhân dân, làm cho lòng dân được yên. Phải tiếp tục đổi mới chính sách giai cấp, chính sách xã hội, đặc biệt coi trọng việc xây dựng Mặt trận, tập hợp đến mức rộng rãi nhất mọi nhân tài, vật lực vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

<sup>131</sup> Sdd, tr. 76.

- Trong điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế phải củng cố sự đoàn kết với phong trào cách mạng các nước, đồng thời phải nắm vững phương châm ngoại giao mềm dẻo, có nguyên tắc nhằm thực hiện thắng lợi chính sách ngoại giao hiện nay của Đảng và Nhà nước Việt Nam là: sẵn sàng làm bạn và đối tác tin cậy với tất cả mọi quốc gia trong cộng đồng quốc tế, vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

## **ĐỀ TÀI THẢO LUẬN**

Tại sao nói tư tưởng của HỒ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là chiến lược, sách lược, nghệ thuật cách mạng mà còn chủ yếu là đường lối cách mạng của HỒ Chí Minh?

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
2. Phân tích những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
3. Căn cứ vào đâu mà khẳng định: HỒ Chí Minh là người đầu tiên đã phát hiện đầy đủ, chính xác và khoa học các yếu tố cấu thành của sức mạnh thời đại?
4. Phân tích quan điểm của HỒ Chí Minh về mở rộng tối đa quan hệ hợp tác hữu nghị của Việt Nam với tất cả các quốc gia? Ý nghĩa của vấn đề này trong Chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay?
5. Phân tích quan điểm của HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam là bộ phận hạt nhân và là bộ phận lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?

## **CHƯƠNG 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN**

### **I. Những luận điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.**

#### **1.1. Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.**

Xuất phát từ quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhưng quần chúng phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo theo một đường lối cách mạng đúng đắn mới có sức mạnh to lớn. Hồ Chí Minh đặt vấn đề: “Cách mạng trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”<sup>132</sup>

Tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò và sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam, rút ra những kết luận mới về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng Việt Nam, để xác định đúng đường lối và phương pháp cách mạng của Việt Nam.

Là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, Người khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng đoàn kết, tập hợp, lôi kéo các tầng lớp nhân dân khác đứng lên làm cách mạng. Đây “là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động, của cả dân tộc”, “là đội tiên phong dũng cảm và đội tham mưu sáng suốt”, “tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân”, “trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc”.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đều là xuyên tạc lịch sử thực tế cách mạng nước ta, trái với lý luận và thực tiễn, đều đi ngược lại xu thế phát triển của Việt Nam.

#### **1.2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp Chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.**

Xuất phát từ tình hình Việt Nam, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, phong trào công nhân còn non yếu, Hồ Chí Minh khái quát về quy luật thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là: “Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”<sup>133</sup>.

Yêu nước là truyền thống quý báu và lâu đời của dân tộc Việt Nam. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, mọi người đều xông lên phía trước quyết bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Phong trào công nhân ở Việt Nam, nếu không gắn với phong trào yêu nước và trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước, thì không mở rộng được cuộc đấu tranh chống thực dân và đưa cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi. Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước vì cả hai đều có mục tiêu chung: giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước hùng cường. Mặt khác, bản thân phong trào công nhân cũng là một phong trào yêu nước.

<sup>132</sup> Sdd, t2, tr 267-268.

<sup>133</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2000, Tập 10, Trang 8.

Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Phong trào công nhân quan hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước bởi giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng. Điều đó, cũng có nghĩa là phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân.

Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam, đầu thế kỷ XX, sự bùng phát của các tổ chức yêu nước mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức.

Từ đó và từ sự gắn bó vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc mà Hồ Chí Minh khẳng định: Ở một nước thuộc địa, chủ nghĩa Mác-Lênin phải được truyền bá vào phong trào công nhân, đồng thời vào phong trào yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân, có như thế nó mới cắm rễ vào mảnh đất hiện thực, mới có sức sống mạnh mẽ và bền vững.

Không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản. Nhưng mỗi người cộng sản trước hết phải yêu nước và là người yêu nước tiêu biểu, thường xuyên truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối của Đảng vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, lãnh đạo họ thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng.

Khi thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã xác định, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Dù đã bị hiểu lầm và bị đánh giá là nặng về dân tộc, nhẹ về giai cấp, là người dân tộc chủ nghĩa, nhưng thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới đã kiểm nghiệm và chứng minh luận điểm của Người là đúng đắn.

Sau những bước quanh co của lịch sử, năm 1951 khi ra hoạt động công khai, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam và đến 1976 thì đổi lại cái tên ban đầu đã được Hồ Chí Minh xác định là Đảng Cộng sản Việt Nam

### **1.3. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam.**

Đây là luận điểm mới của Hồ Chí Minh, bổ sung vào học thuyết về Đảng Cộng sản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Luận điểm này được Người nêu ra vào tháng 2 năm 1951, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và được Người nhắc lại vào năm 1961 khi miền Bắc chuyển sang giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội<sup>134</sup>.

Luận điểm này đã định hướng đúng đắn cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam có sự gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, Đảng lấy việc phụng sự cho quyền lợi của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của toàn dân tộc làm mục tiêu cao nhất.

Nói Đảng ta là Đảng của giai cấp, Đảng của dân tộc không có nghĩa là không thấy bản chất giai cấp của Đảng. Bản chất giai cấp của Đảng là bản chất giai cấp công nhân.

Xác định bản chất này không phải chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân, mà ở nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin; ở mục tiêu, đường lối của Đảng thực sự vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; ở vấn đề Đảng nghiêm túc tuân thủ những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Đảng Cộng sản Việt Nam kết nạp tất cả những người ưu tú trong giai cấp công nhân, trong nhân dân lao động khi họ đã được rèn luyện, thử thách, đã giác ngộ về Đảng và tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng. Đảng cũng không ngừng giáo dục,

<sup>134</sup> Xem Sdd, tập 10, trang 467.

rèn luyện đảng viên không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao giác ngộ về giai cấp về dân tộc.

#### **1.4. Đảng Cộng sản Việt Nam phải lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin làm nòng cốt.**

Tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, Người khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải tuân theo chủ nghĩa ấy”<sup>135</sup>. Người đã tìm thấy “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>136</sup>. Người xác định chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết về sự giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người. Nó cũng là học thuyết về sự phát triển xã hội lên hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Người khẳng định: “chủ nghĩa Mác-Lênin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng chúng tôi, làm cho Đảng chúng tôi có thể trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc chúng tôi”<sup>137</sup>.

Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nòng cốt, không có nghĩa là giáo điều theo từng câu, từng chữ của Mác, Lênin, mà theo Hồ Chí Minh là nắm vững tinh thần, ý nghĩa của chủ nghĩa Mác-Lênin, nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn vận dụng phù hợp với hoàn cảnh, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại để vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

#### **1.5. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.**

Lênin đã đề ra tám nguyên tắc xây dựng Đảng để phân biệt với những đảng cơ hội của Quốc tế II. Tám nguyên tắc đó là:

- Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng, kim chỉ nam.
- Đảng xây dựng theo nguyên tắc tập trung, dân chủ.
- Đảng hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- Đảng lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm tồn tại.
- Đảng thực hiện kỷ luật nghiêm minh và tự giác.
- Đoàn kết thống nhất trong Đảng là sức mạnh, là động lực của Đảng.
- Đảng là đội tiên phong chính trị có tổ chức và là tổ chức chặt chẽ, giác ngộ nhất.
- Khi có chính quyền, Đảng là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị và là bộ phận của hệ thống chính trị ấy.

Khái quát những luận điểm của Hồ Chí Minh về Đảng, ta thấy Người đã đề cập đến những nguyên tắc sau:

*Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của Đảng.* Dân chủ để đi đến tập trung, là cơ sở của tập trung.

Dân chủ là “của quý báu nhất của nhân dân”, là thành quả của cách mạng. Người nói: “Chế độ dân chủ là tư tưởng phải được tự do. Đối với mọi vấn đề, mọi người đều được tự do bày tỏ ý kiến của mình để góp phần tìm ra chân lý. Nó là một quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người. Khi đã tìm ra chân lý, quyền tự do dân chủ trở thành quyền tự do phục tùng chân lý”<sup>138</sup>. Người nhấn mạnh việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ. Nếu không có dân chủ nội bộ thì tập trung không tạo ra được sức mạnh của Đảng. Có dân chủ nội bộ mới có dân chủ trong xã hội.

<sup>135</sup> Sđd, tập 2, trang 268.

<sup>136</sup> Sđd, trang 268.

<sup>137</sup> Sđd, tập 7, trang 517.

<sup>138</sup> Xem Sđd, tập 8, trang 216.

Tập trung là phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Thiếu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên. Mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng.

*Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng.* Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn đi đôi với nhau. Đó chính là dân chủ tập trung.

Nhiều người cùng tham gia lãnh đạo thì nhiều kiến thức, hiểu được mọi mặt, mọi vấn đề. “Đại bầy hơn khôn độc”. Tập thể lãnh đạo là dân chủ. Lãnh đạo không tập thể sẽ đi đến tệ bao biện, độc đoán, chủ quan.

Khi công việc đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch đã được thông qua thì phải giao cho một người phụ trách chính. Có như vậy công việc mới chạy, mới tránh được thói dựa dẫm, ỷ lại “nhiều sãi không ai đóng cửa chùa”. Cá nhân phụ trách là tập trung. Phụ trách không do cá nhân sẽ dẫn đến tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ.

*Tự phê bình và phê bình người coi là nguyên tắc sinh hoạt, là quy luật phát triển của Đảng.* Có khi Người nói phê bình và tự phê bình, nhưng thông thường Người nhấn mạnh tự phê bình: có tự phê bình tốt thì mới phê bình người khác tốt được.

Người xem tự phê bình và phê bình là vũ khí rèn luyện đảng viên, nhằm làm cho mỗi người tốt hơn, tiến bộ hơn và tăng cường đoàn kết nội bộ hơn. Đó cũng là vũ khí để nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng. “Một Đảng mà dấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng”.

Tự phê bình và phê bình vừa là một khoa học cách mạng, vừa là một nghệ thuật cách mạng. Muốn thực hiện tốt nguyên tự phê bình và phê bình đòi hỏi mỗi người phải trung thực, chân thành với chính mình và với người khác. Thiếu trung thực, che dấu khuyết điểm, sợ phê bình, nể nang né tránh, dĩ hòa vi quý, lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, đả kích người khác đều đối lập với nguyên tắc này.

*Kỷ luật nghiêm minh và tự giác để tạo nên sức mạnh to lớn của Đảng.* Kỷ luật nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ cấp cao hay cấp thấp, cán bộ lãnh đạo hay đảng viên thường, tất cả đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng.

Kỷ luật tự giác thuộc về mỗi cá nhân đảng viên đối với Đảng. “Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”<sup>139</sup>.

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Ý thức kỷ luật đó là ý thức của giai cấp công nhân, ý thức của Đảng. Việc đề cao ý thức kỷ luật đó đối với mọi cán bộ, đảng viên chỉ làm tăng thêm uy tín của Đảng, nếu ngược lại càng làm giảm uy tín của Đảng, đưa đến những nguy cơ cho Đảng.

*Đoàn kết thống nhất trong Đảng là một nguyên tắc quan trọng của Đảng kiểu mới.* Cơ sở để xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng chính là đường lối, quan điểm của Đảng và Điều lệ Đảng. Nếu xa rời cơ sở này thì đạt một sự thống nhất đoàn kết hình thức, giả hiệu, tạm thời.

Người nhấn mạnh: “Ngày nay, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo”<sup>140</sup>. Muốn thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng, Đảng phải mở rộng dân chủ nội bộ, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng...

<sup>139</sup> Sđd, tập 5, trang 250.

<sup>140</sup> Sđd, tập 7, trang 492.

**1.6. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đảng phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Dân.**

Từ khi ra đời cho đến nay Đảng đã được nhân dân thừa nhận là Đảng duy nhất có vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, Đảng phải vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Hai mặt lãnh đạo và đầy tớ không tách rời nhau, không đối lập nhau. Người nhấn mạnh, lãnh đạo có nghĩa là làm đầy tớ.

Luận điểm này được Người nhắc lại rất nhiều lần và là quan điểm nhất quán của Người về vai trò Đảng và trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên.

Khi có chính quyền, Đảng là Đảng cầm quyền. Tức Đảng trực tiếp lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo nhà nước tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng lãnh đạo nhà nước nhằm xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân để dân làm chủ nhà nước. Đảng cầm quyền, nhưng dân làm chủ là quan điểm rất quan trọng của Hồ Chí Minh.

Là đầy tớ trung thành của nhân dân, Đảng không có quyền lợi gì của riêng mình, ngoài quyền lợi của giai cấp, của dân tộc. Vì thế Đảng luôn chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đảng phải ở trong dân, trong lòng dân, phải lấy dân làm gốc.

**1.7. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới.**

Đây là nguyên tắc được Người thường xuyên quan tâm và nhấn mạnh, đặc biệt là trước những bước chuyển cách mạng, vì đây là thời điểm thường có những bất cập, những chao đảo và suy thoái. Trước lúc đi xa, Người còn căn dặn toàn Đảng: “Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân”<sup>141</sup>.

Để xứng đáng là một Đảng chân chính lãnh đạo sự nghiệp cách mạng to lớn của giai cấp, của dân tộc; một Đảng vừa là đạo đức, vừa là văn minh; một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại, Đảng phải thường xuyên chăm lo việc chỉnh đốn và đổi mới bản thân. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Đối với các cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, xa rời quần chúng nhân dân, sống xa hoa hưởng lạc, tham ô, trụy lạc, tội lỗi, chỉnh đốn Đảng là để tẩy rửa tất cả những lỗi lầm, sai trái ấy.

Đối với toàn Đảng, chỉnh đốn Đảng là để phát huy những cái tốt, cái hay, lọc bỏ được cái xấu, cái dở bằng việc rèn luyện thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên.

Hồ Chí Minh đã nêu ra một luận điểm quan trọng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>142</sup>.

**II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.**

**2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước của dân, do dân, vì dân.**

<sup>141</sup> Sđd, tập 12, trang 503.

<sup>142</sup> Sđd, tập 12, trang 557-558.



Ngay từ 1927, trong “Đường cách mệnh”, Người đã chỉ rõ: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cho cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”<sup>143</sup>.

Sau khi nước ta giành được độc lập, Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương đều do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”<sup>144</sup>.

*Nhà nước của dân* tức là tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia đều đưa nhân dân phúc quyết. Nhân dân bầu ra chính quyền, đồng thời nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu họ tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Trong nhà nước của dân thì dân là chủ, cán bộ là công bộc của nhân dân.

*Nhà nước do dân* là nhà nước do dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình; nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để nhà nước chi tiêu, hoạt động; nhà nước đó do dân phê bình, xây dựng, giúp đỡ. Tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của dân.

*Nhà nước vì dân* là một nhà nước thực sự của dân, do dân. Đó là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền, đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Trong nhà nước vì dân, tất cả cán bộ đều là công bộc của dân, việc gì lợi cho dân thì cố hết sức làm, việc gì hại cho dân thì hết sức tránh.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, là người phục vụ, cán bộ nhà nước đồng thời là người lãnh đạo, người hướng dẫn của nhân dân. Người nói: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường”<sup>145</sup>. Trong Di chúc, Người căn dặn, mỗi cán bộ, đảng viên phải xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa, trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Người thay mặt dân phải đầy đủ cả đức lẫn tài.

## **2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.**

a) *Nhà nước là thành tố cơ bản nhất của hệ thống chính trị. Nó luôn mang bản chất giai cấp công nhân.*

Khi nói Nhà nước của ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân, không có nghĩa là nhà nước phi giai cấp, siêu giai cấp. Mà Nhà nước của ta phải dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta được thể hiện:

- Do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng những chủ trương, đường lối, thông qua Quốc hội, Chính phủ và các cấp, các ngành của Nhà nước. Đảng không bao biện, làm thay Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

- Nhà nước phải định hướng đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế

<sup>143</sup> Sđd, tập 2, trang 270.

<sup>144</sup> Sđd, tập 5, trang 698

<sup>145</sup> Sđd, tập 4, trang 56.

lạc hậu thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến.

- Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Nhà nước là tập trung dân chủ. “Nhà nước có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>146</sup>.

Dân chủ luôn quan hệ với chuyên chính. Người nói: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để phòng kẻ phá hoại... Dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”<sup>147</sup>.

b) *Bản chất giai cấp công nhân không làm triệt tiêu tính nhân dân, tính dân tộc, mà thống nhất, hài hòa trong Nhà nước đại đoàn kết dân tộc.*

Sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc là ở chỗ:

- Nhà nước ta là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ với sự hy sinh xương máu của bao thế hệ cách mạng.

- Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng.

- Nhà nước ta phải đảm nhiệm nhiệm vụ lịch sử tổ chức cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của dân tộc để bảo vệ thành quả của cách mạng.

### **2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.**

a) *Một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ trước hết phải là một nhà nước hợp hiến.*

Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam mới, qua đó biểu dương lực lượng và ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm giữ vững nền tự do và độc lập của dân tộc. Tuyên ngôn nổi tiếng về quyền của các dân tộc của Việt Nam làm cho Chính phủ Lâm thời có được địa vị hợp pháp góp phần vào sự phát triển nền pháp lý tiến bộ của loài người.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ (3/9/1945), một trong sáu nhiệm vụ cấp bách do HỒ Chí Minh đề ra là “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”<sup>148</sup> để sớm có một nhà nước hợp hiến do dân bầu ra.

Mặc dù khó khăn dồn dập do thù trong giặc ngoài gây ra, cuộc Tổng tuyển cử dân chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc đã thành công tốt đẹp. 330 đại biểu đã trúng cử. Quốc hội mới họp phiên đầu tiên ngày 2/3/1946 đã chuẩn y thỉnh cầu của HỒ Chí Minh, mở thêm 50 ghế cho Việt Nam Quốc dân đảng và 20 ghế cho Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Quốc hội đã nhất trí bầu HỒ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ. Đây là chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong giải quyết mọi công việc của Việt Nam.

b) *Một Nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh là nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế.*

Trong một nhà nước dân chủ, dân chủ và pháp luật luôn đi đôi với nhau. Không thể có dân chủ ngoài pháp luật, pháp luật là bà đỡ của dân chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hóa bằng hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp và pháp luật phải đảm bảo quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

<sup>146</sup> Sđd, tập 9, trang 592.

<sup>147</sup> Sđd, tập 8, trang 279-280.

<sup>148</sup> Sđd, tập 4, trang 8.

*Xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo việc thực hiện quyền lực của nhân dân là mối quan tâm suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

- Trong Yêu sách 8 điểm, Người đòi thực dân Pháp phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh và thay thế bằng đạo luật. Trong Việt Nam yêu cầu ca, Người khẳng định vai trò của pháp luật: Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.

- Hồ Chí Minh là người có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp của Nhà nước ta. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959, đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác.

- Vừa chăm lo hoàn thiện Hiến pháp và Pháp luật nước ta, Người vừa hết sức chăm lo đưa pháp luật vào đời sống, tạo ra cơ chế đảm bảo cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó.

*Theo Người, công bố luật chưa đủ, cần phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt.* Người coi trọng việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hóa chính trị và tính tích cực công dân, khuyến khích nhân dân tham gia vào các công việc của Nhà nước, khắc phục mọi thứ dân chủ hình thức.

- Hồ Chí Minh luôn nêu gương trong việc khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Chính phủ, đồng thời không ngừng nhắc nhở mọi cán bộ phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật.

*c) Để có một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, có hiệu lực, phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.*

- Từ người nô lệ thành người làm chủ, ta thiếu nhiều nhân tài quản lý. Do đó, Người quyết định đẩy mạnh việc đào tạo nhân tài quản lý. Người vừa mạnh dạn sử dụng những viên chức, quan lại đã được đào tạo về nghiệp vụ và kỹ thuật hành chính dưới chế độ cũ; Người vừa đăng báo tìm người tài đức, kêu gọi người tài ra giúp nước.

Trong việc dùng cán bộ, Người nhắc nhở phải tẩy rửa óc bè phái.

Để đảm bảo công bằng và dân chủ trong tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ban hành Quy chế công chức xác định: Công chức Việt Nam là những công dân Việt Nam giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Công chức phải qua một kỳ thi tuyển để bổ nhiệm vào các ngạch, bậc hành chính.

Nội dung thi tuyển trong điều kiện lúc ấy là một yêu cầu cao đối với công chức. Nhưng nó thể hiện tầm nhìn xa, tính chính quy, hiện đại, tinh thần công bằng, dân chủ của Hồ Chí Minh trong xây dựng nền móng cho pháp quyền Việt Nam.

- Trong vấn đề cán bộ, điều quan tâm thường xuyên của Hồ Chí Minh là phẩm chất đạo đức và tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Người luôn nhắc nhở cán bộ nhà nước phải thân dân, gần dân, trọng dân, không được lên mặt quan cách mạng với dân, phải lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của dân. Chỉ có trí tuệ và lòng dân mới có thể làm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ và sáng suốt. Những yêu cầu Người nêu ra với xây dựng đội ngũ cán bộ là: *Tuyệt đối trung thành với cách mạng; Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn nghiệp vụ; Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân; Dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.*

**2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả.**

Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả là mối quan tâm thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ những ngày đầu mới có chính quyền. Người thường nhấn mạnh hai nội dung cơ bản sau đây:

a) *Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức.*

Là một nhà chính trị lão luyện và sáng suốt kế thừa được những kinh nghiệm lịch sử quý báu trong văn hóa trị nước của loài người, Hồ Chí Minh là một mẫu mực của sự kết hợp đạo đức và pháp luật.

Trước hết, chính trị Hồ Chí Minh là một nền chính trị đạo đức, và là đạo đức cao nhất: “Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc”<sup>149</sup>. Người thường nhắc nhở: “Nước lấy dân làm gốc”.

Giữa đạo đức và pháp luật vốn có mối quan hệ khăng khít với nhau. Pháp luật bao giờ cũng là những biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức nào đó. Vì thế, Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu Cần, Kiệm, Liêm đi liền với Liêm, Chính.

Đi đôi với giáo dục đạo đức, Người kịp thời ban hành pháp luật. Nhưng ban hành sắc lệnh là chuyện dễ, tổ chức đưa nó vào cuộc sống, làm cho nó có hiệu lực trong thực tế mới là chuyện khó hơn nhiều.

Người kêu gọi nhân dân tham gia giám sát công việc của Chính phủ. Chính phủ phải làm gương để chống tệ tham ô, quan liêu, ăn hối lộ... Nếu làm gương không xong thì dùng pháp luật mà trị. Trong thi hành pháp luật, Người luôn chú ý đảm bảo tính vô tư, khách quan, công bằng, bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật.

Hồ Chí Minh rất đề cao phép nước, “Nhân trị” đi đôi với “pháp trị”. Người hết lòng yêu thương, dạy bảo cán bộ. Nhưng kẻ nào lạm dụng tình thương của Người, làm hại đến tính mệnh và tài sản của nhân dân, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước, thì dù họ có là cán bộ cách mạng kỳ cựu đi nữa vẫn phải được đem ra xét xử theo đúng pháp luật (Vụ án Bộ trưởng Kinh tế Chu Bá Phượng, vụ án Đại tá Cục trưởng Cục Quân nhu Trần Dụ Châu).

b) *Kiên quyết chống ba thứ “giặc nội xâm” là tham ô, lãng phí, quan liêu.*

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã chỉ ra ba thứ giặc ấy chúng ta phải kiên quyết chống, nếu không chúng sẽ dẫn đến nguy cơ suy thoái, đổ vỡ không lường hết được. Người nói: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không cũng là ban đồng minh của thực dân và phong kiến... Nó làm hỏng tinh thần trong sạch, và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính... Tội ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”<sup>150</sup>. Người cũng nói: “Nếu chiến sỹ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà quên chống giặc nội xâm, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình”<sup>151</sup>.

Về nguyên nhân của nạn nội xâm, Người chỉ ra, một phần do sơ hở của cơ chế quản lý kinh tế, do thiếu nghiêm minh trong xét xử và thi hành án, do công tác quản lý, giáo dục còn yếu kém, do nạn phe phái, ô dù, bao che cho nhau, v.v. Nhưng có một nguyên nhân quan trọng không thể bỏ qua là bệnh quan liêu. Người nói: “Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy tờ, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là bệnh quan liêu đã ập ủ, dung túng, che

<sup>149</sup> Sđd, tập 9, trang 285.

<sup>150</sup> Sđd, tập 6, trang 490.

<sup>151</sup> Sđd, tập 6, trang 495.

chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu”<sup>152</sup>.

*Đặc quyền, đặc lợi:* Phải tẩy trừ những thói cậy mình là người cơ quan chính quyền để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình. Đó là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

*Tham ô, lãng phí, quan liêu:* là ba thứ giặc nội xâm còn nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm, là đồng minh của thực dân, phong kiến. Tội ấy cũng nặng như tội Việt gian, mật thám. Chính thế, ngày 27/11/1945, Người ký sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26/1/1946, Người ký sắc lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình.

Lãng phí được Người xác định là lãng phí sức lao động, thời giờ và tiền của.

Quan liêu là không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu vào vấn đề. Chỉ khai hội, viết chỉ thị, báo cáo trên giấy mà không đôn đốc, kiểm tra đến nơi đến chốn... Bệnh quan liêu vì thế đã ập ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Muốn quét sạch tham ô, lãng phí trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

*Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo:* gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Người kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu của mình không tài năng vào chức này chức nọ. Trong chính quyền, còn chia rẽ, không biết làm cho mọi người hoà thuận với nhau. Ngoài cậy thế, có người còn kiêu ngạo tưởng mình là thần thánh, vác mặt quan cách mạng làm mất uy tín của Chính phủ.

**III. Xây dựng Đảng vững mạnh, xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.**

**1. Chú trọng hơn nữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.**

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng vững mạnh thật sự là Đảng của đạo đức và văn minh, tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc là quan triết tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cả trên ba mặt xây dựng Đảng:

*Về chính trị,* Đòi hỏi Đảng phải đề ra được và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối chính trị đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cứng rắn về chiến lược, mềm dẻo về sách lược, giành thắng lợi cho từng bước đi lên của cách mạng. Cần chống nguy cơ chệch hướng XHCN không chỉ trong đường lối mà cả trong quá trình thực hiện. Sự kiên định mục tiêu XHCN là một thước đo quan trọng nhất tính đúng đắn của đường lối của Đảng, đồng thời trong xu hướng toàn cầu hoá hiện nay, Đảng cần có những quyết sách mới nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững đưa nước ta về cơ bản đến 2020 là một nước đại công nghiệp hiện đại.

*Về tư tưởng,* Đòi hỏi phải giáo dục, rèn luyện đảng viên kiên định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, lấy thực tiễn Việt Nam làm điểm xuất phát, lấy hiện thực Việt Nam làm mục tiêu, kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những tinh hoa văn hóa của nhân loại, để giành thắng lợi cho cách mạng. Kiên định con đường độc lập dân tộc và CNXH, không hoang mang, dao động trước mọi diễn biến phức tạp. Lòng tin vào Đảng, vào chế độ XHCN là thước đo lớn nhất đối với việc xây dựng Đảng về tư tưởng.

*Về tổ chức,* Đòi hỏi Đảng phải luôn chú trọng kiện toàn các tổ chức của mình là một tổ chức chính trị trong sạch vững mạnh, chiến đấu kiên cường với đội ngũ cán bộ,

<sup>152</sup> Sdd, trang 489-490.

đảng viên cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tri thức luôn gắn bó máu thịt với dân, dám xả thân vì cách mạng của Đảng và của dân tộc. Cần chống chủ nghĩa cá nhân, nhất là quan liêu, tham ô, lãng phí.

Trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, và trong sự nghiệp đổi mới vừa qua, dù có những sai lầm nhất định nhưng Đảng ta đã giữ vững được cả ba điều ấy. Đảng xứng đáng là người duy nhất lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong tình hình mới hiện nay, trước nhiều cơ hội và thách thức đòi hỏi Đảng ta phải trưởng thành hơn, phải vượt lên chính mình, phải phấn đấu cho ngang tầm với nhiệm vụ của thời kỳ mới, phải thấy trước và dự báo được những gì sẽ có thể xảy ra.

Bên cạnh những ưu điểm, trong Đảng vẫn tồn tại không ít khuyết điểm: Sự lệch lạc, suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phổ biến, nghiêm trọng hơn; tham nhũng đã trở thành quốc nạn; các biểu hiện của quan liêu đã làm tổn thương không nhỏ đối với mối quan hệ của Đảng và Nhà nước với nhân dân. Chính thế, Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 12/1999) đã phải ra Nghị quyết “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”. Đây là Nghị quyết về việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng; nâng cao trình độ lý luận chính trị và đạo đức cách mạng; chống tham nhũng, quan liêu; sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng này thực hiện trong hai năm 1999-2001, và từ đó đến nay là công việc nền nếp thường xuyên trong toàn Đảng.

Hồ Chí Minh dạy: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Đảng phải là Đảng đạo đức theo gương đạo đức Hồ Chí Minh thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Văn minh là phải có trí tuệ. Đảng phải là Đảng của trí tuệ tiên phong ngang tầm thời đại mới thì mới giữ vững được định hướng Xã hội chủ nghĩa, mới giành được thắng lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

## **2. Xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.**

### **a) Nhà nước đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân.**

Để dân được hưởng quyền dân chủ trong thực tế, không chỉ xác nhận quyền đó trong Hiến pháp và pháp luật, mà còn tạo điều kiện vật chất và văn hóa để người dân nâng cao năng lực làm chủ; phải nâng cao dân trí, bồi dưỡng văn hóa chính trị, phát triển tính tích cực công dân, mở mang kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, khuyến khích nhân dân tham gia giám sát công việc của cơ quan Nhà nước từ dưới lên trên. Bởi lẽ, “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>153</sup>. Quyền làm chủ của nhân dân không chỉ được xác nhận trong Hiến pháp và Pháp luật, mà chủ yếu phải được thể chế hoá, đưa Hiến pháp và Pháp luật vào cuộc sống.

Phát huy dân chủ phải kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Nhà nước phải tiếp tục thể chế hóa bằng pháp luật các quyền dân chủ của người dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hoạt động kinh tế. Phải đảm bảo cho mỗi công dân đều được bình đẳng trước pháp luật, đảm bảo mọi hành vi phạm pháp đều được xét xử nghiêm minh.

b) *Kiên toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh.*

<sup>153</sup> Sđd, tập 4, trang 56.

Hiện nay, nền hành chính của ta còn nhiều yếu kém: quan liêu, xa dân, xa cơ sở; phân tán, thiếu trật tự kỷ cương; còn tham nhũng, lãng phí; bộ máy công kênh, nặng nề, kém hiệu lực; đội ngũ cán bộ, công chức còn yếu về kiến thức, năng lực, một bộ phận bị thoái hóa. Sự yếu kém này đã để lại ấn tượng trong nhân dân: “hành chính là hành dân là chính”.

Cải cách, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước là một quá trình, phải tiến hành đồng bộ trên nhiều mặt. Cải cách hành chính để có một nền hành chính dân chủ, trong sạch, phục vụ đắc lực nhân dân, giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội theo pháp luật. Phải làm cho đội ngũ cán bộ, viên chức quán triệt nhận thức: Nhà nước là một tổ chức công quyền thể hiện quyền lực của nhân dân, nhân viên nhà nước là công bộc của nhân dân. Vì thế, cần thiết phải:

- + Cải cách thủ tục hành chính, ban hành và hoàn thiện chế độ công vụ.
- + Đề cao trách nhiệm giải quyết khiếu kiện của nhân dân, sao cho thủ tục khiếu kiện đơn giản, nhanh chóng, đúng pháp luật, tránh lãng phí thì giờ của nhân dân.
- + Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn, thực hiện tinh giản biên chế; xử lý nghiêm minh, kịp thời những người vi phạm pháp luật.

c) *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; gắn liền xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính.*

Cuộc đấu tranh để khắc phục những khuyết tật của bộ máy Nhà nước không thể tách rời cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng mạnh thì Nhà nước mạnh. Không thể có một Đảng mạnh mà Nhà nước và hệ thống chính trị của nó lại yếu kém. Chính vì thế, để chỉnh đốn lại bộ máy Nhà nước, Đảng phải tự chỉnh đốn, nêu gương về trong sạch, vững mạnh. Đó là nhân tố cơ bản và then chốt. Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng trong sạch, vững mạnh mới đưa cải cách bộ máy Nhà nước đi đến thành công.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan Nhà nước; bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong bộ máy Nhà nước; bằng công tác kiểm tra. Đảng không làm thay công việc quản lý của Nhà nước.

## **ĐỀ TÀI THẢO LUẬN**

Vì sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức, lãnh đạo và thực hiện mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam?

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích khái quát những luận điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Phân tích những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đã được Hồ Chí Minh nhấn mạnh?
3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về "Đảng Cộng sản vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Đảng phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt mật thiết với nhân dân"? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
4. Phân tích khái quát những luận điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước?
5. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?





## CHƯƠNG 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA

### I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

Đạo đức là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng. Người là số ít trong số những người đứng đầu nhà nước trên thế giới và trong lịch sử, đã nêu ra một cách cụ thể các chuẩn mực đạo đức phù hợp với từng ngành, nghề, giới, lứa tuổi, địa vị công tác... trong đời sống xã hội. Bản thân Người thực sự là một tấm gương đạo đức vì nước quên thân, vì dân phục vụ.

Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam: Gia đình, quê hương, dân tộc đã sinh ra và hun đúc cho tấm lòng nhân ái của Người; từ sự kế thừa tư tưởng đạo đức phương Đông và những tinh hoa đạo đức của nhân loại, đặc biệt là những tư tưởng đạo đức của Mác, Ăngghen, Lênin.

Hồ Chí Minh đã thực sự làm một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam: Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều khái niệm, phạm trù đạo đức có từ trước, nhất là của Nho giáo. Nhưng những khái niệm, phạm trù đạo đức ấy ở Hồ Chí Minh, nó đã được bổ sung những nội dung mới phù hợp với thời đại và cách mạng.

Đồng thời Người cũng đã bổ sung những khái niệm, phạm trù đạo đức của thời đại mới vào tư tưởng đạo đức mới của mình. Những giá trị đạo đức mới của Người đã hòa nhập với những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, đồng thời làm cho những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được nâng lên tầm cao mới: truyền thống kết hợp với hiện đại, dân tộc kết hợp với nhân loại.

Đạo đức mới do Hồ Chí Minh đề xướng và cùng với Đảng dày công xây dựng, vun đắp là đạo đức mang bản chất giai cấp công nhân. Nó là một bộ phận rất quan trọng khắc họa bộ mặt nền văn hóa Việt Nam. Nó là vũ khí sắc bén của Đảng và dân tộc ta trong đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới.

#### 1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, muốn thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng XHCN, chúng ta phải đem hết tinh thần và lực lượng ra phấn đấu; phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, một trong những bài giảng đầu tiên của Người cho lớp thanh niên trí thức yêu nước đầu tiên của Việt nam là “tư cách của một người cách mạng”. Đến Di chúc của mình, Người vẫn dành một phần trang trọng để bàn về đạo đức, yêu cầu mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, Đảng phải luôn quan tâm chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Người xem xét đạo đức cả trên hai bình diện lý luận và thực tiễn. Về lý luận, Người để lại cho chúng ta một hệ thống quan điểm sâu sắc và toàn diện về đạo đức. Về thực tiễn, Người luôn coi trọng thực hành đạo đức, mà bản thân Người là một tấm gương sáng về đạo đức

Khi đánh giá vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh coi đạo đức là nền tảng của người cách mạng, cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông, của suối. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng<sup>154</sup>. Chăm lo cái gốc, cái nguồn, cái nền tảng ấy phải là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong xã hội.

<sup>154</sup> Xem HCMTT, Nxb CTQG, HN, 2000, t.5, tr. 252-253

Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi lẽ muốn làm cách mạng thì trước hết con người phải có cái tâm trong sáng, cái đạo đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động, với dân tộc mình. Cái tâm, cái đức ấy phải thể hiện trong các mối quan hệ hàng ngày với dân, với nước, với đồng chí, đồng nghiệp, với mọi người xung quanh mình. Phải có tâm, có đức mới giữ vững được chủ nghĩa Mác-Lênin và đưa được chủ nghĩa Mác-Lênin vào cuộc sống.

Xóa bỏ đạo đức cũ, xây dựng đạo đức mới là một bộ phận của cuộc cách mạng xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới với những lý tưởng và khát vọng cao đẹp xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản. Người nói: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”<sup>155</sup>.

*Đạo đức là vũ khí mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và CNXH.* Những vấn đề đạo đức đã được Hồ Chí Minh xem xét một cách toàn diện: Đối với mọi đối tượng như công nhân, nông dân, trí thức...; Trên mọi lĩnh vực hoạt động của con người, từ đời tư đến đời công, sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu, lãnh đạo, quản lý...; Trên mọi phạm vi từ hẹp đến rộng: từ gia đình đến xã hội, từ giai cấp đến dân tộc, từ các vùng, miền, địa phương đến cả nước, từ quốc gia đến quốc tế; Trong cả ba mối quan hệ chủ yếu của mỗi người (đối với mình, đối với người, đối với công việc): quan hệ giữa cán bộ, đảng viên của Đảng, của Nhà nước với dân, giữa cấp trên với cấp dưới...

Người dạy: Nếu quyền lực là sức mạnh để giữ vững thành quả cách mạng và phát triển đất nước, thì quyền lực cũng có thể làm tha hóa con người nắm quyền lực, có thể đưa đến những tổn thất cho cách mạng.

Những vấn đề đạo đức mà Người đặt ra với cán bộ, đảng viên chính là nhằm ngăn chặn, khắc phục những hiện tượng tha hóa có thể xảy ra: quan liêu, cậy quyền cậy thế, lợi dụng quyền lực, tranh giành quyền lực, tham quyền cố vị... chúng có thể trở thành nguy cơ làm sụp đổ sự nghiệp của một người, thậm chí của một Đảng Cộng sản.

Đạo đức mới do Người đề xướng và dày công vun đắp, xây dựng đã lật ngược lại các kiểu đạo đức cũ của giai cấp thống trị, áp bức bóc lột nhân dân. Nó xóa bỏ những chuẩn mực đạo đức phong kiến đã luôn trói buộc nhân dân lao động vào những lễ giáo hủ bại, hà khắc. Nó hoàn toàn trái ngược với đạo đức của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ cực đoan của giai cấp tư sản. Nó xa lạ với đạo đức tôn giáo luôn khuyên con người khắc kỷ, cam chịu, chấp nhận số phận trong chốn trần tục, để hướng tới cuộc sống sau khi chết.

Người căn dặn: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>156</sup>.

Thực hiện được điều căn dặn tâm huyết ấy của Người là có được vũ khí mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2. Những phẩm chất đạo đức cách mạng cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới.**

a. *Trung với nước, hiếu với dân.*

<sup>155</sup> Sdd, t.9, tr. 283

<sup>156</sup> Sdd, tập 12, trang 498.

Đây là phẩm chất quan trọng nhất và bao trùm nhất.

HỒ Chí Minh không chỉ kế thừa các giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước do dân làm chủ nên trung với nước đồng thời là hiếu với dân. Hiếu với dân không còn lại ở thương dân với tính chất dân là đối tượng cần phải dạy dỗ, ban ơn, mà là đối tượng phải phục vụ hết lòng. Phải gần dân, gắn bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc.

Người dạy: Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Đối với cán bộ, đảng viên, điều đó là tận trung với nước, tận hiếu với dân, vì họ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Trung với nước là: Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết; Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng; Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hiếu với dân là: Khẳng định vai trò sức mạnh của dân; Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gắn bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

b. *Yêu thương con người.*

HỒ Chí Minh xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất cao đẹp nhất.

Tình cảm rộng lớn đó, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người lao động bị áp bức. Ham muốn tột bậc của Người là nước được độc lập, dân được tự do, ai cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, ai cũng được học hành.

Tình thương đó được thể hiện trong quan hệ với bạn bè, đồng chí, với mọi người. Nó đòi hỏi mỗi người phải luôn chặt chẽ, nghiêm khắc với chính mình và luôn khoan dung, độ lượng với người khác; phải tôn trọng con người.

Tình thương đó còn được thể hiện đối với những người mắc sai lầm, khuyết điểm, nhưng đã nhận rõ khuyết điểm sai lầm và cố gắng sửa chữa; kể cả đối với những người lầm đường lạc lối đã hối cải; kể cả đối với kẻ thù bị thương, bị bắt hoặc đã quy hàng.

Tình yêu thương con người được xây dựng dựa trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng vì sự nghiệp chung. Nó xa lạ với thái độ dĩ hòa vi quý, bao che sai lầm khuyết điểm cho nhau; yêu nên tốt, ghét nên xấu và bè cánh.

c. *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.*

Đây là phẩm chất đạo đức được HỒ Chí Minh đề cập nhiều nhất và thường xuyên nhất từ Đường cách mệnh đến bản Di chúc cuối cùng.

Những phẩm chất này đã rất cần thiết đối với con người Việt Nam khi đất nước còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Ngày nay, nó lại càng cần thiết cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình.

Cần là lao động cần cù siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động tự lực cánh sinh, không ỷ lại, không lười biếng; phải coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.

Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm tiền của của nhân dân, của đất nước, của bản thân; không xa xỉ, hoang phí.

Liêm là luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân, không xâm phạm một xu, một hạt thóc của dân, của Nhà nước. Không tham địa vị, tiền tài. Không tham sung sướng. Không tham người tăng bốc mình.

Chính là thẳng thắn, đúng đắn. Đối với mình là không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập, cầu tiến bộ, luôn tự kiểm để phát triển điều tốt, khắc phục điều dở của bản thân. Đối với người là không nịnh hót đối với cấp trên, không coi khinh người dưới; luôn chân thành khiêm tốn, đoàn kết, không dối trá lừa lọc. Đối với công việc là để việc công lên trên việc riêng. Đã phụ trách việc gì thì làm cho kỳ được, không sợ khó khăn nguy hiểm; việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác dù nhỏ mấy cũng tránh. Mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước, cho dân.

Chí công vô tư là khi làm việc gì cũng phải nghĩ cho người trước, khi hưởng thụ thì phải đi sau; phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Thực hiện chí công vô tư cũng có nghĩa là kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

Cần kiệm liêm chính và chí công vô tư luôn quan hệ mật thiết với nhau. Cần mà không kiệm như gió vào nhà trống. Kiệm mà không cần thì sản xuất được ít, không đủ dùng, không có tăng thêm, không có phát triển. Thiếu một trong bốn đức cần, kiệm, liêm, chính là không thành người. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính tất yếu dẫn đến chí công vô tư. Đã chí công vô tư ắt thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính. Người viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức, thì không thành người”<sup>157</sup>.

Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là thực hiện nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Có được điều ấy thì “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”, “trợn mắt coi khinh nghìn lực sỹ, cúi đầu làm ngựa đấm nhi đồng”.

*d. Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung.*

Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản là tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em”.

Đó lượng tôn trọng và yêu thương, là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động thế giới, với những người tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội.

Sự đoàn kết ấy là nhằm những mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng phải gắn liền với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Nó xa lạ với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa sô vanh, kỳ thị chủng tộc, chủ nghĩa bành trướng.

**3. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.**

Nói tới tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, phải chú ý tới con đường và phương pháp hình thành đạo đức mới. Đặc điểm và quy luật hình thành đạo đức Hồ Chí Minh cho thấy một số nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức mới sau:

*a. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.*

<sup>157</sup> Sdd, t.5, tr. 631

Nói đi đôi với làm mới đem lại hiệu quả thiết thực cho bản thân và có tác dụng đối với người khác. Nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đường làm một nẻo chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng. Đó là thói đạo đức giả. Lòng tin của nhân đối với Đảng, với chủ nghĩa xã hội một phần quan trọng phụ thuộc vào vấn đề nói đi đôi với làm.

Một trăm bài diễn văn hay không bằng một tấm gương sống, và Hồ Chí Minh là một tấm gương đạo đức trong sáng tuyệt vời.

Trong xã hội, tấm gương của các thế hệ trước đối với thế hệ sau là đặc biệt quan trọng. Chính thế mà thế hệ trước luôn có trách nhiệm nặng nề đối với thế hệ sau trong việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức. Dĩ nhiên, người già cũng có thể học tập người trẻ để không ngừng hoàn thiện đạo đức của mình.

Có những tấm gương chung, có tấm gương riêng, lớn và nhỏ, xa và gần. Những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu, những người tốt việc tốt có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình xây dựng và củng cố, phát triển nền đạo đức mới.

Đối với cán bộ, đảng viên, “trước mặt quần chúng, không phải cứ viết lên trán hai chữ cộng sản mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người khác bắt chước”<sup>158</sup>.

*b. Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi.*

Muốn xây dựng đạo đức mới, muốn bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cách mạng cho nhân trong các giai đoạn khác nhau của cách mạng, thì cùng với xây dựng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện sai trái, trái với những yêu cầu của đạo đức mới.

Việc xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới từ trong gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội.

Vấn đề quan trọng trong giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức lành mạnh ở mọi người để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình. Bởi lẽ, tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu, nhưng sự tự giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn.

Trong xây dựng những phẩm chất đạo đức mới, đồng thời phải chống cái xấu, cái sai. Điều quan trọng là phải phát hiện sớm cái xấu, cái sai và hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch lành mạnh về đạo đức. Phải thấy trước những gì có thể xảy ra để đề phòng, ngăn chặn.

Hồ Chí Minh yêu cầu phải kiên quyết chống các loại giặc nội xâm (tham ô, lãng phí, quan liêu) vì nó nguy hiểm như viêt gian, mật thám. Chống nó vừa bằng giáo dục, vừa bằng xử phạt với những mức độ nặng nhẹ khác nhau. Người vạch rõ nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn là chủ nghĩa cá nhân. Muốn xây dựng đạo đức mới, chung quy lại là phải chống cho được chủ nghĩa cá nhân.

Để xây và chống có kết quả, phải tạo thành phong trào của quần chúng rộng rãi. Người đã thường xuyên phát động những phong trào như vậy. Có phong trào, có cuộc vận động chung cho toàn Đảng, toàn dân; có phong trào, có cuộc vận động riêng cho từng ngành, từng giới. Qua đó, lôi kéo mọi người vào cuộc đấu tranh xây dựng đạo đức mới, chống lại các loại giặc nội xâm do chủ nghĩa cá nhân gây ra.

*c. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.*

Người chỉ rõ: mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, nó là công việc phải kiên trì, bền bỉ suốt đời, không được chủ quan,

<sup>158</sup> Sdd, tập 5, trang 552.

tự mãn. Người dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>159</sup>.

Theo Người, ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có thiện, có ác trong bản thân mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc mình, phải thấy rõ cái hay cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục.

Trong cuộc sống, con người có nhiều cương vị, nhiều vai trò khác nhau đòi hỏi phải điều chỉnh hành vi của mình. Có rèn luyện công phu, con người mới có được phẩm chất đạo đức tốt đẹp và những phẩm chất ấy càng được bồi đắp, nâng cao.

## II. Tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh.

Tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh được hình thành từ hoàn cảnh sống và chiến đấu của bản thân Người và từ sự kế thừa một cách sáng tạo những truyền thống nhân văn của dân tộc và nhân loại. Đó là sự kết hợp, hòa quyện từ truyền thống giàu lòng nhân ái: gắn bó chặt chẽ với cộng đồng trên tinh thần “thương người như thể thương thân”, “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ” của dân tộc; từ lòng từ bi của đạo Phật, đạo nhân nghĩa của Nho giáo, tinh thần bác ái của Công giáo; đặc biệt là từ chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

Tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh là toàn bộ suy nghĩ và tình cảm đã chi phối suốt cuộc đời Người, một cuộc đời đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập của dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho sự giải phóng nhân loại và giải phóng mỗi con người. Nó thể hiện ở ba nội dung cơ bản:

Một là: Sự cảm nhận, thông cảm sâu sắc với mọi niềm đau nỗi khổ của con người nô lệ và con người cùng khổ.

Hai là: Quyết tâm hy sinh chiến đấu để giải phóng con người và đem lại hạnh phúc cho con người.

Ba là: Tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người và không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng ấy.

Tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh mở ra một giai đoạn mới của truyền thống nhân văn Việt Nam.

### 1. Con người là vốn quý nhất-nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

#### a. Nhận thức về con người

Tư tưởng nhân văn là trào lưu tư tưởng bàn về con người. Mỗi thời đại, mỗi giai cấp có sự nhìn nhận khác nhau về con người.

HỒ Chí Minh đề cập con người cụ thể, lịch sử, không có con người chung chung, trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử.

Người thường nói tới con Lạc cháu Hồng với sự cảm nhận thiêng liêng về hai tiếng “đồng bào”. Trong thực tiễn cách mạng, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người sử dụng các khái niệm “người bản xứ bị bóc lột”, “người mất nước”, “người da đen”, “người cùng khổ”, “người vô sản”... Khi là lãnh tụ, Người sử dụng các khái niệm “đồng bào”, “quốc dân”, “công nhân”, “nông dân”, “trí thức”, “lao động chân tay”, “lao động trí óc”, “người chủ xã hội”...

Phạm trù “người” trong tư tưởng của HỒ Chí Minh có nhiều nghĩa và phạm vi khác nhau: gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn, đồng bào cả nước, nhân loại. Khi sử dụng phạm trù “con người” theo nghĩa chung trong một số trường hợp “phẩm giá con người”, “giải phóng con người”, thì ở đó đã được nhận thức trong một bối cảnh cụ thể.

<sup>159</sup> Sđd, tập 9, trang 293.

Người xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp; theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp; trong quan hệ thống nhất của cộng đồng dân tộc và quan hệ quốc tế. Cách tiếp cận con người cơ bản nhất của Người là thống nhất lập trường giai cấp và lập trường dân tộc.

*b. Thương yêu, quý trọng con người (Có lòng yêu thương vô hạn đối với con người, thông cảm sâu sắc với mọi đau khổ của con người, từ đó tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc gây ra cho con người).*

- Hồ Chí Minh yêu thương mọi đồng bào, đồng chí của mình, không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người Việt Nam yêu nước thì đều có chỗ trong tấm lòng nhân ái của Người. Người cũng dành tình yêu thương cho những người nô lệ mất nước và cùng khổ trên khắp thế gian.

Tấm lòng nhân ái bao la của Người được đặt trên một cơ sở khoa học là chủ nghĩa Mác-Lênin. Người chỉ rõ nguồn gốc của mọi niềm đau nỗi khổ của con người nô lệ mất nước và con người cùng khổ là chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã chỉ rõ con đường giải phóng của con người Việt Nam, góp phần chỉ rõ con đường giải phóng của các dân tộc thuộc địa và của nhân dân lao động toàn thế giới.

- Yêu thương vô hạn đối với con người, nên Hồ Chí Minh coi hòa bình trong độc lập tự do là nguyện vọng sâu xa, còn chiến tranh chỉ là bắt buộc. Người hết sức bảo vệ con người như bảo vệ sinh mệnh của cách mạng.

Người hoãn khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao-Bắc-Lạng tháng 9 năm 1944 là để tránh tổn thất cho các địa phương khác do thời cơ chưa đến. Người tranh thủ khả năng phát triển cách mạng bằng phương pháp hòa bình là để đỡ tổn xương máu cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước chính quốc. Người đã làm tất cả những gì có thể làm được để tránh các cuộc chiến tranh. Lịch sử đã chứng minh: Chính chủ nghĩa đế quốc thực dân là kẻ gây ra chiến tranh, bắt dân ta phải khuất phục, trở lại kiếp nô lệ. Không có con đường nào khác, dân tộc ta buộc phải tiến hành kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc và phẩm giá của con người.

Người chỉ dành cho mình một cuộc sống rất giản dị với đôi dép cao su và mấy bộ quần áo bạc màu. Người “Nâng niu tất cả chỉ quên mình”. Người “Yêu từng ngọn cỏ, mỗi nhành hoa, Tự do cho mỗi đời nô lệ, Sửa để em thơ, lựa tặng già”.

*c. Tin vào sức mạnh, phẩm giá và tính sáng tạo của con người (Có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, phẩm giá, khả năng vươn lên chân, thiện, mỹ của con người, dù nhất thời họ còn thấp bé, lầm lạc).*

Tấm lòng nhân ái của Người bao dung đối với mọi người. Chính tấm lòng nhân ái bao la, khoan dung cao cả, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi con người, mà Người đã quy tụ rộng rãi được toàn thể dân tộc.

Người nói: “Sông to, biển rộng thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó nhỏ hẹp”<sup>160</sup>.

Với tấm lòng độ lượng như sông sâu, biển rộng, Hồ Chí Minh đã ban bố quốc lệnh cấm giết hại và ngược đãi đối với tù binh và quy định những chính sách khoan hồng đối xử nhân đạo đối với họ.

Người cũng đã quy tụ quanh mình và phát huy tác dụng của Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, Khâm sai đại thần Phan Kế Toại,... và cả cựu hoàng Bảo Đại mà bản thân ông ta và triều đình hư vị của ông theo lệnh thực dân Pháp đã ký án tử hình vắng mặt Nguyễn Ai Quốc.

<sup>160</sup> Sđd, tập 5, trang 644.

Người nâng niu trân trọng khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong con người, lấy đó làm biện pháp giúp đỡ những người có thói hư tật xấu, lầm đường lạc lối. Người viết: “đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời”<sup>161</sup>.

Người có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh và tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân. Năm 1921, Người viết: “Không! Người Đông Dương không chế, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”<sup>162</sup>; “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”; Dân ta tài năng, trí tuệ và sáng tạo, họ biết “gải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”<sup>163</sup>.

Niềm tin vào sức mạnh của dân còn được nhận thức từ mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ: nếu không có nhân dân thì Chính phủ không có đủ lực lượng, nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường.

Tin dân còn xuất phát từ niềm tin vào tình người. Con người luôn có xu hướng vươn lên cái Chân-Thiện-Mỹ. Đã là người cộng sản thì phải tin nhân dân và niềm tin quần chúng sẽ tạo nên sức mạnh cho người cộng sản.

#### *d. Lòng khoan dung rộng lớn*

Lòng khoan dung rộng lớn, sâu sắc của Hồ Chí Minh thể hiện ở:

Đoàn kết rộng rãi, lâu dài các lực lượng. Ở đây, Người đã trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi con người. Chỉ có lòng độ lượng, chí công vô tư, Hồ Chí Minh mới quy tụ được nhiều nhân sỹ có danh vọng của chế độ cũ.

Vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tiến bộ xã hội, Hồ Chí Minh đã đưa ra những chủ trương có lý, có tình đối với kiều dân nước ngoài, nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của họ. Người đánh giá cao vấn đề này và ghép tội tử hình đối với ai “vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc”.

Hồ Chí Minh đã có chính sách khoan hồng đại lượng, đối xử nhân đạo với tù binh.

Người cổ vũ, hướng con người tới cái chân-thiện-mỹ, chú ý giáo dục, nhẹ về xử phạt đối với cán bộ, đảng viên có lỗi.

Người trân trọng mọi ý kiến khác nhau, kể cả những ý kiến không đồng tình, trái với suy nghĩ của Người.

*e. Có ý chí đấu tranh để giải phóng con người, đem lại tự do, hạnh phúc cho con người.*

Đi khắp năm châu, chứng kiến tội ác của chủ nghĩa thực dân, Người kết luận: ở đâu chủ nghĩa thực dân cũng tàn ác, ở đâu các dân tộc thuộc địa cũng khổ đau. Chính thế mà ở Hồ Chí Minh là sự thống nhất của giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng người.

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, nêu cao tư tưởng giải phóng con người, khẳng định quyền con người, quyền công dân, Người đã hy sinh trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

## **2. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.**

### *a. Con người là mục tiêu giải phóng của sự nghiệp cách mạng.*

<sup>161</sup> Sdd, tập 12, trang 558.

<sup>162</sup> Sdd, t.1, tr. 28

<sup>163</sup> Sdd, t.5, tr. 295



Trong tư tưởng HỒ Chí Minh không có con người trừu tượng, bao giờ Người cũng nói đến con người cụ thể, con người của lịch sử cụ thể.

Những năm 20 của thế kỷ XX, Người thường dùng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị áp bức”, “người mất nước”, “người bị bóc lột”, “người vô sản”, “người cùng khổ”... để đối lập với những tên “thực dân”, “viên chức tàn bạo”, “bọn ăn bám đủ các cỡ”... Sau Cách mạng Tháng Tám, Người thường dùng các khái niệm “đồng bào”, “nhân dân”, “quốc dân”, “dân”, “lao động chân tay”, “lao động trí óc”, “công nhân”, “nông dân tập thể”, “người chủ tập thể”... qua đó đặt con người trong quan hệ gắn bó với khối thống nhất của cộng đồng dân tộc.

HỒ Chí Minh không đứng bên ngoài dân, mà đứng trong lòng nhân dân, đập cùng một nhịp tim, chia cùng một sức sống, mang cùng một khát vọng với nhân dân.

Trung thành với chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cứu nước và trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, Người khẳng định mục tiêu của cách mạng là giải phóng nhân dân, mang lại tự do hạnh phúc cho nhân dân. Với Người, nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập đó cũng chẳng có nghĩa lý gì. Người chỉ có một ham muốn tột bậc là nước ta được độc lập, nhân dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Trong Di chúc của Người, việc đầu tiên mà Người quan tâm là công việc đối với con người.

Con người là mục tiêu của cách mạng, thì mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều vì lợi ích chính đáng của con người.

*b. Con người là động lực của cách mạng.*

Coi con người là mục tiêu của cách mạng, đồng thời Người cũng khẳng định con người là động lực của cách mạng.

Người khẳng định sự nghiệp giải phóng là do nhân dân thực hiện. Từ rất sớm, Người đã chỉ ra rằng: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sục sôi, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”<sup>164</sup>.

Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, Người khẳng định giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam biết sử dụng súng ống là người đào huyệt chôn chủ nghĩa thực dân và đế quốc tại Việt Nam: “Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình”<sup>165</sup>.

Không chỉ coi trọng vai trò của công nhân, nông dân, HỒ Chí Minh còn rất coi trọng tầng lớp trí thức và Người đã trao những trách nhiệm quan trọng cho nhà nhà trí thức tiêu biểu của dân tộc.

Người hiểu sâu sắc và tin tưởng vững chắc vào sức mạnh vô địch của nhân dân được thức tỉnh và được tổ chức. Và Người đã tập hợp tổ chức họ vào các đoàn thể quần chúng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vì độc lập dân tộc và vì CNXH.

Đồng thời Người cũng thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa con người động lực và con người mục tiêu. Càng chăm lo cho con người-mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy con người-động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường được sức mạnh của con người-động lực thì sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu của cách mạng.

**3. Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng.**

*a. “Muốn xây dựng CNXH trước hết phải có con người XHCN”.*

<sup>164</sup> Sđd, tập1, trang 28.

<sup>165</sup> Sđd, tập 2, trang 361.

Trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam, Người khẳng định chắc chắn rằng: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”<sup>166</sup>. Đó là những con người trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Đó là những con người có tình yêu thương đối với con người trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc. Đó cũng là những con người luôn cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng. Đó là những con người có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, cả hai mặt ấy không ngừng được bồi đắp, nâng cao.

Mỗi bước xây dựng con người mới như vậy là một nấc thang xây dựng CNXH. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng con người mới XHCN với xây dựng CNXH.

b. “*Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích 100 năm trồng người*”.

Trong sự nghiệp cách mạng, điều mà Người thường xuyên chăm lo nhiều nhất là “*Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích 100 năm trồng người*”. Tư tưởng trồng người của Người được rút ra từ một mệnh đề “*Tất cả vì con người, do con người*”.

Hồ Chí Minh quan niệm: “*Ngủ thì ai cũng như lương thiện, Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền; Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn, Phần nhiều do giáo dục mà nên*”<sup>167</sup>. Chính thế mà Người rất chú trọng đến công tác giáo dục con người. Người rất chú trọng việc nâng cao dân trí cho toàn dân, chú trọng sự phát triển toàn diện của con người. Người đặc biệt chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng các thế hệ thanh niên của đất nước. Đồng thời Người luôn chú trọng cả hai mặt đức và tài. Người thường căn dặn: có tài mà không có đức là đồ vô dụng, có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó.

“*Trồng người*” là công việc “*trăm năm*”, không thể nóng vội, không phải làm một lúc là xong, cũng không phải tùy tiện, đến đâu hay đó.

c. “*Muốn xây dựng CNXH nhất định phải có học thức*”.

Người nói: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”<sup>168</sup>. Mục tiêu của Người là nâng dân tộc ta lên ngang tầm thời đại. Người coi cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ là một trong các yếu tố cấu thành sức mạnh thời đại. Vì thế Người khẳng định: “*Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức*”, “*nhật tinh cách mạng cộng với sự ngu dốt chỉ trở thành kẻ phá hoại*”.

d. *CNXH gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, bảo đảm cho CNXH thắng lợi.*

Tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, quan niệm của Người là CNXH gắn liền với sự phát triển khoa học kỹ thuật, khoa học kỹ thuật là một yếu tố bảo đảm cho sự thắng lợi của CNXH.

CNXH là giai đoạn lịch sử phát triển cao hơn sau CNTB. CNTB đã và đang nắm chắc, đứng vững trên nền tảng của KHKTCN. CNXH phải là một xã hội phát triển đứng vững trên nền tảng của KHKTCN và có trình độ cao hơn CNTB.

### **III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.**

#### **1. Những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa.**

Từ 1942-1943, Hồ Chí Minh đã nêu ra khái niệm văn hóa: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và*

<sup>166</sup> Sdd, tập 10, trang 310.

<sup>167</sup> Sdd, tập 3, trang 383.

<sup>168</sup> Sdd, tập 4, trang 8.

phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>169</sup>.

Người con dự định xây dựng nền văn hoá dân tộc với năm điểm lớn:

“1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền

5. Xây dựng kinh tế”<sup>170</sup>.

Văn hóa, như vậy đã được Người định nghĩa theo nghĩa rộng nhất. Nó bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn và mục đích cuộc sống của loài người. Đây là lần duy nhất Người định nghĩa văn hóa theo nghĩa rộng, sau này Người thường chỉ nhắc đến văn hóa đều là đời sống tinh thần của xã hội. Tư tưởng về văn hóa của Người bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Văn hóa quan trọng ngang kinh tế, chính trị, xã hội.

Người đặt văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội và xác định văn hóa là bộ phận của kiến trúc thượng tầng. Theo Người, bốn yếu tố đó luôn có sự tác động lẫn nhau, quan hệ biện chứng với nhau.

- Chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển.

Theo Hồ Chí Minh, phải tiến hành cách mạng chính trị trước. Giải phóng dân tộc, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội từ đó giải phóng văn hoá, mở đường cho văn hoá phát triển.

- Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hóa.

Kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng. Xây dựng văn hoá thuộc về kiến trúc thượng tầng. Kinh tế có kiến thiết được, văn hoá mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được.

- Văn hóa không đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

Tuy văn hoá là kiến trúc thượng tầng, nhưng văn hoá không thụ động chờ kinh tế phát triển xong rồi mới phát triển. Văn hoá có tính tích cực chủ động, đóng vai trò to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển như một động lực.

Văn hoá ở trong chính trị là văn hoá phải tham gia vào nhiệm vụ chính trị, tham gia vào cách mạng, kháng chiến và xây dựng CNXH. Người nêu rõ: “văn hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá”.

Văn hoá ở trong kinh tế là văn hoá phải phục vụ, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển kinh tế.

Văn hoá ở trong kinh tế và chính trị là chính trị và kinh tế phải có tính văn hoá.

b) Quan điểm về tính chất của nền văn hoá mới

- Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, nền văn hoá mới có ba tính chất: Dân tộc, Khoa học, Đại chúng.

Tính dân tộc: là cái cốt, cái tinh tuý bên trong rất đặc trưng văn hoá dân tộc. Cái cốt cách này không “nhất thành bất biến”, mà nó có sự phát triển, bổ sung những tinh tuý mới.

<sup>169</sup> Sđd, tập 3, trang 431.

<sup>170</sup> Sđd, tập 3, trang 431.

Tính khoa học: là thuận với trào lưu của tư tưởng hiện đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nó được thể hiện trên nhiều mặt: cơ sở hạ tầng, nền tảng kinh tế phải khoa học, hiện đại. Đội ngũ làm công tác văn hoá phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến. Phải có chiến lược văn hoá, xây dựng lý luận văn hoá ngang tầm thời đại.

Tính đại chúng: là phục vụ nhân dân, hợp với nguyện vọng nhân dân, đậm đà tính nhân văn.

- Trong thời kỳ cách mạng XHCN, nền văn hoá mới phải XHCN về nội dung và dân tộc về hình thức.

Nội dung XHCN là thể hiện tính tiên tiến, tiến bộ, khoa học, hiện đại, biết tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phù hợp với trào lưu tiên tiến trong thời đại mới.

Tính dân tộc (dân tộc về hình thức) là biết giữ gìn, kế thừa, phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của đất nước.

### *c) Quan điểm về chức năng của văn hoá*

Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi, làm cho ai cũng có lý tưởng độc lập, tự chủ; phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ...

Trong tư tưởng văn hóa của Hồ Chí Minh, văn hóa có ba chức năng cơ bản:

*Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân.* Chức năng này phải được tiến hành thường xuyên, phải làm cho văn hóa đi sâu vào đời sống tâm lý quốc dân. Đồng thời loại bỏ những tư tưởng sai lầm, tình cảm thấp hèn.

Phải bồi dưỡng lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Phải bồi dưỡng tình cảm lớn là lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức. Đó là tính trung thực, thẳng thắn, thủy chung, đề cao chân-thiện-mỹ

Tư tưởng và tình cảm luôn có mối quan hệ gắn bó nhau. Tình cảm cao đẹp là con đường dẫn tới tư tưởng đúng đắn. Tư tưởng đúng làm cho tình cảm cao đẹp hơn, làm cho con người ngày càng hoàn thiện hơn.

*Hai là, nâng cao dân trí.* Đó là việc nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ kiến thức của người dân, của mỗi công dân. Sự hiểu biết đó bao gồm nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, khoa học kỹ thuật, lịch sử, xã hội... Phải làm cho mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà.

Tùy từng giai đoạn cách mạng mà mục tiêu nâng cao dân trí có khác nhau, nhưng tất cả đều chung một mục đích là độc lập dân tộc và CNXH. Mục tiêu hiện nay của Đảng và Nhà nước ta về nâng cao dân trí là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

*Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân mình.* Có những phẩm chất đạo đức chung cho mọi người Việt Nam trong thời đại là Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư. Có những phẩm chất đạo đức dành cho từng lĩnh vực hoạt động: nhà giáo, thầy thuốc... Văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Văn hóa là một mặt trận, mỗi nghệ sỹ là một chiến sỹ trên mặt trận ấy.

### **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.**

Khi định nghĩa văn hóa, Hồ Chí Minh còn ghi thêm “Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc:

1 Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

2 Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3 Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4 Xây dựng chính trị: dân quyền.

5 Xây dựng kinh tế<sup>171</sup>.

Tuy nhiên, thường thấy Người thường quan tâm đến các lĩnh vực văn hóa sau:

a. *Văn hóa giáo dục.*

Người tổ cáo nền giáo dục trước Cách mạng Tháng Tám là một nền giáo dục ngu dân, nhồi sọ. Nền văn hóa giáo dục mà Người dày công vun đắp có các đặc điểm sau:

1 *Mục tiêu của văn hóa giáo dục* là thực hiện ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục: Dạy và học để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức; bồi dưỡng lý tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp; bồi dưỡng những phẩm chất trong sáng và phong cách lành mạnh cho nhân dân.

Giáo dục đào tạo những con người có ích cho xã hội; Đào tạo lớp người có đức, có tài, kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng và làm cho nước ta sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

2 *Phải tiến hành cải cách giáo dục để xây dựng một hệ thống trường, lớp với chương trình, nội dung dạy và học thật khoa học, thật hợp lý, phù hợp với từng bước phát triển của ta.* Nội dung giáo dục là toàn diện: văn hóa, chính trị, khoa học-kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, lao động... Phải gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam, không giáo điều. Nắm các quan điểm có tính nguyên tắc, phương pháp luận, đáp ứng đòi hỏi của thời đại mới-thời đại khoa học-kỹ thuật-công nghệ.

3. *Phương châm và phương pháp giáo dục:*

Phương châm học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế, học tập phải kết hợp với lao động. Muốn đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục phải kết hợp cả ba khâu gia đình, nhà trường và xã hội. Thực hiện bình đẳng, dân chủ trong giáo dục. Học mọi nơi, mọi lúc; học mọi người; học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

Phương pháp giáo dục phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục. Học tập là một quá trình lao động gian nan. Phải rèn luyện những đức tính, những tập quán tốt trong học tập và điều đó đòi hỏi vượt qua không ít khó khăn. Trước hết phải có tinh thần say mê học tập, phải có quyết tâm, phải có nghị lực để học tập không ngừng, hơn nữa còn phải có phương pháp đúng để học tập có kết quả: phù hợp với lứa tuổi, kết hợp học và chơi, nêu gương và thi đua.

4. *Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên:* Phải xây dựng đội ngũ giáo viên yêu nghề, có đạo đức cách mạng, yên tâm công tác, đoàn kết, giỏi về chuyên môn, thuần thực về phương pháp, luôn luôn tự giáo dục.

5 *Phải không ngừng nâng cao đảng trí.* Dân trí là mục tiêu của giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân. Đảng trí là mục tiêu của giáo dục đối với cán bộ, đảng viên. Đó là việc không ngừng nâng cao rèn luyện, tu dưỡng, bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin. Phải đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin mà tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của đất nước và quốc tế, chỉ ra được bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta.

b. *Văn hóa văn nghệ.*

Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Là lãnh tụ văn hóa văn nghệ của dân tộc, tư tưởng văn hóa văn nghệ của Người gồm những điểm chủ yếu sau:

<sup>171</sup> Sdd, tập 3, trang 431.

1 Văn nghệ là một mặt trận, nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới

Văn nghệ là mặt trận vì nó là một bộ phận của cách mạng. Văn nghệ là cách mạng “Nay ở trong thơ nên có thép, Nhà thơ cũng phải biết xung phong”.

Mặt trận này không kém phần cam go, quyết liệt. Tác phẩm và ngòi bút của văn nghệ sỹ phải là vũ khí sắc bén “phò chính trừ tà”, vạch trần, tố cáo tội ác, âm mưu của các lực lượng thù địch. Đồng thời thức tỉnh, định hướng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân, động viên quần chúng phấn khởi, tin tưởng thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Văn nghệ sỹ là chiến sỹ, tức phải có lập trường vững, tư tưởng đúng, đặt lợi ích và nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc và nhân dân lên trên hết. Phải luôn nâng cao trình độ về mọi mặt, phải có phẩm chất, bản lĩnh, tài năng để sáng tạo những tác phẩm hay ngang tầm thời đại.

2 Văn nghệ phải gắn liền với thực tiễn của đời sống nhân dân. Văn nghệ phải từ quần chúng mà ra và trở lại phục vụ quần chúng, phải liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân, phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của quần chúng. Nhân dân là người hưởng thụ, đồng thời là người định giá giá trị tác phẩm văn nghệ trung thực, khách quan và chính xác nhất.

3 Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc. Phải phản ánh cho hay, cho chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân là các tác phẩm phản ánh được những giá trị truyền thống của dân tộc và mang hơi thở của thời đại. Vừa ca ngợi được cái chân thật người tốt, việc tốt, vừa phê phán được cái giả, cái ác, cái sai. Các tác phẩm hay xứng đáng với dân tộc và thời đại là món ăn tinh thần phong phú, có tác dụng mở đường sáng tạo mới cho văn nghệ sỹ.

c. Văn hóa đời sống.

Tháng 1-1946, HỒ Chí Minh đã phát động phong trào xây dựng đời sống mới bao gồm các nội dung về lối sống, nếp sống, phong cách sống và chất lượng sống... mà hầu như chưa được bàn đến một cách rộng rãi ở các nước.

Khái niệm đời sống mới được Người nêu ra bao gồm cả ba nội dung: Đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới. Ba nội dung này có quan hệ mật thiết nhau, trong đó đạo đức mới đóng vai trò chủ yếu. Đạo đức mới được thể hiện trong lối sống, nếp sống. Ngược lại, có dựa trên nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống mới, nếp sống mới lành mạnh, vui tươi, hướng con người tới tầm cao của văn hóa của một đất nước độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đạo đức mới là rèn luyện, tu dưỡng, bồi dưỡng đạo đức theo tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức của HỒ Chí Minh.

Lối sống mới là lối sống có lý tưởng, có đạo đức; là lối sống văn minh, tiên tiến kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, biết quý trọng thời gian, ít lòng tham muốn về vật chất, chức quyền danh lợi. Với nhân dân, bạn bè, đồng chí, anh em là cởi mở chân tình, ân cần tế nhị, yêu thương quý mến và trân trọng con người. Với mình thì chặt chẽ, với người thì khoan dung, độ lượng. Trong công việc phải có tác phong quần chúng, tác phong tập thể, dân chủ và tác phong khoa học. Ba tác phong này luôn quan hệ mật thiết với nhau.

Nếp sống mới là lối sống mới trở thành thói quen ở mỗi người, thành phong tục, tập quán của cộng đồng địa phương, dân tộc, đất nước. Nếp sống mới theo tư tưởng HỒ Chí Minh là sự kế thừa những truyền thống tinh thần tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục lâu đời của nhân dân ta. Việc thay đổi những thói quen, cải tạo những phong

tục, tập quán cũ lạc hậu không thể tiến hành một cách đơn giản, tùy tiện. Những biện pháp ép buộc, trấn áp thô bạo chỉ đem lại những hậu quả không tốt.

Việc xây dựng đời sống mới phải bắt đầu từ từng người, từng gia đình. Mỗi người, mỗi gia đình đều thực hiện đời sống mới thì mới xây dựng được đời sống mới ở tập thể, cộng đồng, đất nước. Gia đình tốt xã hội mới tốt. Xã hội tốt gia đình càng tốt.

#### IV. **Vận dụng tư tưởng đạo đức, nhân văn, văn hóa HỒ Chí Minh vào việc xây dựng con người Việt Nam mới hiện nay.**

##### **1. Thực trạng con người Việt Nam hiện nay.**

Bên cạnh những thành tựu rất đáng khích lệ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX của Đảng đã chỉ ra một thực trạng của con người Việt Nam bao gồm những điểm yếu sau:

Một là, những tệ nạn tiêu cực xuất hiện trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý là tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tha hóa sa đọa về đạo đức lối sống, chạy theo địa vị, danh lợi, tranh giành kèn cựa lẫn nhau, mất đoàn kết nội bộ, nói dối, làm dối, báo cáo không trung thực, suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng...

Hai là, những tệ nạn đã được chỉ ra đòi hỏi phải khắc phục, nhưng vẫn chưa ngăn chặn và đẩy lùi được, ngược lại lại có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn, mang tính tập thể và thâm nhập vào trong cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị.

Tất cả những điều đó đều có nguyên nhân chủ yếu là do Chủ nghĩa cá nhân phát triển, do cán bộ đảng viên chưa gương mẫu; Tự phê bình, phê bình và sửa chữa khuyết điểm chưa nghiêm túc; Đấu tranh chống các tệ nạn chưa quyết liệt, còn nói mạnh làm nhẹ, còn nể nang ô dù bao che cho nhau; Còn nói nhiều làm ít, nói mà không làm hoặc nói một đường làm một nẻo...

##### **2. Học tập và vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về đạo đức, lối sống.**

- *Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh:*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đảng ta đã xác định: “Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức HỒ CHÍ MINH giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội”<sup>172</sup>.

Chỉ nắm vững phương pháp luận biện chứng duy vật mới giúp cho con người xem xét sự vật, hiện tượng khách quan một cách đúng đắn, khoa học. Ngày nay, Việt Nam không chỉ học tập CNMLN mà còn phải học tập và nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh. Bởi tư tưởng HỒ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển CNMLN vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

- *Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu CNXH, có ý chí vươn lên trong lao động, học tập, bảo vệ Tổ Quốc XHCN.*

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam, nó có những nội dung cơ bản là: Yêu hoà bình, ghét chiến tranh; Một dân tộc giàu lòng nhân ái; Bất khuất chống giặc ngoại xâm quyết giữ gìn độc lập có chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ; Có tinh thần cố kết cộng đồng dân tộc cao; Lao động cần cù và lao động sáng tạo.

Chúng ta chấp nhận một nền kinh tế thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta chủ trương hội nhập kinh tế thế giới, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập

<sup>172</sup> ĐCSVN, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, trang 10

tự chủ, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Điều đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải có sự nỗ lực phi thường nâng cao cả hai mặt đức và trí của mỗi người, nâng cao mặt bằng đức và trí của toàn xã hội. Phải có cái trí ngang tầm thời đại và cái đức theo gương đạo đức Hồ Chí Minh. Yêu nước phải kết hợp với yêu CNXH, Độc lập dân tộc phải gắn liền với CNXH. Có ý chí vươn lên rửa cái nhục đói nghèo, lạc hậu; Giữ gìn đạo đức nhân phẩm, lương tâm, danh dự; Có ý thức vươn lên thúc đẩy tiến bộ xã hội.

- *Biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự*

Phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh coi đạo đức cách mạng là gốc. Đức-tài phải đi đôi.

Phải nâng cao trí tuệ, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đạt hiệu quả cao.

Luôn giữ gìn đạo đức trong tình hình mới bằng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phải thấy rõ mối quan hệ giữa đạo đức và kinh tế. Con người có đạo đức, có văn hoá là một động lực của phát triển kinh tế. Nhưng nền kinh tế thị trường đã và đang đặt ra cho chúng ta nhiều thách thức về đạo đức, lối sống. Vì thế, cần biết vận dụng mặt tích cực, nhưng đồng thời đề phòng, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường.

### **3. Học tập và vận dụng tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh**

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 của Đảng nêu rõ mục tiêu phấn đấu về con người như sau: "Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân... Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"<sup>173</sup>.

Tư tưởng nhân văn cách mạng xét cho cùng là xây dựng một nước Việt Nam: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Là phấn đấu cho hạnh phúc của con người trong một xã hội công bằng. Là đào tạo những con người của xã hội văn minh. Là chăm lo cho sự phát triển toàn diện của con người. Là tạo ra những thế hệ người Việt Nam giàu lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng có sự thống nhất giữa Nhân-Trí-Dũng.

### **4. Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá.**

Xây dựng văn hoá phải bắt đầu từ mỗi con người với tư cách là chủ thể của văn hoá. Là giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế. Phải cảnh giác ngăn chặn âm mưu lợi dụng giao lưu văn hoá để thực hiện "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Là phải xây dựng và bồi dưỡng những điển hình tích cực về văn hoá, phải thường xuyên biểu dương, cổ vũ những tấm gương đó tạo thành những phong trào quần chúng ngày càng sâu rộng, làm cho đời sống văn hoá ngày càng thấm sâu vào đời sống của nhân dân, làm cho đời sống ngày càng trở thành đời sống có văn hoá.

Xây dựng con người Việt Nam mới trong giai đoạn hiện nay với những nội dung:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có tinh thần quốc vô sản trong sáng, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung

<sup>173</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, Hà Nội 2001, trang 159.



- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc và làm phong phú thêm văn hoá dân tộc bằng tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại vì sự phát triển con người toàn diện, vì hoà bình, hợp tác, tiến bộ và phát triển.

## **ĐỀ TÀI THẢO LUẬN**

Những nhận thức và hiểu biết của bạn về "Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và là Danh nhân văn hóa thế giới"?

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Phân tích những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người mới Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay?

2. Phân tích những nguyên tắc xây dựng đạo đức con người mới Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay?

3. Phân tích những quan điểm chủ yếu trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh?

4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự nghiệp trồng người? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam?

5. Phân tích khái quát những quan điểm chủ yếu về văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh?

6. Phân tích những quan điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay?

## **CHƯƠNG 7: MẤY VẤN ĐỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY**

### **I. Bối cảnh mới, điều kiện mới.**

#### **1) Đặc điểm của tình hình quốc tế:**

##### *a) Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, nó tạo ra cơ sở vật chất cho chương trình toàn cầu hóa - một xu hướng khách quan - thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế, cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay biểu hiện trên những nét chủ yếu sau:

- Khẳng định tính đúng đắn của C.Mác trong dự báo khoa học sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là “xã hội thông tin” và “kinh tế tri thức”. Đặc biệt là sản phẩm được tạo ra, ngày càng phản ánh sự kết tinh từ chất xám, từ trí tuệ chứ không phải chủ yếu từ cơ bắp.

- Xu hướng liên kết, hợp tác, toàn cầu hoá một cách mạnh mẽ với nhiều cấp độ và đa dạng là một tất yếu. Mặt tích cực của xu hướng toàn cầu hoá là tạo ra cơ hội phát triển nhanh hơn cho tất cả các nước. Mặt tiêu cực của xu hướng toàn cầu hoá là nó đang bị các nước tư bản phát triển, tập đoàn tài chính và tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia thao túng.

- Quá trình liên kết, hợp tác song phương, đa phương thực chất là một cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Nó cũng là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh.

##### *b) Tình hình chính trị trên thế giới có sự thay đổi lớn*

Cục diện chính trị thế giới có sự thay đổi căn bản:

- Sự khủng hoảng của CNXH đã dẫn đến sự sụp đổ của các nước XHCN Liên Xô và Đông Âu. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang gặp khó khăn lớn. Sự sụp đổ này không bắt nguồn từ học thuyết Mác-Lênin mà có nhiều nguyên nhân, trong đó có sự sai lầm trong việc vận dụng học thuyết này.

- Chiến tranh lạnh đã kết thúc, nhưng nền hoà bình thế giới đang đứng trước thách thức lớn: Chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế; Đó là những âm mưu và hành động của các thế lực phản động can thiệp thô bạo đối với độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhiều nước trên thế giới, bất chấp luật pháp quốc tế và những nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang tiếp tục tự điều chỉnh để khắc phục những mâu thuẫn vốn có, do nó đang nắm giữ và sử dụng được nhanh các thành tựu của khoa học-công nghệ hiện đại. Mặc dù đây là vấn đề rất khó khăn, nếu không nói là không khắc phục được.

- Các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á-Thái Bình Dương là những khu vực phát triển năng động của thế giới, nhưng sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ vẫn đang tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Trong đó có Việt Nam.

- Các quốc gia độc lập cũng đang có sự phân hóa mạnh mẽ về nhiều mặt, buộc họ phải đứng trước sự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình.

- Thế giới đang diễn ra hai tình hình tưởng như mâu thuẫn nhau nhưng lại thống nhất trong một chỉnh thể: Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt, phức tạp với nhiều hình thức. Nhưng thế giới cũng đang diễn ra một quá trình hợp tác trong xu thế toàn cầu hoá.

Tất cả những điều đó đều tác động đến các mặt đời sống kinh tế-chính trị-xã hội của nước ta. Tuy nhiên, với xu thế toàn cầu hóa về kinh tế thì hòa bình, hợp tác và phát triển đang trở thành xu thế lớn của thời đại ngày nay.

## **2) Bối cảnh trong nước**

Từ những năm 70 của thế kỷ XX, nguồn viện trợ không còn mà thị trường ngoại thương của ta cũng bất ngờ bị thu hẹp. Kẻ thù ra sức bao vây, cấm vận ta về kinh tế, âm mưu lợi dụng những khó khăn của ta, đẩy ta vào thế bị cô lập về chính trị và ngoại giao.

Trong hoàn cảnh đó, đường lối đổi mới của Đảng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế đa thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, định hướng XHCN; Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Thực hiện đường lối đổi mới đất nước, Việt Nam hiện có những đặc điểm sau:

*Một là, chúng ta thu được nhiều thành tựu vĩ đại*, thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước định hướng XHCN, nhân dân ta với Nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, tình hình chính trị ổn định, tình hình xã hội tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Vị thế Việt Nam không ngừng nâng cao trên trường quốc tế, cho phép phấn đấu đến 2020 về cơ bản Việt Nam là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*Hai là, đất nước ta vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức*: Nạn tụt hậu về kinh tế, chênh lệch XHCN, tham nhũng và quan liêu, xa dân, diễn biến hòa bình do kẻ thù gây ra, vẫn đang tồn tại và có nhiều diễn biến phức tạp.

Vấn đề sống còn của chúng ta là phải nắm bắt được cơ hội, vượt qua được thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi sóng gió quốc tế hay khu vực. Điều đó không thể nào khác là phải nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo nó vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam hiện nay. Vận dụng sáng tạo chứ không máy móc, giáo điều.

## **II. Quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận đối với việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.**

*1. Quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn*: Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ để giải quyết vấn đề nhận thức luận mà chủ yếu là tìm ra kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Lập trường của Hồ Chí Minh là lập trường của giai cấp công nhân làm chủ. Quan điểm của Hồ Chí Minh là cách xem xét, suy nghĩ, hiểu các vấn đề theo chủ nghĩa Mác-Lênin: quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử-cụ thể, quan điểm toàn diện. Phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp biện chứng duy vật bao gồm hai bộ phận là duy vật biện chứng về tự nhiên và duy vật biện chứng về xã hội.

Thấu suốt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn của Hồ Chí Minh, cần chú ý những nội dung cơ bản sau:

*Một là*, Luôn đem những vấn đề lý luận đối chiếu với thực tiễn.

*Hai là*, Trong hoạt động thực tiễn, cần chú ý tổng kết nâng lên thành những vấn đề lý luận.

*Ba là, Thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận*

2.. *Quan điểm lịch sử cụ- thể*: Quan điểm lịch sử-cụ thể là không vin vào câu chữ của quy luật, phạm trù mà vin vào tinh thần cơ bản, nội dung cốt lõi, đích thực của nó để thực hiện đúng, thực hiện phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể.

Vận dụng và phát triển quan điểm lịch sử-cụ thể của HỒ Chí Minh vào đổi mới, cần chú ý:

- Dựa vào lời dạy, lời nói của Người thì nó có nhiều tầng ý nghĩa, nhưng phải đặt nó vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi lời dạy, lời nói của Người mới hiểu được ý nghĩa đích thực của lời dạy, lời nói ấy.

- Tư tưởng HỒ Chí Minh cũng như mỗi nội dung tư tưởng của Người là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, của một hoàn cảnh cụ thể ta cần phải nghiên cứu, học tập.

- Những quan điểm của HỒ Chí Minh còn phải được tìm trong cuộc sống, trong những việc làm cụ thể của Người diễn ra trong những không gian, thời gian nhất định. Thoát ly khỏi hoàn cảnh cụ thể, ta không thể vận dụng và phát triển tư tưởng của HỒ Chí Minh một cách đúng đắn, có hiệu quả được.

- Phải thấy rằng có những quan điểm của Người, ngày nay vẫn còn nguyên ý nghĩa mà ta phải áp dụng, nhưng cũng có những quan điểm đúng mà nay đã bị thực tiễn vượt qua. Cần đặt tư tưởng HỒ Chí Minh vào trong một điều kiện mới để vận dụng và phát triển, như HỒ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

3. *Quan điểm toàn diện và hệ thống*: HỒ Chí Minh luôn có cách nhìn toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quá khứ, hiện tại, tương lai, truyền thống, hiện đại... Tư tưởng của Người là một hệ thống nhất quán ngay từ đầu: Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Vận dụng và phát triển quan điểm toàn diện và hệ thống của HỒ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng hiện nay, cần chú ý:

- Phải nhìn nhận sự vật và hiện tượng một cách toàn cục, bao quát.

- Tránh bỏ sót việc lớn, bỏ qua việc cơ bản, chỉ thấy việc vụn vặt. Phải nắm lấy việc chủ yếu, trọng tâm có tác động chung đến toàn hệ thống.

- Phải đặt vấn đề vào trong một tổng thể, tìm ra bản chất vấn đề trong toàn bộ quá trình phát sinh, hình thành, tồn tại, vận động và phát triển của nó.

- Không biệt lập từng quan điểm của HỒ Chí Minh, không cắt khúc các quan điểm đó một cách siêu hình, phải đặt tư tưởng HỒ Chí Minh vào trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

4. *Quan điểm kế thừa và phát triển*: Trung thành với tư tưởng HỒ Chí Minh là trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Người. Tức là kiên trì con đường và mục tiêu Người đã chỉ dẫn, đồng thời là sự vận dụng tinh thần và phương pháp HỒ Chí Minh để phát hiện ra những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, tìm ra những luận điểm mới, cách làm mới phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới. Tức là không đi chệch hướng XHCN, nhưng không phải bám khư khư lấy những câu chữ của Người khi tình hình đã thay đổi.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là một học thuyết mở. Tư tưởng HỒ Chí Minh là những vấn đề mở. Cần vận dụng tư tưởng của Người vào công cuộc đổi mới một cách sống động, và bổ sung phát triển tư tưởng của Người bằng sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

### **III. Phương hướng và một số nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.**

#### **1. Phương hướng**

*Nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giải đáp đúng những vấn đề do thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra hiện nay.*

Thực tiễn là tiêu chuẩn của thước đo chân lý. Thực tiễn là nguồn gốc, là động lực và là mục đích của chân lý. Trước đây Lenin đã nói: Với sự giúp đỡ của một nước XHCN phát triển, các nước kinh tế lạc hậu có thể tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

Ngày nay điều kiện đó không còn nữa; Việt Nam là một nước chậm phát triển sẽ đổi mới đi lên CNXH như thế nào?

Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: “đổi mới phải dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm tốt của thế giới, không sao chép bất kỳ một mô hình có sẵn nào,... tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm chắc cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình”<sup>174</sup>.

Điều đó buộc chúng ta phải nắm chắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới.

## **2. Một số nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.**

a) *Kiên định con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn (mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn liền với lý tưởng XHCN).*

Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Hồ Chí Minh đã trao cho chúng ta ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, chúng ta có trách nhiệm trao lại cho các thế hệ nối tiếp. Tức phải ra sức phát triển chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, kết hợp với bồi dưỡng cho các thế hệ thanh, thiếu niên về lý tưởng XHCN.

Lịch sử Việt Nam đã và đang chứng minh cho sự lựa chọn đó của Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng.

CNXH ở Liên-Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Nhưng đó là sự sụp đổ của một mô hình cụ thể cho đến nay đã có nhiều khuyết tật. CNXH đích thực vẫn là mục tiêu của toàn nhân loại đang hướng đến.

Chúng ta kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, vì nó là duy nhất đúng ở Việt Nam, đồng thời nó là khát vọng cháy bỏng của Hồ Chí Minh.

Kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, chúng ta tiếp tục thực hiện 6 đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam được nêu trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH”:

- Xã hội do nhân dân lao động làm chủ
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

<sup>174</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, Hà Nội 2001, trang 81.

Kiên định theo con đường mà HỒ Chí Minh đã lựa chọn là tiêu chí đánh giá sự vững vàng về chính trị, tư tưởng, lập trường, lý tưởng XHCN của mỗi công dân Việt Nam yêu nước hiện nay.

*b. Dựa vào sức mạnh toàn dân (Quán triệt tư tưởng HỒ Chí Minh: Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mọi chủ trương chính sách phải hướng vào dân, dựa vào dân).*

Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”<sup>175</sup>.

Hiện nay, ngoài bốn nguy cơ: Tụt hậu; Chệch hướng XHCN; Quan liêu, tham nhũng; Diễn biến hòa bình, ta còn phải đề phòng một nguy cơ nữa là Xa dân, mất lòng dân. Muốn thế phải chăm lo phát triển nguồn lực con người trên cơ sở mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ, bồi dưỡng ý thức làm chủ của người dân.

Muốn củng cố và phát huy sức mạnh toàn dân làm nên thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, cần chú ý:

*Một là, Thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người - con người mới đủ tài đủ đức đáp ứng tốt mọi yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước*

*Hai là, tiếp tục xây dựng và củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), đưa chiến lược đại đoàn kết HỒ Chí Minh lên một tầm cao và một chiều sâu mới.*

Kẻ thù đang tập trung chống phá cách mạng Việt Nam ở hai vấn đề: Dân tộc và Tôn giáo. Chính thế, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân đòi hỏi phải chăm lo giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam. Đảng ta cũng đã xác định tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của một bộ phận không nhỏ nhân dân Việt Nam. Việt Nam tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng cũng nêu cao cảnh giác chống mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

Ngoài ra, những mặt trái do cơ chế thị trường tạo ra, nếu chậm khắc phục cũng sẽ là một nguy cơ đe dọa khối đại đoàn kết dân tộc.

*Ba là, Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân*

*Bốn là, dựa vào sức mạnh của dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, dựa trên cơ sở giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HỒ Chí Minh làm nền tảng.*

*Năm là, làm cho nhân dân làm tròn nghĩa vụ công dân cả trên cương vị cá nhân và tổ chức.*

*c. Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.*

*Một là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh*

Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng cầm quyền, đồng thời cầm quyền trong điều kiện duy nhất một đảng cầm quyền. Điều đó có rất nhiều thuận lợi, nhưng cũng dễ rơi vào nguy cơ độc quyền, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ. Chính thế, Đảng phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, nên ngoài việc thường xuyên tự chỉnh đốn, đổi mới bản thân mình, Đảng còn có trách nhiệm tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân.

<sup>175</sup> Sdd, trang 86.

Đảng có vai trò, trách nhiệm mà không một tổ chức chính trị nào có thể thay thế đối với hệ thống chính trị. Mọi âm mưu xuyên tạc, hạ thấp hoặc xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đều đi ngược lại sự thật hiện hữu trong đời sống xã hội Việt Nam, đều mang dụng ý không trong sáng.

*Hai là, xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.* Phải tiếp tục cải cách và hoàn thiện bộ máy Nhà nước (Chống chủ nghĩa cá nhân, kiện toàn bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ...), thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của dân nhằm nâng cao hiệu lực của Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhà nước phải thực hiện chức năng công quyền, nhân viên của nhà nước là công bộc có trách nhiệm thi hành công vụ được dân giao phó. Cần chú trọng xây dựng pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống một cách có hiệu quả.

*Ba là, luôn luôn chăm lo xây dựng Mặt trận và các đoàn thể quần chúng nhân dân.* Không có phong trào cách mạng của quần chúng thì sự nghiệp đổi mới không thể thành công. Không có các tổ chức Mặt trận và các đoàn thể quần chúng nhân dân thì không thể có cơ sở vững chắc cho tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, không thể có cơ sở, nền tảng của chính quyền các cấp.

Mặt trận tổ quốc Việt Nam, làm cho tất cả mọi người Việt Nam, dù ở cương vị nào, dù ở trong nước hay ngoài nước, đều dẹp bỏ mọi thành kiến, gác lại quá khứ nhìn về tương lai vì một nước Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các tổ chức đoàn thể khác, trong đó có tổ chức thanh niên, phải luôn đi đầu trong các lĩnh vực.

Mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị hiện nay là xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

## **ĐỀ TÀI THẢO LUẬN**

Vì sao đổi mới theo con đường Hồ Chí Minh đã lựa chọn phải gắn độ lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội?

### **Câu hỏi ôn tập**

1. Khi vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào bối cảnh hiện nay cần phải quan tâm đến những vấn đề gì? Tại sao?
2. Phân tích những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Những phương hướng và nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam?
4. Hồ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những điểm nào?

5. Hồ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về Đảng Cộng sản và Nhà nước ở những điểm nào?



## **CHƯƠNG THAM KHẢO: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHĂM LO BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU**

Hồ Chí Minh là người sớm nhận rõ vị trí, vai trò của thế hệ trẻ. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

### **I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của thế hệ trẻ.**

#### **1.1 Muốn thức tỉnh một dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên.**

Muốn thức tỉnh dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên, là vì: Theo Người, thanh niên là những người trẻ tuổi, có sức khỏe, nhiệt tình, hăng hái, ham tìm hiểu, nhanh tiếp thu cái mới..., có vai trò quan trọng trong các phong trào xã hội. Thức tỉnh thanh niên là bước đầu tiên để thức tỉnh một dân tộc đứng lên giành độc lập và xây dựng xã hội mới.

#### **1.2 Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội, của dân tộc.**

Năm 1946, trong thư gửi học sinh, Người viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”<sup>176</sup>. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của thanh niên đối với sự phát triển của xã hội. Chăm lo tốt cho thế hệ trẻ là đảm bảo tương lai phát triển bền vững và tươi sáng của dân tộc.

#### **1.3 Sự phát triển của xã hội phần lớn phụ thuộc vào thanh niên.**

Người viết: “Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc chuẩn bị cho cái tương lai đó”<sup>177</sup>. Chính thế mà Người khuyên thanh niên: “Không có việc gì khó, Chỉ sợ lòng không bền, Đào núi và lấp biển, Quyết chí ắt làm nên”<sup>178</sup>.

#### **1.4 Sự học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ góp phần quan trọng đến tương lai phát triển của đất nước.**

Trong ngày khai trường đầu tiên sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong thư gửi cho học sinh, Người kêu gọi: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”<sup>179</sup>.

Trong thư gửi nhi đồng nhân Tết Trung thu đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người viết: “Ngày nay các cháu là nhi đồng. Ngày sau, các cháu là người chủ của nước nhà, của thế giới. Các cháu đoàn kết thì thế giới hoà bình và dân chủ, sẽ không có chiến tranh. Các cháu phải thi đua, tùy theo sức của các cháu, làm được việc gì có ích cho kháng chiến thì thi đua việc ấy”<sup>180</sup>.

#### **1.5 Vai trò của giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ đối với sự nghiệp cách mạng.**

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo. Người viết: “Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí”<sup>181</sup>, vì “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài”<sup>182</sup>. Không có giáo dục, không có cán bộ thì không thể nói gì

<sup>176</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, t.4, tr.167.

<sup>177</sup> Sđđ, t.5, tr. 185.

<sup>178</sup> Sđđ, t.6, tr. 95.

<sup>179</sup> Sđđ, t.4, tr. 33.

<sup>180</sup> Sđđ, t.6, tr. 300.

<sup>181</sup> Sđđ, t.4, tr. 36.

<sup>182</sup> Sđđ, t.4, tr. 451.

đến kinh tế và văn hoá. Trong đào tạo cán bộ thì giáo dục là bước đầu tiên. Trong chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau, thì thế hệ sau phải tiến bộ hơn thế hệ trước mới tốt.

Người không chỉ quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ bằng sách vở, lời nói, mà chủ yếu bằng chính cuộc đời cách mạng của Người. Năm 1919, tại Pari, Người đã thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước, chủ yếu là thanh niên. Năm 1924, tại Liên Xô, Người tham gia các hoạt động của Quốc tế Thanh niên. Năm 1925, tại Trung Quốc, Người đã cải tổ “Tâm tâm xã” thành “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”. Với niềm tin vào thế hệ trẻ, vì độc lập dân tộc và CNXH, Người đã bắt đầu các hoạt động cách mạng của mình trong thanh niên và luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

**II. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.**

### **2.1 Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là công việc rất quan trọng và cần thiết**

Khi chưa có chính quyền, Người luôn quan tâm đến việc thức tỉnh thanh niên và chăm lo giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ.

Khi đã có chính quyền, Người luôn coi phát triển giáo dục là một trong những công việc quan trọng đầu tiên của cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người yêu cầu phải có một nền giáo dục kháng chiến. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Người dặn dù hoàn cảnh nào cũng phải thi đua dạy tốt, học tốt.

Với Hồ Chí Minh, “văn hoá giáo dục phải phát triển mạnh mẽ để phục vụ yêu cầu của cách mạng”<sup>183</sup>. Cách mạng càng phát triển thì càng đòi hỏi đông đảo đội ngũ cán bộ các thế hệ, đòi hỏi dân trí phải được nâng cao, giáo dục phải phát triển để làm nhiệm vụ chăm lo bồi dưỡng các thế hệ cách mạng, đặc biệt quan trọng là thế hệ trẻ.

#### **2.2 Mục đích của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.**

Mục đích hàng đầu của giáo dục là đào tạo cán bộ cho cách mạng. Giáo dục nhằm vào mục đích thật thà phụng sự nhân dân, đào tạo con em lao động thành những người công dân có ích cho đất nước, những người chủ tương lai tốt của nước nhà.

Vì vậy, trường học phải làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của học sinh, nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu CNXH, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, sẵn sàng nhận và hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao phó cho thanh niên.

#### **2.3 Nội dung giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ**

- Bồi dưỡng, giáo dục thế hệ cách mạng cho đời sau một cách toàn diện.

Đức và tài, cả hai không thể thiếu, trong đó đức là gốc. Người yêu cầu trong giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ XHCN, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất; đào tạo thế hệ trẻ thành những người thừa kế xây dựng XHCN vừa hồng vừa chuyên.

- Bồi dưỡng, giáo dục phải trên tất cả các mặt đức, trí, thể, mỹ... gắn bó chặt chẽ với nhau, thể hiện cụ thể ở 5 nội dung:

+ Giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ. Người căn dặn thanh niên: “Chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là suốt đời phấn đấu cho Tổ quốc ta được hoàn toàn độc lập, CNXH được hoàn toàn thắng lợi trên

<sup>183</sup> Sđd, t.10, tr. 190.

đất nước ta”<sup>184</sup>. Mục tiêu lý tưởng phấn đấu của thanh niên là học tập để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

+ Quan tâm bồi dưỡng nâng cao chí khí cách mạng cho tuổi trẻ. Đó là chí khí cách mạng: trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

+ Giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Đó là những công dân có ích, những chiến sỹ tốt với các phẩm chất: Yêu thương con người; Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

+ Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật, quân sự. Đặc biệt là mối quan hệ giữa chính trị và các nội dung ấy. Nếu chỉ học tập văn hoá, khoa học kỹ thuật mà không học tập chính trị thì như người nhắm mắt mà đi.

+ Giáo dục, bồi dưỡng về nếp sống văn hoá, giáo dục thể chất cho tuổi trẻ. Người viết: “Luyện tập thể dục thể thao bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của mỗi người dân yêu nước. Mỗi người dân yếu ớt là làm cho cả nước yếu ớt một phần. Mỗi người dân khoẻ mạnh là góp phần làm cho cả nước mạnh khoẻ”.

### **2.4 Phương pháp giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ**

- *Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng, giáo dục là một khoa học.*

Người chỉ ra mỗi cấp học phải nhận rõ nhiệm vụ của mình. Thực hiện giáo dục không thể tùy tiện, mà phải theo hoàn cảnh, điều kiện, phải ra sức làm nhưng không được vội vàng. Phải có kế hoạch từng bước. Việc gì cũng phải từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành hần hoi, hơn một chương trình lớn mà không làm được.

- *Giáo dục phải gắn liền với xã hội, học đi đôi với hành.*

Giáo dục phải xuất phát và bám chắc mục tiêu giáo dục. Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống nhân dân.

- *Giáo dục phải phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội.*

Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên cần chú ý giáo dục tư tưởng, thái độ, hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của thanh niên để kịp thời khuyến khích, uốn nắn, sửa chữa. Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên phải liên hệ chặt chẽ trong việc giáo dục thanh niên.

- *Thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục*

Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò. Phải xây dựng quan hệ thật tốt, đoàn kết chặt chẽ giữa thầy với thầy, giữa thầy và trò, giữa trò và trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục là sự nghiệp của quần chúng.

- *Giáo dục phải gắn liền với thi đua.*

Trong nhà trường, giáo dục gắn liền với thi đua là thi đua dạy tốt, học tốt.

### **2.5 Vai trò của các thế hệ đi trước, của thầy giáo trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ.**

- *Giáo dục thế hệ trẻ phải thực hiện phương pháp nêu gương.*

HỒ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò quan trọng của thầy, cô giáo với sự nghiệp trồng người, coi nghề dạy học là rất quan trọng, rất vẻ vang: “Nhiệm vụ giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục”<sup>185</sup>.

<sup>184</sup> Sđd, t.11, tr. 372.

<sup>185</sup> Sđd, t.8, tr. 184.

- Phải xây dựng đội ngũ những “người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo”.

Hồ Chí Minh yêu cầu về phẩm chất của người thầy: Thật thà yêu nghề; Có đạo đức cách mạng; Phải yên tâm công tác; Phải thật thà đoàn kết; Phải thương yêu học sinh như con em ruột của mình; Phải luôn thi đua công tác và học tập, thật thà phê bình và tự phê bình cùng giúp nhau tiến bộ.

## CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THI HẾT HỌC PHẦN

1. Trình bày khái niệm tư tưởng HỒ Chí Minh? Làm rõ tư tưởng HỒ Chí Minh là một bộ môn khoa học của khoa học lý luận Mác-Lênin?
2. Phân tích những nguồn gốc ra đời của tư tưởng HỒ Chí Minh? Dựa trên cơ sở nào để khẳng định đến 1930, tư tưởng HỒ Chí Minh đã được hình thành về cơ bản?
3. Trình bày những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
4. Trình bày những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc? Sự vận dụng tư tưởng bạo lực cách mạng của HỒ Chí Minh trong tình hình hiện nay ở Việt Nam?
5. Phân tích quan điểm của HỒ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân phải được thực hiện trên nền tảng liên minh công-nông và do Đảng Cộng sản lãnh đạo?
6. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?
7. Phân tích những nội dung cơ bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sự vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?
8. Phân tích những nhân tố đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa do HỒ Chí Minh vạch ra? Sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta về quan điểm của HỒ Chí Minh về động lực con người của chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay?
9. Phân tích những quan điểm cơ bản của HỒ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
10. Căn cứ vào đâu mà khẳng định: HỒ Chí Minh là người đầu tiên đã phát hiện đầy đủ, chính xác và khoa học các yếu tố cấu thành của sức mạnh thời đại? Ý nghĩa của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
11. Phân tích quan điểm của HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam là bộ phận hạt nhân và là bộ phận lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
12. Phân tích những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đã được HỒ Chí Minh nhấn mạnh?
13. Phân tích quan điểm của HỒ Chí Minh về "Đảng Cộng sản vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Đảng phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt mật thiết với nhân dân"? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
14. Phân tích luận điểm của HỒ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân? Ý nghĩa của vấn đề này trong thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay?
15. Phân tích những chuẩn mực cơ bản và nguyên tắc xây dựng đạo đức con người mới Việt Nam trong tư tưởng HỒ Chí Minh? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay?
16. Phân tích những quan điểm chủ yếu trong tư tưởng nhân văn HỒ Chí Minh? Ý nghĩa của quan điểm HỒ Chí Minh về sự nghiệp trồng người trong công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam?

17. Phân tích những quan điểm chủ yếu của HỒ Chí Minh về văn hóa giáo dục? Ý nghĩa của vấn đề này trong công cuộc đổi mới hiện nay?

18. Khi vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh vào bối cảnh hiện nay cần phải quan tâm đến những vấn đề gì? Nêu và phân tích những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận trong tư tưởng HỒ Chí Minh?

19. Những phương hướng và nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam?

20. HỒ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những điểm nào?

21. HỒ Chí Minh đã trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam về Đảng Cộng sản và Nhà nước ở những điểm nào?